



NGUYỄN THỊ VĨNH HÀ – NGUYỄN THẾ HƯNG
LÊ TRÀ MY – LÊ THỊ MINH NGUYỆT

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

MÔN

NGỮ VĂN

LỚP 9 – TẬP HAI

● (HỖ TRỢ GIÁO VIÊN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY
THEO SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 9 – BỘ SÁCH
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

GV:	giáo viên
HS:	học sinh
SGK:	sách giáo khoa
SGV:	sách giáo viên
VB:	văn bản

MỤC LỤC

Bài 6. GIẢI MÃ NHỮNG BÍ MẬT	6
A. MỤC TIÊU	6
B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH	6
C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC	7
I. Tìm hiểu khái quát về bài học	7
II. Đọc VB 1: <i>Ba chàng sinh viên</i> (A-thơ Cô-nan Đoi-lơ)	8
III. Thực hành tiếng Việt: Các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu ghép	15
IV. Đọc VB 2: <i>Bài hát đồng sáu xu</i> (A-ga-thơ Crít-xti)	19
V. Đọc VB 3: <i>Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời</i> (trích, Nguyễn Thị Ngọc Hải)	25
VI. Thực hành tiếng Việt: Lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép	30
VII. Viết: Viết truyện kể sáng tạo	34
VIII. Nói và nghe: Kể một câu chuyện tưởng tượng	38
IX. Củng cố, mở rộng	41
X. Thực hành đọc: <i>Ba viên ngọc bích</i> (trích, Phạm Cao Cung)	43
Bài 7. HỒN THƠ MUÔN ĐIỀU	53
A. MỤC TIÊU	53
B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH	54
C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC	55
I. Tìm hiểu khái quát về bài học	55
II. Đọc VB 1: <i>Tiếng Việt</i> (Lưu Quang Vũ)	55
III. Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của từ ngữ, biện pháp tu từ	66
IV. Đọc VB 2: <i>Mưa xuân</i> (Nguyễn Bính)	69
V. Thực hành tiếng Việt: Sự phát triển của từ vựng, biện pháp tu từ	76
VI. Đọc VB 3: <i>Một kiểu phát biểu luận đề độc đáo của Xuân Diệu ở bài thơ “Vội vàng”</i> (Phan Huy Dũng)	80
VII. Viết	84
Tập làm một bài thơ tám chữ	84
Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ	86

VIII. Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học)	89
IX: Củng cố, mở rộng	92
X. Thực hành đọc: <i>Miền quê</i> (Nguyễn Khoa Điềm)	93
ĐỌC MỞ RỘNG	100
Bài 8. TIẾNG NÓI CỦA LƯƠNG TRI	105
A. MỤC TIÊU	105
B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH	106
C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC	107
I. Tìm hiểu khái quát về bài học	107
II. Đọc VB 1: <i>Đấu tranh cho một thế giới hoà bình</i> (trích, Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két)	107
III. Thực hành tiếng Việt: Nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng	113
IV. Đọc VB 2: <i>Biến đổi khí hậu – mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta</i> (trích <i>Phát biểu của Tổng Thư ký Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, An-tô-ni-ô Gu-tê-rét</i>)	116
V. Thực hành tiếng Việt: Lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép, các kiểu câu ghép	121
VI. Đọc VB 3: <i>Bài ca chúc Tết thanh niên</i> (Phan Bội Châu)	123
VII. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội)	127
VIII. Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại)	131
IX. Củng cố, mở rộng	133
X. Thực hành đọc: <i>Chuẩn bị hành trang</i> (Vũ Khoan)	133
Bài 9. ĐI VÀ SUY NGẪM	141
A. MỤC TIÊU	141
B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH	142
C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC	143
I. Tìm hiểu khái quát về bài học	143
II. Đọc VB 1: <i>Yên Tử, núi thiêng</i> (Thi Sảnh)	143
III. Thực hành tiếng Việt: Biến đổi cấu trúc câu	151
IV. Đọc VB 2: <i>Văn hoá hoa – cây cảnh</i> (Trần Quốc Vượng)	155
V. Thực hành tiếng Việt: Mở rộng cấu trúc câu	161
VI. Đọc VB 3: <i>Tình sông núi</i> (Trần Mai Ninh)	164

VII. Viết: Viết bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử	170
VIII. Nói và nghe: Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử	173
IX. Củng cố, mở rộng	175
X. Thực hành đọc: <i>Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội</i>	176
ĐỌC MỞ RỘNG	186
Bài 10. VĂN HỌC – LỊCH SỬ TÂM HỒN	191
A. MỤC TIÊU	191
B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH	191
C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC	192
I. Giai đoạn 1: Khởi động dự án	192
II. Giai đoạn 2: Thực hiện dự án	197
Thách thức đầu tiên: Đọc để trưởng thành	197
Đọc như một sự hồi tưởng: VB 1. <i>Văn học Việt Nam từ khu vực ra thế giới, từ truyền thống đến hiện đại</i> (Trần Đình Sử)	197
Đọc trong một thế giới đầy biến động: VB 2. <i>Văn hoá đọc với nhà văn và độc giả trong thời đại công nghệ số</i> (Hà Ngân).....	206
Đọc để tự học và thực hành: VB 3. <i>Bên mộ cụ Nguyễn Du</i> (Vương Trọng)	211
Thách thức thứ hai: Quảng bá giá trị của sách	214
Viết bài quảng cáo về sách dưới hình thức văn bản đa phương thức	214
III. Giai đoạn 3: Báo cáo kết quả dự án	218
Nói và nghe: Về đích: Ngày hội với sách	218
ÔN TẬP HỌC KÌ II	232

BÀI 6. GIẢI MÃ NHỮNG BÍ MẬT

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 9 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU

Bài học góp phần phát triển các năng lực và phẩm chất sau cho HS:

I. VỀ NĂNG LỰC

1. Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.
- Nhận biết được các kiểu câu ghép, kết từ để nối các vế câu ghép; biết lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép trong hoạt động giao tiếp.
- Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.
- Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...).

2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau; hình thành được ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho.

II. VỀ PHẨM CHẤT

Sống trung thực, trách nhiệm; tôn trọng pháp luật.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

Nội dung dạy học	Phương pháp, phương tiện	Chuẩn bị của HS
Độc hiểu VB: <i>Ba chàng sinh viên</i> (3 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác, đóng vai,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	– Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 5 – 6). – Thực hiện phiếu học tập số 1, 2.

Nội dung dạy học	Phương pháp, phương tiện	Chuẩn bị của HS
Thực hành tiếng Việt Các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu ghép (1 tiết)	– Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 6); đọc khung <i>Nhận biết câu ghép đẳng lập, câu ghép chính phụ</i> trong SGK (tr. 15 – 16) và vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung kiến thức.
Đọc hiểu VB: <i>Bài hát đồng sáu xu</i> (3 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	Đọc VB, trả lời các câu hỏi sau khi đọc trong SGK (tr. 23).
Đọc hiểu VB: <i>Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời</i> (1 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Đọc VB, trả lời các câu hỏi sau khi đọc trong SGK (tr. 28).
Thực hành tiếng Việt Lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép (1 tiết)	– Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 6); đọc khung <i>Mục đích của việc lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép</i> trong SGK (tr. 28).
Viết Viết truyện kể sáng tạo (3 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, bảng kiểm.	Chuẩn bị ý tưởng cho truyện kể sáng tạo (mang đến lớp truyện tranh hoặc “truyện chữ” mà em dựa vào để sáng tác).
Nói và nghe Kể một câu chuyện tưởng tượng (1 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, bảng kiểm.	Chuẩn bị nội dung nói: thực hiện phiếu ghi chú (phiếu học tập số 8).

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ BÀI HỌC

1. Mục tiêu

HS nhận biết được chủ đề và thể loại chính được học trong bài.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, trả lời câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> , nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài.	HS nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học.	– Chủ đề bài học <i>Giải mã những bí mật</i>: Việc khám phá, giải mã những bí ẩn không chỉ để thỏa mãn trí tò mò, khả năng phán đoán, mà còn góp phần giúp con người giải quyết nhiều vấn đề hệ trọng của cuộc sống. – Thể loại VB đọc chính: truyện trinh thám.

II. ĐỌC VĂN BẢN 1 (TIẾT 1, 2, 3)

BA CHÀNG SINH VIÊN

(A-thơ Cô-nan Đoi-lơ)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng trải nghiệm về cuộc sống và nghệ thuật để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: – Nêu hiểu biết về công việc của một thám tử. – Nêu tên một nhân vật thám tử trong tác phẩm văn học hoặc bộ phim mà em biết và chia sẻ ngắn gọn cảm nhận của em về nhân vật đó.	HS trình bày hiểu biết về công việc của một thám tử và chia sẻ ngắn gọn cảm nhận về nhân vật thám tử trong một tác phẩm văn học hoặc bộ phim.	– Nêu công việc của một thám tử. Ví dụ: thực hiện các hoạt động điều tra, theo dõi, giám sát, xác minh các vụ việc một cách độc lập theo yêu cầu. – Chia sẻ cảm nhận về một nhân vật thám tử trong tác phẩm văn học hoặc bộ phim. Ví dụ: thám tử Sơ-lốc Hô-m trong sáng tác của A-thơ Cô-nan Đoi-lơ, Héc-quyn Poa-rô trong sáng tác của A-ga-thơ Crít-xti, Cô-nan trong truyện tranh của Gô-sô Ao-da-ma,...

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám *Ba chàng sinh viên* như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 1 (đã thực hiện ở nhà). – GV mời HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về nhà văn A-thơ Cô-nan Đoi-lơ (HS đã chuẩn bị ở nhà, nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 1). – GV hỏi: Em đã được đọc nhiều tác phẩm truyện và bước đầu tìm hiểu đặc điểm của truyện trinh thám. Dựa vào những hiểu biết đó, em định hướng sẽ thực hiện những hoạt động nào để đọc hiểu truyện <i>Ba chàng sinh viên</i>?	– HS trao đổi cặp đôi và trình bày kết quả thảo luận. – HS trình bày vài nét thông tin về tác giả. – HS trả lời câu hỏi, thảo luận, góp ý.	I. Tìm hiểu chung 1. Khám phá tri thức ngữ văn Điền đúng được các từ ngữ vào chỗ trống: a. quá trình điều tra vụ án; bí ẩn, bất ngờ b. hiện trường; chi tiết, cụ thể; bằng chứng phạm tội c. phần đầu tác phẩm; tháng, năm hay tình huống; chịu áp lực; tìm ra kẻ phạm tội d. vụ án và hành trình phá án của người điều tra e. người điều tra, nạn nhân, nghi phạm, thủ phạm g. bí ẩn, li kì; bất ngờ h. thứ nhất hoặc ngôi thứ ba 2. Tác giả A-thơ Cô-nan Đoi-lơ – A-thơ Cô-nan Đoi-lơ (1859 – 1930) là nhà văn người Xcốt-len. – Ông nổi tiếng trên toàn thế giới với truyện trinh thám, trong đó nhân vật chính là Sơ-lốc Hòm. 3. Định hướng cách đọc hiểu truyện trinh thám Khi đọc truyện trinh thám, cần tóm tắt cốt truyện, xác định vụ án cần điều tra, tìm hiểu nhân vật người điều tra, chỉ ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật của tác phẩm, tìm chủ đề của truyện,...

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi: Dựa vào nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 2 (đã chuẩn bị ở nhà) để tóm tắt tác phẩm. – GV yêu cầu HS: Từ việc đọc VB ở nhà và tóm tắt nội dung truyện, em hãy đọc diễn cảm một phần trong VB mà em thấy thích nhất; chia sẻ lí do vì sao em ấn tượng với đoạn đó. – GV yêu cầu HS trao đổi về một số từ ngữ khó trong VB. – GV cho HS trả lời cá nhân nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 2. GV yêu cầu HS tìm ra các chi tiết cho thấy không gian, thời gian xảy ra vụ việc.	– HS trình bày nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 2. – HS đọc diễn cảm VB (có thể đọc phân vai). – HS đọc chú thích một số từ ngữ khó. – HS trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận.	II. Khám phá VB 1. Tìm hiểu cốt truyện, vụ án cần điều tra, hệ thống nhân vật, ngôi kể <i>a. Cốt truyện</i> Chuỗi sự kiện của tác phẩm: – Vụ việc gây lo lắng, hoảng hốt: Có kẻ đã vào văn phòng của thầy Xôm để chép trộm đề thi trước ngày diễn ra cuộc thi giành học bổng có giá trị cao. – Hành trình phá án: Thám tử Sơ-lốc Hôm tới văn phòng của thầy Xôm để xem xét, nghiên cứu hiện trường nhằm tìm ra thủ phạm. Cuộc điều tra tuy nhanh nhưng đã xác định rõ được nghi phạm là ba sinh viên ở cùng toà nhà với thầy Xôm. – Công bố sự thật: Sơ-lốc Hôm đã tới gặp thầy Xôm và khuyên ông vẫn tổ chức cuộc thi. Thám tử đã lập ra một “toà án nho nhỏ” để chỉ ra thủ phạm là Ghi-crit và người đã che giấu tội lỗi của anh ta là người hầu Ben-ni-xtơ. – Từ ngữ chỉ đơn vị đo: <i>inch, foot</i>. <i>b. Vụ việc cần điều tra</i> – Vụ việc: chép trộm đề thi. – Không gian xảy ra vụ việc: văn phòng của thầy Xôm. Phòng làm việc có một cửa sổ gắn lưới sắt và nhìn ra khoảng sân rêu phong của ngôi trường cổ kính. Thầy Xôm ở tầng một. Ở các tầng trên là ba sinh viên, mỗi người ở một tầng. – Thời gian xảy ra vụ việc: Buổi chiều trước ngày diễn ra kì thi.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Chỉ ra các chi tiết cho thấy áp lực về thời gian của cuộc điều tra. Việc tạo ra áp lực về thời gian điều tra như vậy có tác dụng gì?	– HS trả lời câu hỏi.	– Thời gian điều tra: chỉ giới hạn trong một đêm (Ông giám học nói: <i>Mai là thi rồi. Tối nay tôi buộc phải đưa ra quyết định dứt khoát. Tôi không thể để kì thi diễn ra khi đề thi bị lộ...</i>). → Tác dụng: tạo độ căng, kịch tính cho câu chuyện và gây sự tò mò, căng thẳng, lôi cuốn người đọc; cho thấy sự tự tin và tài năng của thám tử Sơ-lốc Hôm. <i>c. Hệ thống nhân vật</i> – Người điều tra: thám tử Sơ-lốc Hôm và người bạn Oát-xơn. – Nạn nhân: thầy Xôm. – Nghi phạm: ba sinh viên (Đao-lát Rát, Ghi-crit, Mai Mắc Le-rờn). – Thủ phạm: Ghi-crit. <i>d. Ngôi kể</i> Câu chuyện được kể theo ngôi thứ nhất qua lời của nhân vật Oát-xơn – người bạn thân thiết, đồng thời là cộng sự đắc lực của Sơ-lốc Hôm. 2. Tìm hiểu nhân vật thám tử Sơ-lốc Hôm – Cách thức giúp Sơ-lốc Hôm đi đến kết luận về người có hành động gian dối trước khi kì thi diễn ra: + Loại trừ giả thiết: người thợ in không liên quan vì nếu muốn, anh ta có thể chép lại đề thi ngay tại nhà mình. Sinh viên Đao-lát Rát cũng không liên quan vì khi anh ta vào phòng thầy Xôm, bản in thử vẫn cuộn lại, anh ta không thể biết đó là gì. + Xem xét hiện trường: quan sát khung cửa sổ, Sơ-lốc Hôm nhận thấy mình cao sáu foot, vậy mà phải cố lắm mới nhìn ra được
– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để thực hiện yêu cầu 1 trong phiếu học tập số 3: Tìm hiểu nhân vật thám tử Sơ-lốc Hôm. – GV yêu cầu HS đọc lại một phần VB từ “Thầy Xôm, từ lúc thầy nói rằng không có ai” đến “Tôi nói đúng chứ, cậu Ghi-crit?” (SGK, tr. 11 – 12).	– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm; trình bày, trao đổi, thảo luận. – HS đọc diễn cảm.	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Để tạo nên sự hấp dẫn của truyện trinh thám, nhà văn thường đánh lạc hướng suy luận của người đọc để cuối cùng, chân tướng sự việc lộ diện bất ngờ. Đặc điểm này được thể hiện như thế nào trong truyện <i>Ba chàng sinh viên</i>? (Gợi ý: Đặc điểm của ba sinh viên khiến người đọc nghi ngờ ai là thủ phạm chép trộm đề thi? Thầy Xôm và Oát-xơn nghi ngờ ai? Cuối cùng, những ai có liên quan trong vụ chép trộm đề thi?)	– HS trả lời câu hỏi.	tờ giấy để trên bàn giữa phòng. Từ đó, vị thám tử hướng sự chú ý vào cậu sinh viên có thân hình rất cao. Mẩu đất trên bàn ngoài phòng làm việc chứng tỏ kẻ chép trộm đề thi đặt đôi giày ở đó, vết rách do đinh giày để lại trên mặt bàn hằn rõ theo hướng phòng ngủ cho thấy chiếc giày bị kéo về hướng đó và thủ phạm đã trốn trong phòng ngủ. + Tìm kiếm bằng chứng: Vị thám tử đã đến sân nhảy xa và nhận thấy loại đất sét đen cứng được đổ trong hố nhảy cùng một ít mùn cưa rải lên bề mặt chính là loại đất bám quanh đinh giày vương ở bàn và mẩu đất thứ hai rã ra, rơi xuống sàn phòng ngủ. – Nhận xét về tài năng của vị thám tử: Sơ-lốc Hòm thông minh, có khả năng phán đoán nhanh nhạy, quan sát tinh tường, phân tích sắc sảo, suy luận lô-gíc,... 3. Tìm hiểu vài nét về nghệ thuật của tác phẩm – Câu chuyện có tính bí ẩn, bất ngờ. Nhà văn đã sáng tạo một số chi tiết có vai trò đánh lạc hướng suy luận của người đọc: + Đặc điểm của các sinh viên ở cùng toà nhà với thầy Xôm: Ghi-crit – một sinh viên chăm chỉ, tử tế và là vận động viên giỏi – sống ở tầng hai. Đao-lát Rát sống ở tầng ba. Cậu học tốt nhưng môn tiếng Hy Lạp yếu. Sống ở tầng trên cùng là Mai Mắc Le-rờn. Cậu ta được xem là sáng dạ nhất trường, nhưng lại lười học, ương ngạnh, ăn chơi và vô kỉ luật. Cậu ta suýt bị đuổi học ngay trong năm thứ nhất vì dính vào một vụ bài bạc. Cả học kì này, cậu ta toàn rong chơi.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Nhận xét về nghệ thuật miêu tả trong tác phẩm. – GV hỏi: Việc nhà văn để cho Oát-xơn – bạn thân của Sơ-lốc Hòm – vào vai người kể chuyện ngôi thứ nhất có tác dụng gì?	– HS trả lời câu hỏi, thảo luận.	→ Khiến người đọc hướng sự nghi ngờ đến Mai Mắc Le-rờn. + Trong ba sinh viên, thầy Xôm nghi ngờ Mai Mắc Le-rờn vì thái độ bất lịch sự khi ông gõ cửa phòng. + Oát-xơn nghi ngờ Mai Mắc Le-rờn vì ăn nói lỗ mắng và nổi tiếng vô kỉ luật. Anh chàng Ấn Độ Dao-lát Rát cũng đáng nghi vì trông “ranh ma” và hành động khó hiểu (đi lại liên tục trong phòng). + Thầy Xôm, Sơ-lốc Hòm và Oát-xơn đều thấy người hầu Ben-ni-xtơ là người trung hậu, có lẽ không liên quan đến vụ việc. → Tuy nhiên, những người có liên quan đến hành động gian dối trước khi kì thi diễn ra là Ghi-crít và Ben-ni-xtơ (người bao che lỗi lầm của Ghi-crít). Điều này đem đến sự bất ngờ, hấp dẫn cho tác phẩm. – Không gian, thời gian; cử chỉ, hành động,... của nhân vật được khắc hoạ chi tiết, cụ thể, lô-gíc, đầy ẩn ý. – Câu chuyện được kể qua lời của nhân vật Oát-xơn khiến câu chuyện đáng tin hơn. (Thám tử trong các truyện trinh thám thường không đơn độc, anh ta luôn có một người bạn đồng hành.)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS xác định chủ đề của tác phẩm và trả lời câu hỏi: Em rút ra bài học gì từ câu chuyện được kể trong tác phẩm?	HS trả lời câu hỏi, thảo luận.	III. Tổng kết - Chủ đề: + Ca ngợi tài năng phá án của thám tử Sơ-lốc Hòm. + Thể hiện niềm tin vào sự thật và phẩm chất tốt đẹp của con người (lòng tự trọng, sự ân hận,...). - HS nêu được bài học. Ví dụ: sự trung thực và lòng tự trọng của con người trong cuộc sống; mối quan hệ giữa tình cảm cá nhân và tinh thần tôn trọng sự thật, thượng tôn pháp luật.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Củng cố kiến thức về VB *Ba chàng sinh viên*, kỹ năng đọc truyện trinh thám.

2. Nội dung hoạt động

HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện trinh thám; thực hành viết kết nối với đọc.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS nêu cách đọc truyện trinh thám.	HS trả lời câu hỏi.	Cách đọc truyện trinh thám: xác định vụ án được điều tra, tóm tắt chuỗi sự kiện của tác phẩm, tìm hiểu nhân vật người điều tra, tìm hiểu chi tiết tiêu biểu, khám phá những đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm;...
GV yêu cầu HS thực hiện bài tập <i>Viết kết nối với đọc</i> trong SGK, tr. 14.	HS viết đoạn văn và trình bày đoạn văn.	- Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu: + Nội dung: trình bày suy nghĩ về nhân vật Ben-ni-xơ hoặc Ghi-crit trong truyện <i>Ba chàng sinh viên</i>. + Dung lượng: đoạn văn 7 – 9 câu.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS vẽ tranh hoặc đóng kịch theo cảm nhận và hình dung của mình.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, lựa chọn thực hiện nhiệm vụ (làm ở nhà): – Vẽ tranh thể hiện một chi tiết nghệ thuật trong VB <i>Ba chàng sinh viên</i> mà em ấn tượng. – Đóng kịch thể hiện lại “phiên tòa” mà Sơ-lốc Hôm dựng lên để kẻ phạm tội phải cúi đầu thú nhận.	HS vẽ tranh hoặc đóng kịch theo nhóm ở nhà.	Tranh vẽ và vở kịch của HS.

III. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TIẾT 4)

CÁC KIỂU CÂU GHÉP VÀ PHƯƠNG TIỆN NỐI CÁC VẾ CÂU GHÉP

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng cho HS nội dung bài học; tạo được hứng thú; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng kiến thức nền để trả lời câu hỏi và chơi trò chơi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: – Ở bậc Tiểu học, các em đã được học về câu đơn, câu ghép, hãy làm việc theo cặp để tìm hoặc đặt một câu đơn, một câu ghép. – GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: nói một câu ghép dựa vào hình ảnh đã cho (chiếu một số hình ảnh lên màn hình).	– HS làm việc theo cặp, tìm hoặc đặt một câu đơn, một câu ghép. – HS chơi trò chơi.	– HS tìm được hoặc đặt được một câu đơn, một câu ghép. – HS nói được câu ghép dựa vào hình ảnh.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

Nhận biết được các kiểu câu ghép, kết từ để nối các vế câu ghép.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu các kiểu câu ghép.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS dựa vào sản phẩm cá nhân đã thực hiện ở nhà (sơ đồ tư duy), trao đổi theo nhóm: Đọc kĩ <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 6); đọc khung <i>Nhận biết câu ghép đẳng lập, câu ghép chính phụ</i> trong SGK (tr. 15 – 16) để chỉnh sửa sơ đồ. Lưu ý sơ đồ bao gồm các nội dung: câu ghép đẳng lập, câu ghép chính phụ (khái niệm, những quan hệ ý nghĩa thường gặp, phương tiện nối). – GV cùng HS vẽ sơ đồ, chốt lại kiến thức.	– HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy, trình bày, thảo luận.	I. Các kiểu câu ghép 1. Câu ghép đẳng lập – Những quan hệ ý nghĩa thường gặp giữa các vế của câu ghép đẳng lập là: quan hệ thời gian, quan hệ tương phản, quan hệ lựa chọn,... – Phương tiện ngôn ngữ chủ yếu được dùng để nối các vế của câu ghép đẳng lập là kết từ hoặc cặp từ hô ứng. 2. Câu ghép chính phụ – Những quan hệ ý nghĩa thường gặp giữa các vế của câu ghép

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS nêu thêm ví dụ về câu ghép đẳng lập, câu ghép chính phụ.	– HS nêu ví dụ về câu ghép đẳng lập, câu ghép chính phụ.	chính phụ là: quan hệ nguyên nhân – kết quả; quan hệ điều kiện, giả thiết – hệ quả;... – Phương tiện ngôn ngữ chủ yếu được dùng để nối các vế của câu ghép chính phụ là cặp kết từ hoặc một kết từ ở vế phụ hay vế chính.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Củng cố kiến thức về các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu ghép.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 (làm cá nhân). – GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 2 (làm cá nhân).	– HS thực hiện bài tập 1; trình bày, góp ý cho nhau. – HS thực hiện bài tập 2; trình bày, góp ý cho nhau.	II. Luyện tập Bài tập 1 – Câu ghép đẳng lập: a, d. – Câu ghép chính phụ: b, c. Bài tập 2 a. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép là quan hệ nguyên nhân – kết quả. Các vế câu ghép được nối với nhau bằng cặp kết từ <i>vì ... nên ...</i> b. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép là quan hệ liệt kê. Các vế câu ghép được nối với nhau bằng kết từ <i>và</i>. c. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép là quan hệ mục đích – sự kiện. Các vế câu ghép được nối với nhau bằng kết từ <i>để ở</i> vế phụ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 3 (làm theo nhóm).	– HS thực hiện bài tập 3 theo nhóm; trình bày, góp ý cho nhau.	d. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép là quan hệ tăng cấp. Các vế câu ghép được nối với nhau bằng cặp từ hô ứng ... <i>càng ... càng ...</i> Bài tập 3 a. – Câu “<i>Thu nhập tốt nhưng chỗ làm hơi xa.</i>” nhấn mạnh thông tin chỗ làm xa, đi lại không được thuận lợi. – Câu “<i>Chỗ làm hơi xa nhưng thu nhập tốt.</i>” nhấn mạnh thông tin thu nhập tốt, có ý nhấn mạnh đến mặt tích cực. b. – Câu “<i>Vì Hà chăm chỉ và luôn cố gắng trong học tập nên bạn ấy đạt điểm rất cao trong kì thi vừa qua.</i>” nhấn mạnh thông tin kết quả học tập của Hà (đạt điểm rất cao trong kì thi vừa qua). – Câu “<i>Hà đạt điểm rất cao trong kì thi vừa qua vì bạn ấy chăm chỉ và luôn cố gắng trong học tập.</i>” nhấn mạnh thông tin nguyên nhân Hà có kết quả học tập tốt (chăm chỉ và luôn cố gắng trong học tập). → Việc lựa chọn trật tự của các vế câu đóng vai trò quan trọng để tạo điểm nhấn thông tin và có thể chi phối ý nghĩa của cả câu. Bài tập 4 Câu dùng sai phương tiện nối giữa các vế là câu a, c, d. Có thể sửa lại: a. <i>Hà không những học tốt mà cô ấy còn hát hay.</i> c. <i>Chúng ta càng đọc nhiều sách, kiến thức càng được mở rộng.</i> d. <i>Mặc dù trời mưa rất to nhưng chị ấy vẫn đến đúng giờ.</i>
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 4 (làm theo nhóm).	– HS thực hiện bài tập theo nhóm; trình bày, góp ý cho nhau.	

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức về các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu ghép để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS đặt câu, sưu tầm, đánh giá một số ngữ liệu.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đặt một câu ghép đẳng lập, giữa các vế có quan hệ lựa chọn; một câu ghép chính phụ, giữa các vế có quan hệ nhượng bộ – tăng tiến. – GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, sưu tầm một số lỗi về dùng phương tiện nối các vế câu ghép trong hoạt động giao tiếp.	– HS thực hiện nhiệm vụ. – HS sưu tầm, nhận xét. (thực hiện ở nhà)	– Một câu ghép đẳng lập, một câu ghép chính phụ theo yêu cầu. Ví dụ: + Anh đọc hay tôi đọc? + Tuy nhà xa nhưng bạn ấy luôn đi học đúng giờ. – Một số lỗi về dùng phương tiện nối các vế câu ghép trong hoạt động giao tiếp.

IV. ĐỌC VĂN BẢN 2 (TIẾT 5, 6, 7)

BÀI HÁT ĐỒNG SÁU XU

(A-ga-thơ Crít-xti)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng trải nghiệm về cuộc sống và nghệ thuật để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS thảo luận câu hỏi: Điều gì làm nên sức hấp dẫn của một truyện trinh thám?	HS thảo luận, trình bày.	Sức hấp dẫn của truyện trinh thám: cốt truyện hấp dẫn, li kì; nhân vật người điều tra tài năng; kết thúc truyện bất ngờ, thú vị;...

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám *Bài hát đồng sáu xu* như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV mời HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về nhà văn A-ga-thơ Crít-xti (HS đã chuẩn bị ở nhà). – GV hỏi: Em đã được tìm hiểu đặc điểm của truyện trinh thám và đọc truyện <i>Ba chàng sinh viên</i>. Dựa vào những hiểu biết đó, em định hướng sẽ thực hiện những hoạt động nào để đọc hiểu truyện <i>Bài hát đồng sáu xu</i>?	– HS trình bày vài nét thông tin về tác giả. – HS trả lời câu hỏi, thảo luận, góp ý.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả A-thơ Cô-nan Đoi-lơ – A-ga-thơ Crít-xti (1890 – 1976) là nhà văn lớn người Anh, được mệnh danh là “nữ hoàng truyện trinh thám”. – Sự nghiệp văn học của bà khá đồ sộ với nhiều thể loại: tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch,... 2. Định hướng cách đọc hiểu truyện trinh thám Khi đọc truyện trinh thám, cần tóm tắt truyện, xác định vụ án cần điều tra, tìm hiểu nhân vật người điều tra, chỉ ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật của tác phẩm, tìm chủ đề của truyện,...

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV yêu cầu HS đọc VB, trao đổi cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ: tóm tắt truyện <i>Bài hát đồng sáu xu</i>. - GV cho HS xác định vụ án được kể trong truyện, không gian, thời gian xảy ra vụ án, hệ thống nhân vật, ngôi kể trong tác phẩm.	- HS đọc diễn cảm VB (có thể đọc phân vai) và tóm tắt truyện. - HS trả lời câu hỏi.	II. Khám phá VB 1. Tìm hiểu cốt truyện, vụ án cần điều tra, hệ thống nhân vật, ngôi kể a. Cốt truyện Chuỗi sự kiện của tác phẩm: - Vào một buổi tối, Méc-đơ-lân Va-an đến gặp luật sư Ét-uốt nhờ ông điều tra vụ việc: bà Li-ly Cráp-tri của cô đã bị giết ngay tại nhà. - Luật sư Ét-uốt đến nhà Méc-đơ-lân điều tra vụ án: gặp gỡ các thành viên trong nhà Cráp-tri, đặc biệt là nói chuyện rất lâu với bà giúp việc Ma-thơ. - Trên đường về, luật sư Ét-uốt tình cờ thấy biển hiệu “Hai Tư Chú Sáo Đen”. Cái biển hiệu giúp ông nhớ đến bài đồng dao cổ. - Luật sư quay lại nhà Méc-đơ-lân Va-an điều tra lại và chỉ ra kẻ giết bà Li-ly Cráp-tri là con trai bà Ma-thơ. b. Vụ án cần điều tra - Vụ án: Bà Li-ly Cráp-tri bị giết tại nhà. - Không gian xảy ra vụ án: Trong nhà bà Li-ly Cráp-tri. - Thời gian xảy ra vụ việc: Buổi tối (khi bà giúp việc Ma-thơ đến để chuẩn bị dọn bữa tối vào lúc 7 giờ 30 phút thì bà Li-ly đã chết rồi). c. Hệ thống nhân vật - Người điều tra: luật sư Ét-uốt. - Nạn nhân: bà Li-ly Cráp-tri. - Nghi phạm: các thành viên trong gia đình hoặc một kẻ bên ngoài đột nhập vào ngôi nhà. - Thủ phạm: con trai bà giúp việc Ma-thơ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để thực hiện phiếu học tập số 4: Tìm hiểu nhân vật luật sư Ét-ốt.	HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm; trình bày, trao đổi, thảo luận.	<i>d. Ngôi kể</i> Câu chuyện được kể theo ngôi thứ ba. 2. Tìm hiểu nhân vật luật sư Ét-ốt - Cách thức luật sư Ét-ốt phá án: - Thu thập, tìm hiểu thông tin về bà Li-ly qua những người liên quan đến bà: nói chuyện với luật sư của bà Li-ly để nắm được cách bà quản lí tiền bạc, nói chuyện với từng thành viên trong gia đình Méc-đơ-lân để nắm bắt thông tin của vụ án. - Tinh ý khi nói chuyện với bà giúp việc Ma-thơ: ông nhận thấy bà Ma-thơ là một nhân chứng quan trọng; quan sát thái độ và lắng nghe lời khai của bà giúp việc, vị luật sư đã nghi ngờ có người bên ngoài vào hại bà chủ Li-ly. - Tận dụng yếu tố ngẫu nhiên trong quá trình điều tra: Yếu tố ngẫu nhiên là cái bảng hiệu “Hai Tư Chú Sáo Đen”. Cái bảng hiệu đã khiến vị luật sư nhớ tới một bài đồng dao cổ, trong đó có câu “Bài hát đồng sáu xu”. Bài đồng dao giúp luật sư Ét-ốt nhớ lại chứng cứ bỏ sót trong chiếc túi nhung đen của bà chủ bị giết. Từ đó, ông điều tra lại và phát hiện ra bà giúp việc nói dối. Cuối cùng, bà giúp việc mới khai toàn bộ sự thật. - Nhận xét về tài năng của vị luật sư: thông minh, có khả năng phán đoán nhanh nhạy, tinh ý, nhạy cảm, giàu kinh nghiệm điều tra.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi 5, 6 trong SGK: + Truyện trình thám hấp dẫn người đọc bởi yếu tố bất ngờ. Hãy chỉ ra sự bất ngờ trong kết quả điều tra vụ án. + Tác phẩm chủ yếu là lời thoại của các nhân vật. Theo em, vì sao nhà văn không miêu tả kĩ quá trình cân nhắc, suy luận của người điều tra?	– HS thảo luận cặp đôi.	3. Tìm hiểu vài nét về nghệ thuật của tác phẩm – Trong phần đầu vụ án, nhà văn đánh lạc hướng suy luận của người đọc bằng những manh mối gây nhiễu khá phức tạp. Thành viên nào trong gia đình Méc-đơ-lân cũng có thể là nghi phạm: thím Ê-mi-ly và bà Li-ly cãi nhau rất căng thẳng, thái độ của bà thím rất đáng ngờ; Méc-đơ-lân không muốn sống ở nhà bà mình nữa do bất đồng quan điểm về công việc người mẫu của cô; Mét-thiu đang nợ rất nhiều tiền, không muốn hợp tác với vị luật sư. → Khiến người đọc hướng sự nghi ngờ đến các thành viên trong gia đình, đặc biệt là Mét-thiu. + Bà Ma-thơ rất yêu quý, thậm chí nói rằng sẵn sàng chết thay bà chủ Li-ly. Ma-thơ được đánh giá là thật thà và đáng tin. → Tuy nhiên, thủ phạm là Ben – con trai bà Ma-thơ và bà Ma-thơ đã che giấu tội lỗi của con mình. – Tác phẩm chủ yếu là lời thoại của các nhân vật. Việc không miêu tả kĩ quá trình cân nhắc, suy luận của người điều tra có tác dụng: + Ca ngợi tài năng, kinh nghiệm, tốc độ suy luận rất nhanh của luật sư Êt-uốt. + Giúp câu chuyện thêm kịch tính, căng thẳng.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS nêu chủ đề của tác phẩm và trả lời câu hỏi: Em rút ra bài học gì từ câu chuyện được kể trong tác phẩm?	– HS trả lời câu hỏi, thảo luận.	III. Tổng kết – Chủ đề: + Ca ngợi tài năng phá án của luật sư Êt-uốt. + Thể hiện niềm tin vào sự thật và công lí. – HS nêu được bài học. Ví dụ: cảnh cảnh giác; tinh tường trong việc quan sát sự việc, con người; đôi khi yếu tố ngẫu nhiên có ý nghĩa quan trọng giúp ta nhìn ra bản chất của sự việc hoặc con người.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Củng cố kiến thức về VB *Ba chàng sinh viên*, kĩ năng đọc truyện trinh thám.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện nhiệm vụ vẽ sơ đồ; thực hành viết kết nối với đọc.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt những yếu tố của truyện trinh thám được thể hiện qua tác phẩm <i>Bài hát đồng sáu xu</i>. – GV yêu cầu HS thực hiện bài tập <i>Viết kết nối với đọc</i> trong SGK, tr. 24.	– HS vẽ sơ đồ. – HS viết đoạn văn và trình bày đoạn văn.	– Sơ đồ tư duy của HS. – Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu: + Nội dung: Vào vai nhân vật Méc-đơ-lân, ghi lại cảm nghĩ về luật sư Êt-uốt sau khi ông phá án thành công. + Dung lượng: đoạn văn 7 – 9 câu.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS vẽ tranh hoặc đóng kịch theo cảm nhận và hình dung của mình.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: – Tưởng tượng cuộc gặp gỡ với luật sư Êt-uốt, đặt và ghi lại câu hỏi dành cho vị luật sư. – Làm việc theo cặp, lần lượt đóng vai: người đặt câu hỏi – nhân vật trả lời.	HS thực hiện nhiệm vụ.	Kết quả phỏng vấn nhân vật trong cuộc gặp gỡ tưởng tượng.

V. ĐỌC VĂN BẢN 3 (TIẾT 8)

PHẠM XUÂN ẨN – TÊN NGƯỜI NHƯ CUỘC ĐỜI

(Trích, Nguyễn Thị Ngọc Hải)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng trải nghiệm về cuộc sống để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: – Nêu hiểu biết về nghề tình báo.	HS trình bày hiểu biết về nghề tình báo và giới thiệu ngắn gọn về một số nhà tình báo nổi tiếng.	– Nghề tình báo: thu thập, phân tích một cách bí mật những thông tin quan trọng có thể ảnh hưởng đến tổ chức hoặc quốc gia.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– Giới thiệu ngắn gọn về một nhà tình báo nổi tiếng mà em biết.		– Một số nhà tình báo nổi tiếng của Việt Nam như Vũ Ngọc Nhạ, Phạm Xuân Ẩn,...

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

– Kết nối về chủ đề *Giải mã những bí mật*: HS hiểu được ý nghĩa của việc giải mã những bí mật trong đời sống xã hội (chân dung điệp viên – nhà tình báo nổi tiếng Phạm Xuân Ẩn), củng cố kĩ năng đọc hiểu VB kí.

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để trả lời các câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc thầm phần chú thích trong SGK và nêu ngắn gọn thông tin về tác giả, tác phẩm. – GV yêu cầu HS đọc VB, lưu ý chú thích những từ ngữ khó trong SGK.	– HS đọc chú thích (1), (2) trong SGK (tr. 24) và trả lời câu hỏi. – HS đọc VB.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Nguyễn Thị Ngọc Hải sinh năm 1944, quê ở Hà Nội. 2. Tác phẩm <i>Phạm Xuân Ẩn</i> – tên người như cuộc đời là cuốn sách đầu tiên viết về Thiếu tướng tình báo, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Phạm Xuân Ẩn.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS trả lời câu hỏi số 1 trong SGK: VB cung cấp những thông tin cơ bản nào về cuộc đời hoạt động cách mạng của nhà tình báo Phạm Xuân Ẩn? – GV hỏi: Ngoài những thông tin cơ bản trong VB, em có hiểu biết nào khác về ông Phạm Xuân Ẩn? – GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi số 2 trong SGK: Tìm những chi tiết cho thấy các nhà báo nước ngoài đã đánh giá rất cao về cuộc đời, con người Phạm Xuân Ẩn. – GV hỏi: Tác giả đã đánh giá như thế nào về Phạm Xuân Ẩn?	– HS trả lời, nhận xét, góp ý. – HS trả lời, nhận xét. – HS trả lời, nhận xét. – HS trả lời, nhận xét.	II. Khám phá VB 1. Tìm hiểu về cuộc đời hoạt động cách mạng của nhà tình báo Phạm Xuân Ẩn – Ông đã trải đời mình cùng với lịch sử kháng chiến của Việt Nam, là quân nhân trong ba quân đội khác nhau. – Sau khi học ở Mỹ về, Phạm Xuân Ẩn hành nghề báo chí, từ làm việc cho Việt Tấn xã dưới thời Ngô Đình Diệm, cho tới làm phóng viên cho các hãng thông tấn của nước ngoài có văn phòng tại Việt Nam như Roi-tơ, Time,... 2. Những đánh giá về cuộc đời, con người Phạm Xuân Ẩn <i>a. Đánh giá của các nhà báo nước ngoài</i> – Pi-tơ Rót-xơ Rê-nơ-giơ khuyến khích Phạm Xuân Ẩn viết một cuốn sách về cuộc đời mình vì “Nếu không có câu chuyện của anh, một mảng quan trọng của lịch sử sẽ bị thiếu.” – Sau khi cả nước và thế giới biết rõ ông là tình báo, vậy mà những nhà báo Mỹ hoạt động cùng thời với ông nay trở lại Việt Nam vẫn tin tưởng và kính trọng ông. – Có những nhà báo Mỹ là bạn cũ của ông Ẩn, nay đã mất nhưng dặn lại con cái họ hãy tìm đến ông Ẩn khi sang Việt Nam vì sẽ học được nhiều điều ở con người đó. <i>b. Đánh giá của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Hải</i> Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Hải đã đánh giá rất cao và thể hiện sự trân trọng, ngưỡng mộ con người Phạm Xuân Ẩn. Tác giả đã khẳng định: Đó là một nhân cách, một tài năng; Phạm Xuân Ẩn có cuộc đời của nhân vật tiểu thuyết, một người Việt đặc sắc;...

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Qua VB, em hãy nêu cảm nhận về nhân vật Phạm Xuân Ẩn? – GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm thực hiện câu hỏi 4 trong SGK: Nghệ thuật xây dựng chân dung nhân vật trong VB có gì đặc sắc?	– HS nêu cảm nhận về Phạm Xuân Ẩn. – HS làm việc theo nhóm, trao đổi, trình bày.	3. Một vài nét về nghệ thuật xây dựng chân dung nhân vật – Khắc hoạ những nét chân dung nhân vật theo các mốc thời gian quan trọng trong cuộc đời (<i>tham gia Vệ quốc đoàn khi 18 tuổi, năm 1957 là sinh viên Việt Nam đầu tiên đến học báo chí ở quận Cam,...</i>). – Đặt nhân vật vào tình huống đặc biệt để lí giải chiều sâu nhân cách con người Phạm Xuân Ẩn (<i>Vì sao sau khi cả nước và thế giới biết rõ ông là tình báo, vậy mà người Mỹ trong giới báo chí hoạt động cùng thời với ông nay trở lại Việt Nam vẫn đem lòng tin tưởng và kính trọng ông?</i>). – Trích dẫn ý kiến của các nhà báo nước ngoài đánh giá về Phạm Xuân Ẩn khiến chân dung nhân vật hiện lên vừa khách quan vừa đa chiều. III. Tổng kết – VB <i>Ba chàng sinh viên, Bài hát đồng sáu xu</i> là tác phẩm trinh thám giải mã bí ẩn của vụ án. <i>Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời</i> là VB kí giải mã bí ẩn về chân dung một nhà tình báo mà cuộc đời và sự nghiệp của ông được ví như một “huyền thoại”. – Việc giải mã giúp người đương thời và hậu thế hiểu rõ hơn về cuộc đời của những con người đặc biệt, hiểu hơn về lịch sử của dân tộc, những giá trị nhân văn,... Từ đó, sẽ rút ra những bài học có ý nghĩa.
– GV hỏi: VB <i>Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời</i> đã giải mã bí ẩn gì? Cả ba VB đọc đều nằm trong chủ đề giải mã những bí mật. Vậy VB này có sự khác biệt như thế nào về thể loại và nội dung so với hai VB đọc trước đó? – GV cho HS thảo luận câu hỏi 5 trong SGK: Việc giải mã bí mật về những con người đặc biệt như Phạm Xuân Ẩn có ý nghĩa như thế nào?	– HS trả lời câu hỏi, góp ý, nhận xét. – HS trả lời câu hỏi, góp ý, nhận xét.	

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Củng cố kiến thức về VB *Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời*, kỹ năng đọc hiểu VB kí.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm để củng cố kiến thức về VB.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Phản ứng nhanh”. Ví dụ: 1. Phương án nào sau đây KHÔNG nêu đúng về cuộc đời hoạt động cách mạng của Phạm Xuân Ẩn? A. Tham gia Vệ quốc đoàn khi 18 tuổi B. Tham gia phong trào học sinh sinh viên Trần Văn Ôn C. Là lính bộ binh trong quân đội Pháp D. Làm phóng viên cho Time, Roi-tơ 2. Câu nào sau đây là đánh giá của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Hải về Phạm Xuân Ẩn? A. Nếu không có câu chuyện của anh, một mảng quan trọng của lịch sử sẽ bị thiếu. B. Ở toà báo Time anh được coi là người khôn khéo. C. Đó là một nhân cách, một tài năng. D. Tội nghiệp cho Ẩn. 3. Ý nào sau đây giải thích đúng về nhan đề VB <i>Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời</i>? A. Cuộc đời Phạm Xuân Ẩn chưa được viết ra, vẫn còn là một bí mật. B. Cuộc đời Phạm Xuân Ẩn li kì như một tiểu thuyết.	HS chơi trò chơi.	Đáp án: 1. C 2. C 3. A 4. A

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
C. Cuộc đời Phạm Xuân Ẩn rất lí thú và đáng ngưỡng mộ. D. Cuộc đời Phạm Xuân Ẩn có rất nhiều thành tích và danh hiệu. 4. Nhận xét sau đây đúng hay sai? “Tác giả cho rằng vẽ được chân dung tâm hồn của Phạm Xuân Ẩn là việc thật khó làm.” A. Đúng B. Sai		

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện nhiệm vụ để kết nối bài học với cuộc sống

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
Nêu một bí ẩn trong thế giới tự nhiên hoặc đời sống xã hội mà em muốn khám phá và dự định cách khám phá nó.	HS trả lời câu hỏi, thảo luận.	HS nêu được một bí ẩn trong thế giới tự nhiên hoặc đời sống xã hội mà mình muốn khám phá và dự định cách khám phá nó.

VI. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TIẾT 9)

LỰA CHỌN CÂU ĐƠN HOẶC CÂU GHÉP

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng cho HS nội dung bài học; tạo được hứng thú; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng kiến thức nền để chơi trò chơi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: đặt một câu đơn hoặc câu ghép dựa vào hình ảnh đã cho (chiếu một số hình ảnh lên màn hình). – GV yêu cầu HS lí giải: Tại sao em chọn đặt câu đơn hoặc câu ghép để diễn đạt hình ảnh đó?	HS chơi trò chơi.	HS đặt được câu đơn, câu ghép và lí giải.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

Nhận biết được sự phù hợp giữa kiểu cấu trúc câu và ý nghĩa cần biểu đạt của mỗi câu, biết lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép trong hoạt động giao tiếp.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS đọc <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 6); đọc khung <i>Mục đích của việc lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép</i> trong SGK (tr. 28) và cho biết: Việc lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép trong giao tiếp tùy thuộc vào điều gì?	HS đọc SGK và trả lời câu hỏi.	I. Lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép Tùy thuộc vào mục đích, kiểu loại VB, ngữ cảnh và nội dung cần biểu đạt mà người nói (người viết) lựa chọn câu đơn hay câu ghép cho phù hợp. – Khi thể hiện một sự việc, có thể sử dụng câu đơn. – Khi thể hiện các sự việc và muốn nhấn mạnh mối quan hệ giữa các sự việc đó thì sử dụng câu ghép.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Thực hành luyện tập nhận biết được sự phù hợp giữa kiểu cấu trúc câu và ý nghĩa cần biểu đạt của mỗi câu, biết lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép trong hoạt động giao tiếp.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để thực hiện bài tập 1. – GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để thực hiện bài tập 2.	– HS thực hiện bài tập 1; trình bày, góp ý cho nhau. – HS thực hiện bài tập 2; trình bày, góp ý cho nhau.	II. Luyện tập Bài tập 1 a. Các vế câu có quan hệ liệt kê, tăng cấp. → Không nên tách mỗi vế câu thành câu đơn vì ý nghĩa của các vế câu có quan hệ chặt chẽ với nhau. b. Các vế câu có quan hệ giả thiết – hệ quả. Trong vế nêu giả thiết (<i>Nếu con chưa đi, cụ Nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu</i>) có ba vế thể hiện ba sự việc tiếp nối nhau theo trật tự thời gian, có quan hệ nguyên nhân – kết quả. → Không thể tách mỗi vế của câu ghép thành một câu đơn. Bài tập 2 a. Chuyển đổi câu: <i>Rõ ràng Phạm Xuân Ẩn có cuộc đời của nhân vật tiểu thuyết nhưng các nhà báo Việt Nam cũng như nhà báo nước ngoài mới chỉ có được “vài chớp đèn flash” nắm bắt những nét thoáng qua nào đó của cuộc đời ông theo một số sự kiện lịch sử lớn lao.</i> → So với việc diễn đạt bằng một câu ghép, diễn đạt bằng các câu đơn có tác dụng nhấn mạnh hơn thông tin: các nhà báo nước ngoài mới chỉ nắm bắt được vài nét ít ỏi về Phạm Xuân Ẩn, trong khi cuộc đời ông phong phú, hấp dẫn như một nhân vật tiểu thuyết. b. Chuyển đổi câu: <i>Thầy dạy rất ân cần, tỉ mỉ, chỉ bảo cho chúng tôi từng li từng tí: cách tô màu, đánh bóng, cả cách gọt bút chì thế nào cho đẹp và dễ vẽ nhưng thú vị hơn cả là những câu chuyện của thầy.</i> → So với việc diễn đạt bằng một câu ghép, diễn đạt bằng các câu đơn có tác dụng nhấn mạnh hơn thông tin: những câu chuyện của thầy thú vị hơn cả. c. Chuyển đổi câu: <i>Chắc cô giáo rất vui trước món quà của em, giữa bao món quà của các bạn và em sẽ không để tên mình – tên người mang cánh bướm tặng cô.</i>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 3 (làm việc theo nhóm).	HS thực hiện bài tập 3 theo nhóm; trình bày, góp ý cho nhau.	→ So với việc diễn đạt bằng một câu ghép, diễn đạt bằng các câu đơn có tác dụng nhấn mạnh hơn thông tin: “em” sẽ không để tên mình trên món quà tặng cô. Bài tập 3 a. Câu 1 là câu ghép gồm hai vế diễn tả mong muốn (<i>chúng ta muốn hoà bình</i>) và thái độ của nhân dân Việt Nam đối với thực dân Pháp (<i>chúng ta phải nhân nhượng</i>). Câu 2 là câu ghép có hai vế, trong đó, vế 1 nêu thực tế xảy ra (<i>chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp ngày càng lấn tới</i>), vế 2 giải thích nguyên nhân (<i>vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa</i>). Vế 1 tuy là một bộ phận của câu, nhưng có cấu trúc như một câu ghép gồm hai vế có quan hệ tăng cấp. Câu 3 là câu đặc biệt. Câu 4 là câu đơn thể hiện tinh thần quyết tâm đứng lên cứu nước của nhân dân ta. b. Câu 1 là câu ghép có quan hệ tương phản (đối lập) nhằm diễn tả ý nghĩa: thế giới biết rõ ông là tình báo nhưng người Mỹ vẫn tin tưởng, kính trọng ông. Câu 2, câu 3 là câu đơn khẳng định, ca ngợi con người và cuộc đời Phạm Xuân Ẩn. Bài tập 4 - Nội dung đoạn văn: trình bày cảm nghĩ về nhà tình báo Phạm Xuân Ẩn, trong đoạn văn có ít nhất một câu ghép. - Dung lượng: đoạn văn 5 – 7 câu.
GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 4 (làm việc cá nhân trên lớp hoặc ở nhà).	HS thực hiện bài tập.	

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS sưu tầm, đánh giá một số ngữ liệu.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS sưu tầm 2 ngữ liệu có sử dụng câu đơn, câu ghép và chỉ ra sự phù hợp giữa kiểu cấu trúc câu và ý nghĩa cần biểu đạt của mỗi câu.	HS sưu tầm, nhận xét. (thực hiện ở nhà)	Sưu tầm và phân tích được ngữ liệu.

VII. VIẾT (TIẾT 10, 11, 12)

VIẾT TRUYỆN KỂ SÁNG TẠO

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời câu hỏi để khởi động bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV hỏi: – Tác phẩm truyện nào đã để lại trong em ấn tượng sâu sắc nhất? – Em đã bao giờ sáng tác một tác phẩm văn học chưa? Hãy chia sẻ ngắn gọn trải nghiệm đó.	HS trả lời câu hỏi, chia sẻ trải nghiệm.	– HS nêu được tác phẩm truyện đã để lại ấn tượng sâu sắc nhất. – HS chia sẻ trải nghiệm sáng tác một tác phẩm văn học. (Ở các lớp trước, HS đã học sáng tác thơ.)

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

Nhận biết được yêu cầu đối với một truyện kể sáng tạo.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu yêu cầu của truyện kể sáng tạo.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc thầm yêu cầu đối với bài văn viết một truyện kể sáng tạo trong SGK (tr. 30) và trả lời câu hỏi: <i>Một truyện kể sáng tạo phải đáp ứng được những yêu cầu gì?</i> – GV cho HS đọc bài viết tham khảo và trả lời, thảo luận các câu hỏi: + Nhan đề của tác phẩm là gì? + Truyện được sáng tác dựa vào tác phẩm nào? + Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy? + Phần mở đầu nêu các thông tin gì?	– HS trả lời câu hỏi. – HS đọc bài viết tham khảo (có thể đọc thầm). – HS trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận.	I. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn viết truyện kể sáng tạo 1. Yêu cầu đối với truyện kể sáng tạo – Sử dụng ngôi kể phù hợp (ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba). – Giới thiệu được bối cảnh (thời gian, không gian), nhân vật và câu chuyện. – Xây dựng nhân vật với một số yếu tố như lai lịch, ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ. – Sắp xếp chuỗi sự kiện theo trình tự hợp lí. – Sử dụng hiệu quả các yếu tố miêu tả và biểu cảm. 2. Phân tích bài viết tham khảo – Nhan đề: <i>Con mèo Đại Úy</i>. – Truyện được sáng tác dựa vào phần 4 và phần 5, tập 82, truyện tranh <i>Thám tử lừng danh Cô-nan</i>. – Câu chuyện được kể theo ngôi thứ ba. + Mở đầu: Giới thiệu bối cảnh (thời gian, không gian), nhân vật và câu chuyện.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
+ Chỉ ra hệ thống sự kiện trong phần diễn biến truyện. + Phần kết thúc có sự kiện gì? + Chỉ ra một vài yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện. Các yếu tố đó có tác dụng gì? – GV hỏi: Theo em, bài viết tham khảo có đáp ứng được yêu cầu đối với một truyện kể sáng tạo không?		+ Diễn biến: gồm hệ thống các sự kiện: • Có ba người (bà Si-na-ga-oa, cậu thanh niên Ô-xa-oa, người đàn ông trung niên Ma-xu-cô) đều đến nhận là chủ nhân của con mèo Đại Úy và cả ba người đều có bằng chứng. • Ô-xa-oa định mang con mèo về vì vừa gặp anh ta, nó nhảy lên lòng. • Thám tử Cô-nan đưa ra cách kiểm tra chủ nhân thực sự của con mèo. • Cô-nan đã tìm được đúng chủ nhân của con mèo Đại Úy. + Kết thúc: Hình ảnh ông Ma-xu-cô, con Đại Úy khuất dần và lời đối thoại giữa chị chủ quán với Cô-nan. + Một vài yếu tố miêu tả, biểu cảm: • <i>Bất ngờ, Đại Úy nhảy ngay vào lòng Ô-xa-oa rồi kêu “Meo! Meo!” âu yếm khiến anh ta vô cùng đắc chí, toan bế luôn con mèo về.</i> • <i>Kì lạ thay, ông Ma-xu-cô chưa bước tới cửa thì Đại Úy đã ngồi khoanh chân, vẫy đuôi mừng.</i> → Khiến câu chuyện hiện ra cụ thể, sống động và thu hút hơn. – Bài viết tham khảo đáp ứng được yêu cầu đối với một truyện kể sáng tạo.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện; chỉnh sửa được bài viết.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện phiếu học tập, trả lời câu hỏi để viết bài theo các bước.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV ra đề bài, yêu cầu HS tìm hiểu đề. – GV hướng dẫn HS xác định ý tưởng truyện: Em sẽ viết truyện kể sáng tạo theo hướng nào? (Dựa vào một truyện đã đọc (truyện tranh hoặc “truyện chữ”) hoặc tự sáng tác truyện mới). – GV cho HS làm việc theo nhóm để xây dựng khung truyện: một nhóm HS dựa vào một truyện đã đọc (thực hiện phiếu học tập số 5), một nhóm HS tự sáng tác một truyện mới (thực hiện phiếu học tập số 6). – GV yêu cầu HS trao đổi phiếu học tập theo cặp và góp ý cho nhau. GV mời một số HS trình bày. – GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý như trong SGK hoặc lập dàn ý bằng sơ đồ tư duy. – GV yêu cầu HS trao đổi dàn ý theo nhóm và mời một số HS trình bày dàn ý. – GV yêu cầu HS viết bài theo dàn ý. – GV yêu cầu HS tự chỉnh sửa bài viết theo các yêu cầu chỉnh sửa trong SGK (tr. 35). – GV cho HS làm việc theo nhóm để đánh giá bài viết cho nhau bằng bảng kiểm (phiếu học tập số 7).	– HS trả lời câu hỏi. – HS nêu ý tưởng viết truyện. – HS thực hiện phiếu học tập. – HS trao đổi theo cặp, trình bày phiếu tìm ý; góp ý, chỉnh sửa cho nhau. – HS lập dàn ý. – HS làm việc theo nhóm; góp ý cho nhau; trình bày dàn ý trước lớp. – HS viết truyện ở nhà. – HS tự chỉnh sửa bài viết của mình. – HS đánh giá bài viết cho nhau bằng bảng kiểm.	II. Thực hành viết 1. Trước khi viết <i>a. Tìm ý tưởng cho truyện</i> – Dựa vào một truyện đã đọc. – Tự sáng tác một truyện mới. <i>b. Xây dựng khung truyện</i> <i>c. Lập dàn ý</i> 2. Viết bài 3. Chỉnh sửa

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng được quy trình viết truyện kể sáng tạo vào việc tạo lập VB, tiếp tục chỉnh sửa để công bố bài viết.

2. Nội dung hoạt động

HS tiếp tục chỉnh sửa để công bố bài viết hoặc viết một truyện kể sáng tạo khác.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ (thực hiện ở nhà): – Tiếp tục chỉnh sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố. – Chọn một đề tài khác để viết một truyện mới và công bố.	HS tiếp tục chỉnh sửa, công bố bài viết hoặc viết một truyện mới.	Bài viết được chỉnh sửa, công bố hoặc một truyện mới.

VIII. NÓI VÀ NGHE (TIẾT 13)

KỂ MỘT CÂU CHUYỆN TƯƠNG TƯỢNG

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời câu hỏi để khởi động bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV hỏi: Có thể em đã từng đọc một tác phẩm văn học hay xem một bộ phim có nội dung tương tượng (ví dụ: câu chuyện về thế giới tương lai, cuộc sống trên hành tinh khác, gặp gỡ một nhân vật văn học,...). Sau khi đọc (xem), em có suy nghĩ gì?	HS trả lời câu hỏi.	Suy nghĩ của HS về một tác phẩm văn học hay một bộ phim có nội dung tương tượng.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

Nhận biết được yêu cầu của việc kể một câu chuyện tưởng tượng.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu yêu cầu.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS trao đổi theo nhóm câu hỏi: Theo em, các tiêu chí để đánh giá bài kể một câu chuyện tưởng tượng là gì? – GV cung cấp cho HS bảng kiểm đánh giá kĩ năng kể một câu chuyện tưởng tượng.	HS trao đổi, trả lời câu hỏi, thảo luận.	I. Một số lưu ý khi kể một câu chuyện tưởng tượng – Về nội dung: + Sử dụng ngôi kể phù hợp. + Trình tự các sự kiện hợp lí. + Nhân vật được khắc họa rõ nét (có chi tiết về ngoại hình, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, lời thoại,...). + Thể hiện rõ tính chất tưởng tượng, hư cấu. + Có yếu tố miêu tả, biểu cảm,... – Về cách trình bày: + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...) phù hợp.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Kể được một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện); lắng nghe, tóm tắt được nội dung trình bày của người nói.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện phiếu học tập, trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS xem lại phiếu ghi chú cho bài nói (phiếu học tập số 8, đã chuẩn bị ở nhà), đánh dấu ý quan trọng, các từ khoá. – GV yêu cầu HS kiểm tra xem câu chuyện em muốn kể đã đúng là “câu chuyện tưởng tượng” chưa. – GV yêu cầu HS tập luyện theo nhóm, sử dụng bảng kiểm đánh giá kĩ năng kể một câu chuyện tưởng tượng (phiếu học tập số 9) để góp ý cho bạn. – GV mời một vài HS trình bày bài nói trước lớp. – GV lưu ý HS trong vai người nghe: lắng nghe câu chuyện của bạn và đánh giá phần trình bày vào bảng kiểm (phiếu học tập số 9), ghi chú những điều muốn trao đổi về bài trình bày.	– HS xem lại, đánh dấu phiếu ghi chú bài nói. – HS kiểm tra “câu chuyện tưởng tượng”. – HS tập luyện theo cặp. – HS trình bày bài nói trước lớp; HS khác lắng nghe, trao đổi với người nói.	II. Thực hành nói 1. Trước khi nói 2. Trình bày bài nói và trao đổi sau khi nói

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ nói và nghe trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Nội dung hoạt động

HS tự đánh giá, tiếp tục chỉnh sửa để công bố bài nói hoặc kể một câu chuyện tưởng tượng khác.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ (thực hiện ở nhà): – Nhờ người thân ghi hình bài trình bày. Dựa vào bảng kiểm, tự đánh giá bài nói, trình bày lại đến khi tạm hài lòng với sản phẩm và công bố bài nói (có thể tổ chức thành cuộc thi kể chuyện trên mạng xã hội). – Chọn một đề tài khác để kể một câu chuyện tưởng tượng mới.	HS tiếp tục chỉnh sửa, công bố bài nói hoặc kể một câu chuyện tưởng tượng mới.	Bài nói được chỉnh sửa, công bố hoặc một câu chuyện tưởng tượng mới.

IX. Củng cố, mở rộng

1. Mục tiêu

Củng cố, mở rộng những kiến thức, kĩ năng đã học trong bài.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để thực hiện bài tập 1.	– HS thực hiện bài tập.	Bài tập 1 * <i>Ba chàng sinh viên</i> – Vụ án: chép trộm đề thi. – Không gian hiện trường: phòng làm việc của thầy Xôm ở trường đại học. – Hệ thống nhân vật: + Người điều tra: thám tử Sơ-lốc Hòm và người bạn Oát-xơn. + Nạn nhân: thầy Xôm. + Nghi phạm: ba sinh viên (Đao-lát Rát, Ghi-crit, Mai Mặc Le-rờn). + Thủ phạm: Ghi-crit.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS làm việc nhóm để thực hiện bài tập 2 (làm ở nhà). – GV yêu cầu HS làm việc nhóm để thực hiện bài tập 3.		– Ngôi kể: ngôi thứ nhất. – Chủ đề: ca ngợi tài năng phá án của thám tử Sơ-lốc Hô; thể hiện niềm tin vào sự thật và phẩm chất tốt đẹp của con người (lòng tự trọng, sự ân hận,...). <i>* Bài hát đồng sáu xu</i> – Vụ án: bà Li-ly Cráp-tri bị giết. – Không gian hiện trường: nhà bà Li-ly Cráp-tri. – Hệ thống nhân vật: + Người điều tra: luật sư Êt-uốt. + Nạn nhân: bà Li-ly Cráp-tri. + Nghi phạm: các thành viên trong gia đình hoặc một người nào đó ở bên ngoài đột nhập vào nhà. + Thủ phạm: Ben – con trai bà giúp việc Ma-thơ. – Ngôi kể: ngôi thứ ba. – Chủ đề: ca ngợi tài năng phá án của luật sư Êt-uốt; thể hiện niềm tin vào sự thật và công lí. Bài tập 2: HS vẽ tranh, viết truyện tranh hay biểu diễn hoạt cảnh. Bài tập 3: Việc giải mã những bí mật trong thế giới tự nhiên và xã hội có ý nghĩa vô cùng quan trọng: giúp tìm kiếm sự thật, thực thi công lí, lí giải sự phức tạp, đa diện của cuộc sống,...

X. THỰC HÀNH ĐỌC

BA VIÊN NGỌC BÍCH

(Trích, Phạm Cao Cung)

1. Mục tiêu

Vận dụng được kiến thức về thể loại truyện trinh thám và kĩ năng đọc truyện trinh thám theo đặc trưng thể loại để tự đọc hiểu một VB khác.

2. Nội dung hoạt động

HS tự thực hành đọc ở nhà, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong buổi học tiếp theo.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ tự đọc VB ở nhà theo những lưu ý trong SGK. GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ (làm vào vở): – Nêu vụ án được điều tra trong tác phẩm. – Tóm tắt cốt truyện. – Phân tích cách thức giải mã vụ án của thám tử Kỳ Phát. – Chỉ ra một số chi tiết có vai trò là manh mối của vụ án.	Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.	– Vụ án: Chị Tham Lương bị mất chuỗi hạt vàng có ba viên ngọc bích. – Tóm tắt cốt truyện. – Cách thức giải mã vụ án của thám tử Kỳ Phát: đến nhà chị Tham Lương để phỏng vấn tìm kiếm thông tin, suy luận, thực nghiệm hiện trường,... – Một số chi tiết có vai trò là manh mối của vụ án: tấm thiệp anh Tham Lương gửi cho Kỳ Phát, thời gian anh Tham Lương về nhà bỏ thư, quần anh Tham Lương có dính đất sét,...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Đọc phần *Tri thức ngữ văn* trong SGK (tr. 5 – 6). Tìm và điền các từ ngữ phù hợp vào chỗ trống trong các nhận định dưới đây:

- a. Truyện trinh thám là loại tác phẩm truyện viết về , thường có những sự việc
- b. Không gian của truyện trinh thám là không gian được khắc hoạ gắn liền với dấu hiệu
- c. Thời gian trong truyện trinh thám thường được giới thiệu ở với thông tin cụ thể về mà người điều tra tiếp nhận vụ án. Truyện trinh thám thường xây dựng tình huống người điều tra chạy đua với thời gian để
- d. Cốt truyện trong truyện trinh thám gồm một chuỗi sự kiện mà sự kiện trung tâm là
- e. Hệ thống nhân vật trong truyện trinh thám thường gồm
- g. Truyện trinh thám có những chi tiết thể hiện sự của vụ án và những của cuộc điều tra.
- h. Câu chuyện trong truyện trinh thám được kể theo ngôi

2. Tìm hiểu, ghi vắn tắt thông tin giới thiệu về nhà văn A-thơ Cô-nan Đoi-lơ:

Điều em tìm hiểu được về nhà văn A-thơ Cô-nan Đoi-lơ:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Ấn tượng ban đầu của em về tác phẩm *Ba chàng sinh viên*:

Chia sẻ cảm xúc, ấn tượng ban đầu của em sau khi đọc văn bản *Ba chàng sinh viên*:

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. Đọc văn bản *Ba chàng sinh viên* (SGK, tr. 7 – 13) và ghi vắn tắt các sự kiện chính vào sơ đồ sau:

1. Từ đầu đến “nhưng vẫn còn cuộn lại”: Vụ việc gây lo lắng, hoảng hốt:	2. Tiếp theo đến “hai mẩu đầu tiên”: Hành trình phá án của người điều tra:	3. Phần còn lại: Công bố sự thật:
---	---	--

2. Thực hiện những nhiệm vụ sau để tìm hiểu những nét khái quát về văn bản:

a. Vụ việc cần điều tra:

.....
.....

b. Không gian xảy ra vụ việc:

Vụ việc xảy ra ở đâu?

Không gian xảy ra vụ việc có đặc điểm gì?

.....
.....
.....
.....

c. Thời gian xảy ra vụ việc:

Vụ việc xảy ra vào thời gian nào?

.....
.....
.....

d. Nhân vật:

Người điều tra:

Nạn nhân:

Nghi phạm:

Thủ phạm:

e. Ngôi kể:

Truyện được kể bằng ngôi kể nào?

.....

Ai là người kể chuyện?

Tác dụng của ngôi kể:

.....
.....

g. Thời gian điều tra:

Thời gian điều tra trong bao lâu?

.....

Tác dụng:

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Làm việc theo nhóm để thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Đọc văn bản *Ba chàng sinh viên* và điền thông tin về cách thức điều tra của thám tử Sơ-lốc Hôm vào bảng sau:

a. Loại trừ giả thiết

– Người thợ in có liên quan đến vụ án không? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

– Sinh viên Dao-lát Rát có phải là người chép trộm đề thi không? Vì sao?

b. Xem xét hiện trường

– Việc kiểm tra cửa sổ ở văn phòng của thầy Xôm giúp thám tử xác định được điều gì?

.....

.....

– Trong phòng làm việc và phòng ngủ của thầy Xôm có dấu vết quan trọng nào? Điều đó giúp vị thám tử có suy luận gì?

[illegible]

c. Tìm kiếm bằng chứng

Sơ-lốc Hâm đã tìm được bằng chứng quan trọng nào trong buổi sáng sớm của ngày diễn ra kì thi?

[illegible]

2. Nhận xét về tài năng của vị thám tử:

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Làm việc theo nhóm để thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Đọc văn bản *Bài hát đồng sáu xu* và điền thông tin về cách thức điều tra của luật sư Ết-uốt vào bảng sau:

a. Thu thập thông tin

– Vị luật sư thu thập, tìm hiểu thông tin về bà Li-ly bằng cách nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b. Quan sát, lắng nghe nhân chứng quan trọng của vụ án

– Khi trò chuyện với bà Ma-thơ, vị luật sư đánh giá như thế nào về bà với tư cách là một nhân chứng?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c. Tận dụng yếu tố ngẫu nhiên để tìm ra bằng chứng của vụ án

– Yếu tố ngẫu nhiên nào đã xuất hiện trong quá trình điều tra của luật sư Ết-uốt?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Yếu tố ngẫu nhiên đó giúp ích gì cho việc suy luận của vị luật sư?

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nhận xét về tài năng của vị thám tử:

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Xây dựng khung truyện cho một truyện kể sáng tạo (dựa vào một truyện đã đọc)

* Nhan đề của truyện em sáng tác:

* Nhan đề truyện em dựa vào:

Tác giả:

1. Cốt truyện gốc

– Sự kiện 1:

– Sự kiện 2:

– Sự kiện 3:

.....

.....

.....

2. Hệ thống nhân vật

Nhân vật	Vai trò	Ngoại hình	Tính cách
.....			
.....			
.....			
.....			

3. Cách sáng tạo dự kiến (Đánh dấu tích (✓) vào ô trống trước các ý phù hợp)

☐ Điều chỉnh cốt truyện gốc

☐ Thay đổi ngôi kể

☐ Bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm

Ghi lại cụ thể cách sáng tạo của em:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Xây dựng khung truyện cho một truyện kể sáng tạo (tự sáng tác một truyện mới)

* Nhan đề của truyện:

1. Truyện được kể theo (Đánh dấu tích (✓) vào ô trống trước ý phù hợp)

☐ Ngôi thứ ba ☐ Ngôi thứ nhất

2. Bối cảnh diễn ra câu chuyện

– Không gian:

– Thời gian:

3. Hệ thống nhân vật

Nhân vật	Vai trò	Ngoại hình	Tính cách
.....			
.....			
.....			
.....			

4. Diễn biến câu chuyện

– Sự kiện 1:

– Sự kiện 2:

– Sự kiện 3:

.....

.....

.....

.....

5. Ý nghĩa của câu chuyện

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

Bảng kiểm đánh giá truyện kể sáng tạo

Tiêu chí		Yêu cầu	Đạt	Không đạt
Nội dung	Mở đầu	Giới thiệu được nội dung chính hoặc bối cảnh của câu chuyện		
	Diễn biến	Sử dụng ngôi kể phù hợp		
		Có cốt truyện		
		Trình tự các sự kiện hợp lí		
		Nhân vật được khắc hoạ rõ nét (có chi tiết về ngoại hình, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, lời thoại)		
		Có yếu tố miêu tả		
		Có yếu tố biểu cảm		
		Với truyện kể dựa vào một truyện đã đọc: có sự sáng tạo của người viết (điều chỉnh cốt truyện gốc, thay đổi ngôi kể, bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm,...)		
		Nội dung câu chuyện có ý nghĩa		
	Kết thúc	Có kết thúc phù hợp		
Diễn đạt		Bài viết không hoặc ít mắc lỗi chính tả và diễn đạt		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8

Phiếu ghi chú

Nhiệm vụ: Hoàn thành phiếu ghi chú để chuẩn bị nội dung nói theo gợi dẫn:

1. Câu chuyện tưởng tượng em muốn kể:

2. Yếu tố tưởng tượng:

3. Bối cảnh (thời gian, không gian):

4. Nhân vật:

5. Hệ thống sự kiện:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Ý nghĩa của câu chuyện:

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 9

Bảng kiểm đánh giá kĩ năng kể một câu chuyện tưởng tượng

Tiêu chí		Yêu cầu	Đạt	Không đạt
Nội dung	Mở đầu	Chào hỏi người nghe		
		Nêu nhan đề câu chuyện		
		Nêu bối cảnh câu chuyện		
	Diễn biến	Sử dụng ngôi kể phù hợp		
		Có cốt truyện		
		Trình tự các sự kiện hợp lí		
		Nhân vật được khắc hoạ rõ nét (có chi tiết về ngoại hình, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, lời thoại,...)		
		Thể hiện rõ tính chất tưởng tượng, hư cấu		
		Có yếu tố miêu tả		
		Có yếu tố biểu cảm		
		Nội dung câu chuyện có ý nghĩa		
	Kết thúc	Có kết thúc phù hợp		
		Cảm ơn người nghe		
Cách trình bày		Nói to, rõ ràng, truyền cảm		
		Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...) phù hợp		

BÀI 7. HỒN THƠ MUÔN ĐIỀU

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU

Bài học góp phần phát triển các năng lực và phẩm chất sau cho HS:

I. VỀ NĂNG LỰC

1. *Năng lực đặc thù* (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.
- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Hiểu được sự phát triển của ngôn ngữ thể hiện qua những nghĩa mới của từ ngữ và từ ngữ mới; biết vận dụng để trau dồi vốn từ.
- Bước đầu biết làm một bài thơ tám chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.
- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

2. *Năng lực chung* (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm.
- Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề; đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.

II. VỀ PHẨM CHẤT

Có tình yêu đối với thơ ca và vẻ đẹp của con người, cuộc sống được thể hiện trong thơ.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

Nội dung dạy học	Phương pháp, phương tiện	Chuẩn bị của HS
Độc hiểu VB: <i>Tiếng Việt</i> (3 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác, ... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	– Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 45). – Thực hiện phiếu học tập số 1, 2.
Thực hành tiếng Việt Nghĩa của từ ngữ, biện pháp tu từ (1 tiết)	– Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, gợi mở, dạy học hợp tác, ... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 45).
Độc hiểu VB: <i>Mưa xuân</i> (2 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác, ... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	– Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 45). – Thực hiện phiếu học tập số 3, 4.
Thực hành tiếng Việt Sự phát triển của từ vựng, biện pháp tu từ (1 tiết)	– Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, gợi mở, dạy học hợp tác, ... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	– Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 45).
Độc hiểu VB 3: <i>Một kiểu phát biểu luận đề độc đáo của Xuân Diệu ở bài thơ “Vội vàng”</i> (1 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác, ... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Đọc VB, lập sơ đồ các ý của bài viết.
Viết Tập làm một bài thơ tám chữ, viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ (3 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác, ... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, bảng kiểm.	Chuẩn bị đề tài làm thơ. Chọn bài thơ tám chữ để chuẩn bị viết đoạn văn.
Nói và nghe Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học) (1 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác, ... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, bảng kiểm.	Chuẩn bị nội dung nói.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ BÀI HỌC

1. Mục tiêu

HS nhận biết được chủ đề và thể loại VB chính được học trong bài.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, trả lời câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> , nêu chủ đề của bài và thể loại VB chính được học trong bài.	HS nêu chủ đề của bài học và thể loại VB chính được học trong bài.	– Chủ đề bài học <i>Hồn thơ muôn điệu</i> : thơ ca có thể diễn tả mọi cung bậc tình cảm, cảm xúc của con người. – Thể loại VB đọc chính: thơ (sáu chữ, bảy chữ, tám chữ).

II. ĐỌC VĂN BẢN 1 (TIẾT 1, 2, 3)

TIẾNG VIỆT

(Lưu Quang Vũ)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng trải nghiệm về cuộc sống và nghệ thuật để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: – Giới thiệu những tác phẩm nói về tiếng mẹ đẻ mà em sưu tầm được.	– HS giới thiệu tác phẩm nói về tiếng mẹ đẻ đã sưu tầm được.	– Giới thiệu về tác phẩm: tên tác phẩm, tác giả (nếu có); đọc câu thơ, đoạn thơ, bài ca dao,... viết về tiếng mẹ đẻ (ví dụ bài thơ <i>Tiếng mẹ đẻ</i> của Raxun Gamzatop).

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– Nêu cảm nhận khi nghe bài hát <i>Tiếng Việt</i> (nhạc Lê Tâm, lời thơ Lưu Quang Vũ).	– HS nêu ngắn gọn cảm xúc của mình khi nghe bài hát.	– Chia sẻ cảm nhận về bài hát được phổ thơ từ bài thơ <i>Tiếng Việt</i> (xúc động bởi ca từ, giai điệu,...).

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

- HS nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ *Tiếng Việt* qua các yếu tố như bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ, cảm hứng chủ đạo,...
- HS hiểu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của VB thơ, từ đó có tình yêu đối với thơ ca và thêm yêu quê hương, đất nước, tiếng nói dân tộc.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về phiếu học tập số 1 (đã thực hiện ở nhà). – GV tổ chức cho HS đọc bài thơ (lưu ý các thể đọc, ngữ điệu đọc, các thông tin cần nắm được khi đọc). GV có thể đọc mẫu hai khổ đầu. – GV yêu cầu HS thực hiện phiếu học tập số 2.	– HS trao đổi cặp đôi và trình bày kết quả thảo luận. – HS đọc diễn cảm bài thơ. – HS tìm kiếm các thông tin trong bài để thực hiện phiếu học tập số 2.	I. Đặc điểm thể thơ 1. Tri thức ngữ văn – Điền đúng được các từ ngữ vào chỗ trống (nhiệm vụ 1, phiếu học tập số 1): a. số chữ (tiếng) trong mỗi dòng thơ. b. linh hoạt. c. vần chân, vần liền, vần cách. – Kể đúng tên các bài thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ (nhiệm vụ 2, phiếu học tập số 1). 2. Thể thơ của bài thơ "Tiếng Việt" – Xác định đúng đặc điểm của thể thơ tám chữ thể hiện ở bài thơ <i>Tiếng Việt</i> (nhiệm vụ 1, phiếu học tập số 2):

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Em biết gì về thơ Lưu Quang Vũ? Kể tên một số tác phẩm của Lưu Quang Vũ. Thơ ông có đặc điểm gì? – GV hỏi: Bài thơ <i>Tiếng Việt</i> là lời của ai? – GV bổ sung một số thông tin về tác giả để HS hiểu rõ tâm thế sáng tác và nhân vật trữ tình.	– HS huy động hiểu biết cá nhân, kết hợp đọc SGK và trả lời câu hỏi. – HS trả lời câu hỏi.	a. tám chữ b. ví dụ: <i>Tiếng thao thức/ lòng trai/ ôm ngọc sáng – 3/2/3; Cùng tôi/ trong tiếng Việt/ quay về – 2/3/2; Cao quý/ thâm trầm/ rục rờ /vui tươi – 2/2/2/2.</i> c. ví dụ: <i>sẫm – đẫm/ về – tre.</i> – Nêu đúng số lượng các khổ thơ trong bài <i>Tiếng Việt</i> và bài thơ đã tìm được ở phiếu học tập số 1 (nhiệm vụ 2, phiếu học tập số 2). → Thơ tám chữ tương đối linh hoạt về số chữ, cách ngắt nhịp, gieo vần, không giới hạn về số lượng khổ thơ. (Đối với HS khá giỏi, có thể nhấn mạnh đây là đặc điểm của thơ hiện đại, phân biệt với thơ luật.) II. Tác giả và chủ thể lời thơ 1. Tìm hiểu tác giả – Lưu Quang Vũ là cây bút tài hoa, tiêu biểu cho văn học hiện đại, có nhiều thành tựu trong sáng tác kịch, thơ. – Kể đúng tên một số tác phẩm của Lưu Quang Vũ. – Nêu được đặc điểm thơ Lưu Quang Vũ: bay bổng, giàu cảm xúc, nhiều trăn trở, khát khao,... 2. Chủ thể lời thơ – Xác định được chủ thể lời thơ: là lời của một người yêu thiết tha tiếng nói dân tộc, qua đó cũng thể hiện tình yêu quê hương, đất nước (là lời của người con nước Việt gắn bó sâu sắc với tiếng mẹ đẻ và bản sắc dân tộc,...). – Kết nối thông tin tác giả và tư cách của chủ thể lời thơ (sống và sáng tác tại Việt Nam, luôn trăn trở trước các vấn đề lớn của dân tộc). → Chủ thể lời thơ là người trực tiếp bày tỏ những cảm nhận, suy nghĩ, hành động của mình trong thơ. Chủ thể lời thơ mang hình bóng của cái tôi nhà thơ. (Chủ thể lời thơ còn gọi là chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình.)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Những tiếng nói thân thương nào được nhắc đến trong bốn khổ thơ đầu? Những tiếng nói đó gợi cho ta hình dung về cuộc sống như thế nào? – GV hỏi: Tiếng mẹ gọi gọi ra hình ảnh thôn quê như thế nào? Chi tiết “tiếng mẹ” mở đầu bài thơ có ý nghĩa gì? – GV hỏi: Em hiểu thế nào về câu thơ <i>Ta như chim trong tiếng việt như rừng</i>?	– HS trao đổi nhóm, trả lời câu hỏi. – HS trả lời.	III. Mạch cảm xúc của bài thơ 1. Cảm nhận tiếng Việt qua cuộc sống đời thường gần gũi, dân dã – Tiếng nói của mẹ, của cha; tiếng diễn tả những âm thanh trong lao động, sinh hoạt (kéo gỗ, gọi đò, lựa xé, đưa nôi); tiếng diễn tả cảnh thiên nhiên (nước lũ, mưa); tiếng diễn tả những cung bậc tình cảm của con người (tình yêu, sự thủy chung, sự thất vọng, sự chua xót);... – Những thanh âm của tiếng Việt đã gợi ra một không gian sống dân dã, với những hình thức lao động, sinh hoạt đời thường có tính chất truyền thống, mang đặc trưng văn minh nông nghiệp của Việt Nam. – Tiếng mẹ gọi gọi quang cảnh trời chiều, hoàng hôn sương khói đặc trưng vùng đồng bằng Bắc Bộ, những con cò trên ruộng, những đứa trẻ chăn trâu lừa trâu về nhà, những hàng cây xào xạc,... Đó là khung cảnh quen thuộc, thân thương, thể hiện một cuộc sống thanh bình, êm ả. – Khởi đầu dòng cảm xúc về tiếng Việt là tiếng mẹ. Không phải ngẫu nhiên mà người ta thường dùng cụm từ <i>tiếng mẹ đẻ</i> để chỉ ngôn ngữ dân tộc của mỗi người. Như thế bật ra từ trong vô thức, đối với nhà thơ, tiếng Việt đồng nhất với cảm quan về mẹ, ý niệm về tiếng Việt được hiện hình cụ thể ở “tiếng mẹ”. Âm thanh tiếng mẹ mở ra dòng suy tưởng rộng và sâu về ngôn ngữ dân tộc. → Tiếng Việt tạo thành “không quyển”, con người sống trong “không quyển” đó, tự nhiên như hít thở khí trời. Nhà thơ thể hiện sự hòa nhập của tiếng Việt đối với tâm thức, hoạt động, sự sống của mỗi con người. – Câu thơ <i>Ta như chim trong tiếng Việt như rừng</i> biểu thị sự hoà nhập của tiếng Việt trong từng nếp cảm, nếp nghĩ, nếp sống của người Việt. (Ý này sẽ được lặp lại ở những khổ thơ sau, làm nên kết cấu song hành trong thơ.)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hướng dẫn HS tìm những hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của tiếng Việt. Có thể gợi ý HS tìm những nhận xét của người nước ngoài về tiếng Việt khi họ nghe, học tiếng Việt. – GV yêu cầu HS tìm và phân tích một số biện pháp tu từ được nhà thơ sử dụng khi diễn tả vẻ đẹp của tiếng Việt.	– HS trao đổi nhóm, thực hiện nhiệm vụ.	2. Cảm nhận về đẹp và sức sống của tiếng Việt <i>a. Vẻ đẹp của tiếng Việt:</i> như bùn, lụa, óng, mềm, tha thiết, nghe như hát, ríu rít, các dấu thanh có sức gợi, cơ chế liên tưởng ngữ âm – ngữ nghĩa. Biện pháp tu từ: so sánh (<i>Ôi tiếng Việt như bùn và như lụa/ Óng tre ngà và mềm mại như tơ...</i>), từ láy (<i>ríu rít, tha thiết...</i>), ẩn dụ chuyển đổi cảm giác (<i>Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh, Nghe mát lịm ở đầu môi tiếng suối...</i>). → Vẻ đẹp của tiếng Việt được cảm nhận từ một hồn thơ gắn bó sâu sắc với quê hương, với điệu hồn dân tộc. Những câu thơ mang âm hưởng ca dao, chạm đến tâm thức người Việt (<i>Đá cheo leo trâu trèo râu trượt/ Đi mòn đường dút cỏ đợi người thương/ Đây muối mặn gừng cay lòng khế xót, Vàng trắng cao đêm cá lặn sao mờ...</i>). Nhiều hình ảnh thơ đẹp, giàu sức gợi, kết nối liên tưởng, tạo nên sự hình dung cụ thể về âm, nghĩa của từ ngữ. Có những hình ảnh vừa có ý nghĩa cụ thể vừa mang tính tượng trưng. Cụm hình ảnh <i>bùn, lụa, tre ngà, tơ</i> vừa là sự hình tượng hoá đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa của tiếng Việt (mềm mại, nhẹ nhàng, trau chuốt) vừa tượng trưng cho bản sắc Việt Nam (một nước Việt với văn minh lúa nước, nghề dệt lụa ương tơ, xứ sở tre trúc và truyền thuyết in sâu trong tâm thức nhiều thế hệ,...). Đặc biệt, nhà thơ đã dùng hình ảnh để diễn tả những cảm nhận tinh tế về giai điệu, về sự kết hợp âm và nghĩa của tiếng Việt. Thanh âm tiếng Việt phong phú, trầm bổng, chỉ cần nói thôi là ngôn từ đã tự ngân nga (<i>nói thường nghe như hát, ríu rít âm thanh</i>). Cảm giác về các dấu thanh cũng hết sức độc đáo, như thể chúng có linh hồn, có thân phận (<i>dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh, dấu hỏi dựng suốt ngàn đời...</i>).

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Những câu thơ nào cho ta hình dung về lịch sử tiếng Việt? Tiếng Việt gần bó như thế nào với lịch sử dân tộc? – GV hỏi: Nêu suy nghĩ của em về các dòng thơ <i>Tiếng chẳng mất khi Loa Thành đã mất, Tiếng tử cực kẻ ăn cầu ngủ quán/ Thành Nguyễn Du vắng vắng nỗi thương đời.</i>	– HS liệt kê câu thơ, thảo luận nhóm và trả lời. – HS nêu suy nghĩ.	Cảm giác ngôn ngữ đi liền với sự trải nghiệm, sự sống của mỗi con người trên quê hương xứ sở. Nhà thơ đã lấy nhiều “ví dụ” về sự kết hợp âm – nghĩa từ chính cảm giác về tiếng Việt của mình (<i>vườn</i>: rợp bóng lá cành; <i>sưởi</i>: mát; <i>heo may</i>: con đường...). <i>b. Sức sống của tiếng Việt trong dòng chảy lịch sử</i> – Những câu thơ biểu thị lịch sử tiếng Việt: từ thuở chưa có chữ viết (<i>Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói</i>), thời tổ tiên hình thành tiếng nói (<i>Ai thuở trước nói những lời thứ nhất/ Còn thô sơ như mảnh đá thay rìu</i>) → trải qua lịch sử (từ thuở Loa Thành, thời Nguyễn Du) → hiện tại (<i>Mỗi sớm dậy nghe bốn bề thân thiết/ Người qua đường chung tiếng Việt cùng tôi; Điều anh nói hôm nay...</i>) → mai sau (<i>Ai người sau nói tiếp những lời yêu</i>). – Lịch sử tiếng nói chính là lịch sử tâm hồn, lịch sử văn hoá dân tộc. Tiếng Việt gắn với lịch sử dân tộc, trải qua những thăng trầm lịch sử, những nhọc nhằn cuộc sống, những chia cắt và hoà hợp,... Khi thể hiện sức mạnh trường tồn của tiếng Việt, nhà thơ đã gợi ra truyền thuyết về An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy, nhắc đến nhà thơ – nhà văn hoá kiệt xuất Nguyễn Du. Đây là những dấu mốc văn hoá và lịch sử không người Việt nào không biết. Nhà thơ còn khẳng định sức mạnh của hồn dân tộc khi con người cùng chung tiếng nói (<i>Ai ở phía bên kia cầm súng khác/ Cùng tôi trong tiếng Việt quay về</i>). – <i>Tiếng chẳng mất khi Loa thành đã mất</i>: Một dân tộc có thể trải qua nhiều biến thiên lịch sử, có khi mất đất đai, phải di dân, có khi mất tiếng nói bản địa, phải dùng tiếng ngoại lai. Người Việt và dân tộc Việt dù có một lịch sử thăng trầm, có lúc bị đô hộ bởi ngoại bang, nhưng tiếng Việt vẫn bền bỉ sống trong cộng đồng, như một sức mạnh gắn kết cộng đồng,

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS: Chỉ ra những chi tiết biểu hiện phạm vi sử dụng tiếng Việt.	– HS trao đổi, phát biểu.	bảo tồn và dung dưỡng văn hoá Việt. (Ngàn năm Bắc thuộc, ngàn năm trung đại dùng Hán ngữ trong các VB quan phương và chế độ thi cử, tiếng Việt vẫn trường tồn; đầu thế kỉ XX, khi đất nước bị đô hộ bởi thực dân Pháp, nhiều nhà văn, nhà thơ đã dồn tình yêu quê hương vào tình yêu tiếng Việt (Hoài Thanh), làm nên một giai đoạn văn học rực rỡ; Phạm Quỳnh từng khẳng định “<i>Truyện Kiều</i>” còn, <i>tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn</i>, ý nói <i>Truyện Kiều</i> là thứ tiếng dân tộc được trau chuốt, tiếng còn thì không mất nước...). – <i>Tiếng tử cực kẻ ăn cầu ngủ quán/ Thành Nguyễn Du vằng vặc nỗi thương đời</i>: Đây là cách nhà thơ nêu một quy luật ngôn ngữ, đó là hiện tượng những tài năng lớn có sức sáng tạo, trau chuốt tiếng nói hằng ngày, làm đẹp và làm phong phú cho ngôn ngữ dân tộc. Đối với tiếng Việt, Nguyễn Du là một hiện tượng như thế. <i>Tiếng tử cực kẻ ăn cầu ngủ quán</i> chính là tiếng nói hằng ngày, trong cõi nhân gian, gần với số phận của biết bao người Việt mà Nguyễn Du đã chứng kiến trong những năm gió bụi. Những tiếng nói đó đã thấm vào những trang thơ “vằng vặc nỗi thương đời”, hoà quyện, chưng cất thành những ngôn từ có sức lay động lớn mà biết bao thế hệ người Việt Nam đã thuộc. Tiếng Việt không chỉ là một thứ tiếng nói mà còn là tiếng lòng, còn là truyền thống nhân văn của người Việt. c. <i>Sức sống của tiếng Việt từ không gian địa lí</i> – Từ không gian thân thuộc (cánh đồng, vườn, suối, mái cọ, tre ngà,...) đến những nơi xa xôi (đảo, chân trời góc biển). Tác giả còn gián tiếp đặt tiếng Việt trong không gian rộng lớn hơn, vượt ra ngoài phạm vi đất nước (<i>Trái đất rộng giàu sang bao thứ tiếng</i>).

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV đặt tình huống giả định: Khi em đến một đất nước khác, xung quanh em người ta nói những thứ tiếng mà em không hiểu, em bỗng nghe có người nói tiếng Việt, em sẽ có cảm xúc như thế nào?	– HS hình dung tình huống giả định và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc cá nhân.	– HS có thể nêu những cảm xúc riêng của mình trong tình huống giả định. GV cần kết nối với bài thơ để chỉ ra nỗi xúc động của nhà thơ khi đặt tiếng mẹ giữa những thứ tiếng khác (<i>rung rinh nhịp đập trái tim người</i>). → Tiếng Việt là hồn Việt, là bản sắc Việt, là tiếng mẹ thiêng liêng gắn kết mỗi người Việt với cộng đồng. 3. Cảm nhận về sự hoà hợp giữa mỗi cá nhân và cộng đồng ngôn ngữ; trách nhiệm của người cầm bút với tiếng nói dân tộc
– GV hỏi: Tìm ý nghĩa tương đồng giữa dòng thơ <i>Ta như chim trong tiếng Việt như rừng</i> với khổ thơ thứ 12.	– HS thực hiện yêu cầu, trao đổi, phát biểu và góp ý cho nhau.	– Điều thể hiện sự hoà hợp, không thể chia cắt, đồng chất, một sự liên kết tự nhiên, hiển nhiên, không gì phá vỡ được của mỗi cá nhân với cộng đồng qua tiếng nói. Tiếng Việt trở thành sự sống của mỗi con người. Cặp so sánh <i>chim – rừng/ muối – biển</i> biểu thị sự hoà hợp này. Nhà thơ đã sáng tạo các hình ảnh cụ thể đó để diễn tả những suy nghĩ, những ý tưởng trừu tượng về mối quan hệ giữa con người với tiếng nói dân tộc.
– GV hỏi: Theo em, vì sao nhà thơ lại thấy mình “suốt đời mắc nợ” tiếng Việt?	– HS trả lời câu hỏi, nhận xét, góp ý.	– Bài thơ không chỉ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của một công dân, một người con nước Việt biết yêu và gắn bó sâu sắc với tiếng mẹ đẻ, mà còn thể hiện ý thức trách nhiệm của một người cầm bút đối với việc bảo tồn, giữ gìn sự trong sáng, làm phong phú, giàu đẹp hơn cho tiếng Việt.
– GV hỏi: Vì sao nhà thơ lại có cảm giác “môi tôi hôi hạp quá”?	– HS trả lời, góp ý, nhận xét.	– Tiếng Việt, thứ tiếng vẫn nói hằng ngày, tự nhiên như không khí để thở. Khi nhận ra vẻ đẹp diệu kì và ân tình trao truyền của các thế hệ tiền nhân, sự hoà hợp, kết nối của cả cộng đồng qua tiếng mẹ đẻ, có lẽ nhà thơ cảm nhận rõ sự thiêng liêng của mỗi từ được phát ra nên có cảm giác “môi tôi hôi hạp quá”. Mỗi lời nói sẽ là một sự trân trọng tiếng Việt, một ý thức giữ vẹn tròn tiếng nói cha ông.
– GV hỏi: Việc nhà thơ dùng thán từ ở khổ thơ cuối cho thấy điều gì?	– HS trả lời, góp ý, nhận xét.	– Thơ là tiếng nói trực tiếp của cảm xúc. Các thán từ biểu lộ trực tiếp lòng yêu tha thiết tiếng Việt của nhà thơ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> (tr. 45) và trình bày những căn cứ xác định chủ đề. – GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm <i>cảm hứng chủ đạo</i> đã học ở lớp 8. – GV yêu cầu HS chỉ ra các yếu tố để có thể giúp xác định chủ đề bài thơ, từ đó khái quát chủ đề bài thơ. – GV hỏi: Bài thơ thể hiện những tình cảm, cảm xúc gì của nhà thơ đối với tiếng Việt? Nét tình cảm nào nổi bật nhất?	– HS nêu các căn cứ xác định chủ đề và ôn lại khái niệm <i>cảm hứng chủ đạo</i>. – HS chỉ ra các yếu tố để nhận ra chủ đề bài thơ, xác định chủ đề bài thơ. – HS xâu chuỗi các ý đã tìm hiểu về bài thơ, chỉ ra những nét tình cảm, cảm xúc được gợi ra từ bài thơ; xác định nét tình cảm nổi bật nhất.	VI. Chủ đề, cảm hứng chủ đạo – Căn cứ xác định chủ đề: nhan đề, mạch cảm xúc, hình ảnh,... – Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học là tình cảm sâu sắc, mãnh liệt chi phối toàn bộ cách thể hiện đời sống, con người và sự lựa chọn hình thức nghệ thuật trong tác phẩm. – Các yếu tố: tên bài thơ (<i>Tiếng Việt</i>), mạch cảm xúc (cảm nhận tiếng Việt qua cuộc sống đời thường gần gũi, dân dã; cảm nhận về đẹp và sức sống của tiếng Việt; cảm nhận về sự hoà hợp giữa mỗi cá nhân và cộng đồng ngôn ngữ; trách nhiệm của người cầm bút với tiếng nói dân tộc), các hình ảnh thơ giàu sức gợi, thể hiện đặc trưng lối sống, văn hoá Việt. → Khái quát chủ đề: về đẹp, sức sống, sự gắn bó, ý thức trách nhiệm với tiếng mẹ đẻ, qua đó thể hiện tình yêu tha thiết đối với quê hương, đất nước và tiếng nói dân tộc. – Bài thơ thể hiện nhiều cung bậc tình cảm, cảm xúc: yêu thương, trân trọng, gần gũi, đau xót, tự hào, ghen ngào, hi vọng, hồi hộp, ân tình, tê tái,... Tình cảm nổi bật nhất là tình yêu tha thiết đất nước, quê hương, niềm tin tưởng vào sức sống trường tồn của tiếng Việt và các giá trị văn hoá của dân tộc. Tình cảm này chi phối tất cả các nét tình cảm, cảm xúc khác, chi phối toàn bộ hoạt động sáng tạo, từ kết cấu, nhịp điệu, tạo dựng hình ảnh, lựa chọn từ ngữ, biện pháp tu từ,... Bạch Cư Dị từng nói: Thơ lấy tình làm gốc, lời làm chồi, tiếng làm hoa, nghĩa làm quả. Cái gốc của thơ là tình cảm, cảm xúc. Đọc thơ cần cảm nhận được tình cảm, cảm xúc của nhà thơ. → Khái quát cảm hứng chủ đạo: ca ngợi vẻ đẹp, thể hiện niềm tin tưởng vào sức sống trường tồn của tiếng Việt, bày tỏ tình yêu với tiếng mẹ đẻ, nhắc nhở mỗi người biết trân trọng, giữ gìn, phát triển tiếng Việt.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
		Cảm hứng mãnh liệt về quê hương đất nước đã được Lưu Quang Vũ bộc lộ ở nhiều bài thơ, làm nên nét phong cách này của ông. Trong bài thơ <i>Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi</i>, nhà thơ đã viết: <i>Ước chi được hoá thành ngọn gió/ Để được ôm trọn vẹn nước non này.</i> Yêu tiếng mẹ đẻ, thứ tiếng làm <i>Tôi say mê với tất cả tâm hồn</i> (R. Gamzatop), cũng là yêu đất nước, quê hương. Cảm hứng này có ở nhiều nghệ sĩ, mỗi tác phẩm lại có những cách biểu hiện khác nhau. Trong ca khúc <i>Tình ca</i>, nhạc sĩ Phạm Duy đã bày tỏ tình yêu ấy bằng những ca từ da diết: <i>Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, người ơi!, Tiếng nước tôi, tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi/ Thoắt ngàn năm thành tiếng lòng tôi, nước ơi!</i>

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Củng cố kiến thức về VB *Tiếng Việt*, rèn kĩ năng đọc hiểu thơ (tám chữ).

2. Nội dung hoạt động

HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB thơ; thực hành viết kết nối với đọc.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS nêu những điều cần lưu ý khi đọc hiểu VB thơ (tám chữ). – GV yêu cầu HS thực hiện bài tập <i>Viết kết nối với đọc</i> trong SGK, tr. 49.	– HS trả lời câu hỏi. – HS viết đoạn văn và trình bày đoạn văn.	– Cách đọc hiểu VB thơ (tám chữ): xác định thể thơ và mạch cảm xúc của bài thơ; tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ thơ (qua các biện pháp tu từ, cách dùng từ loại...); chỉ ra chủ đề và cảm hứng chủ đạo của bài thơ.. – Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu: + Nội dung: ghi lại cảm nghĩ về vẻ đẹp của tiếng Việt được thể hiện qua các khổ thơ 5, 6, 7 của bài thơ <i>Tiếng Việt</i> một cách mạch lạc, giàu cảm xúc. + Dung lượng: đoạn văn 7 – 9 câu.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS quan sát và nhận xét các hiện tượng dùng ngôn ngữ tiếng Việt trong đời sống hằng ngày; liên hệ bản thân, xác định những việc cần làm để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV chia HS thành các nhóm để thực hiện việc nêu ví dụ về các hiện tượng dùng tiếng Việt không chuẩn mực trên truyền hình, trên đài phát thanh, trong sách báo, pha trộn tiếng nước ngoài vào tiếng Việt, hiện tượng làm sai lệch tiếng Việt trên mạng xã hội, tin nhắn cá nhân,...	HS chia thành ba nhóm, thực hiện các nhiệm vụ: – Nêu ví dụ các hiện tượng dùng tiếng Việt không chuẩn mực trên truyền hình, đài phát thanh, trong sách báo. – Nêu ví dụ hiện tượng pha trộn tiếng nước ngoài vào tiếng Việt. – Nêu ví dụ hiện tượng làm sai lệch tiếng Việt trên mạng xã hội, tin nhắn cá nhân,...	– Nêu được các ví dụ cụ thể.
– GV yêu cầu HS nêu các giải pháp để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	– HS nêu các giải pháp cá nhân để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	– Nêu giải pháp cụ thể: tránh lạm dụng tiếng lóng, biệt ngữ xã hội trong giao tiếp; không dùng từ ngữ tiếng nước ngoài một cách thiếu cân nhắc; khi gặp từ ngữ chưa rõ nghĩa thì cần tra từ điển; trau dồi kiến thức về chính tả, từ vựng, ngữ pháp,... để sử dụng tiếng Việt chính xác, hiệu quả.

III. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TIẾT 4)

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ, BIỆN PHÁP TU TỪ

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng cho HS nội dung bài học; tạo được hứng thú; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng kiến thức nền để trả lời câu hỏi và chơi trò chơi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: – Phân biệt nghĩa của từ <i>mặt trời</i> trong hai dòng thơ: <i>Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng/ Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ</i> (Viễn Phương). – GV hỏi: Vì sao có sự khác nhau về nghĩa của hai từ? (Gợi ý HS nhớ lại các bài học tìm hiểu nghĩa của từ, ngữ cảnh mà các em đã học ở các lớp dưới: Ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh – bài 4. <i>Giai điệu đất nước</i>, SGK Ngữ văn 7, tập một.)	– HS tìm hiểu ngữ cảnh câu thơ và chỉ ra nghĩa của từ <i>mặt trời</i> trong từng trường hợp. – HS trao đổi nhóm, trả lời.	– Từ <i>mặt trời</i> thứ nhất: chỉ vật thể (một ngôi sao) trên bầu trời. Từ <i>mặt trời</i> thứ hai chỉ Bác Hồ. – Sự khác nhau về nghĩa của từ phụ thuộc ngữ cảnh.

Hoạt động 2. Luyện tập

1. Mục tiêu

– HS củng cố kiến thức về nghĩa của từ ngữ và có kỹ năng hiểu, sử dụng từ ngữ chính xác, hiệu quả.

– HS củng cố kiến thức và kỹ năng sử dụng các biện pháp tu từ.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thực hiện giải thích nghĩa các từ ngữ in đậm trong bài tập 1 (SGK, tr. 50).	– HS làm việc nhóm, hoàn thành bài tập 1.	Bài tập 1 + <i>thao thức</i>: trạng thái không ngủ được vì có điều phải suy nghĩ (nghĩa từ điển); trong câu thơ, từ này có nghĩa là trăn trở, nghĩ suy, bao bọc, giữ gìn. + <i>ăn cầu ngủ quán</i>: chỉ cảnh đời lang thang, cơ nhỡ, không nhà cửa; trong câu thơ, cụm từ này chỉ những con người có số phận bất hạnh, cuộc sống cực nhọc, vất vả. + <i>vằng vặc</i>: rất sáng, không một chút gợn, thường là chỉ ánh trăng (nghĩa từ điển); trong câu thơ, từ này có nghĩa là tấm lòng trong sáng, không chút vẩn đục. + <i>mai, trúc</i>: hai loại cây⁽¹⁾; chỉ sự nhớ nhung của hai người có tình cảm gắn bó. + <i>đắng cay</i>: đau khổ xót xa (nghĩa từ điển); trong câu thơ, từ này chỉ những đau khổ của cuộc đời người mẹ. + <i>trong trẻo</i>: rất trong, gây cảm giác dễ chịu (nghĩa từ điển); trong câu thơ, từ này chỉ vẻ trong sáng của tâm hồn người Việt. Bài tập 2 – Các từ láy: <i>nhọc nhằn, dập dờn, tha thiết, riu rít, chênh vênh</i>. – Giải nghĩa: + <i>nhọc nhằn</i>: vất vả, cực nhọc + <i>dập dờn</i>: liên tiếp, đợt cao đợt thấp + <i>tha thiết</i>: thanh âm đầy tình cảm, bổng trầm + <i>riu rít</i>: tiếng trong, cao, tiếp liền nhau như tiếng chim + <i>chênh vênh</i>: không có chỗ dựa chắc chắn, thiếu vững chãi
– GV yêu cầu HS nêu các từ láy xuất hiện trong các khổ thơ và phân tích tác dụng của các từ láy đó.	– HS nêu đúng các từ láy, phân tích được tác dụng của các từ láy theo cảm nhận của bản thân.	

(1) Cây trúc và mai thường được trồng hay vẽ cạnh nhau. Hình ảnh hai cây này dùng để chỉ tình nghĩa gắn bó thủy chung, bền chặt, khăng khít.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 3 trong SGK (tr. 50) theo nhóm.	– HS thực hiện theo nhóm bài tập 3, trao đổi, trình bày, nhận xét.	– Tác dụng của các từ láy trong câu thơ: Việc sử dụng nhiều từ láy tạo cho câu thơ sự uyển chuyển, linh hoạt. Các từ láy tượng hình (<i>dập dồn, chênh vênh</i>), tượng thanh (<i>ríu rít</i>), gợi cảm giác (<i>nhọc nhằn, tha thiết</i>) có tác dụng gợi ra những liên tưởng, những ấn tượng sống động về thanh âm và nghĩa của các từ tiếng Việt. Ví dụ, từ <i>nhọc nhằn</i> gợi công việc lao động vất vả, cực nhọc của những người thợ kéo gỗ; từ <i>dập dồn</i> gợi hình ảnh nước lũ; từ <i>tha thiết, ríu rít, chênh vênh</i> gợi cảm giác về tính chất âm thanh của tiếng Việt. Bài tập 3 – <i>Gừng cay muối mặn</i>: ẩn dụ về những gian nan, vất vả trong cuộc sống vợ chồng. Đặt trong ngữ cảnh câu thơ “<i>Đây muối mặn gừng cay lòng khế xót</i>”, thành ngữ này diễn tả tình cảm son sắt, thủy chung trong mối quan hệ vợ chồng. – <i>Chân trời góc biển</i>: ẩn dụ chỉ những nơi xa xôi, cách trở. Trong câu thơ “<i>Ai phiêu bạt nơi chân trời góc biển</i>”, thành ngữ nhấn mạnh nỗi nhớ tiếng mẹ đẻ tha thiết của người Việt dù họ có sinh sống ở nơi nào. Bài tập 4 a. Biện pháp tu từ so sánh: <i>Như vị muối chung lòng biển mặn/ Như dòng sông thương mến chảy muôn đời</i> → thể hiện sự hoà đồng của mỗi cá nhân với cộng đồng chung tiếng nói, tiếng nói cộng đồng làm nên dòng chảy lịch sử... b. Biện pháp tu từ so sánh: <i>Ôi tiếng Việt như bùn và như lụa/ Óng tre ngà và mềm mại như tơ</i> → diễn tả vẻ đẹp mượt mà, mềm mại của tiếng Việt... c. Biện pháp tu từ điệp ngữ, điệp cấu trúc: tạo nhịp điệu và sự đăng đối cho khổ thơ; thể hiện sức mạnh hoà hợp của ngôn ngữ dân tộc, hoá giải những hận thù, xa cách, kết nối con người.
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 4 (làm việc cá nhân).	– HS thực hiện bài tập 4; trình bày, góp ý cho nhau.	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
		d. Biện pháp tu từ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: <i>Nghe mát lịm ở đầu môi tiếng suối</i> → khơi gợi ấn tượng về nghĩa của từ ngữ.

Hoạt động 3. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức về nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS đặt câu, sưu tầm, đánh giá một số ngữ liệu.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV yêu cầu HS đặt một câu có sử dụng biện pháp tu từ so sánh. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, sưu tầm một số câu thơ có chứa các từ ngữ có những nét nghĩa mới so với nghĩa trong từ điển và một số câu thơ có chứa các biện pháp tu từ.	- HS thực hiện nhiệm vụ. - HS sưu tầm, nhận xét. (thực hiện ở nhà)	- Yêu cầu đặt câu đúng, có chứa biện pháp tu từ so sánh. - Tìm ngữ liệu đúng yêu cầu và chỉ ra được những nét nghĩa mới của từ, chỉ ra đúng biện pháp tu từ.

IV. ĐỌC VĂN BẢN 2 (TIẾT 5, 6)

MƯA XUÂN

(Nguyễn Bính)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng trải nghiệm về cuộc sống và nghệ thuật để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: – Chia sẻ những câu ca dao, bài thơ viết về mùa xuân mà em biết. – Nêu cảm nhận về mùa xuân.	– HS chia sẻ những câu ca dao, bài thơ viết về mùa xuân. – HS nêu cảm nhận về mùa xuân.	– Giới thiệu về tác phẩm: tên tác phẩm, tác giả (nếu có); đọc câu thơ, đoạn thơ, bài ca dao,... viết về mùa xuân. (Cũng có thể liên hệ với tùy bút <i>Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt</i> của Vũ Bằng đã học ở lớp 7.) – Những cảm nhận riêng của HS về mùa xuân ở nơi mình sống hoặc mùa xuân ở Bắc Bộ.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

- HS nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ *Mùa xuân* qua các yếu tố tự sự, miêu tả, hình ảnh, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ, cảm hứng chủ đạo...
- HS hiểu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của VB thơ, từ đó có được tình yêu đối với thơ ca và cảm nhận được vẻ đẹp của con người ở tuổi thanh xuân.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS đọc bài thơ, lưu ý các em vận dụng các thẻ đọc ở bên phải VB. – GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về nhiệm vụ học tập trong phiếu học tập số 3 (đã thực hiện ở nhà).	– HS đọc diễn cảm bài thơ. – HS trao đổi cặp đôi, trả lời dựa trên phiếu học tập đã thực hiện.	I. Xác định thể loại của bài thơ – Số tiếng trong mỗi dòng thơ là 7. – Bài thơ gieo vần chân, vần hỗn hợp (có vần cách: <i>già – xa, đầy – nay,...</i> ; có vần liền: <i>bay – đầy, tình – xinh,...</i>). So sánh với bài <i>Tiếng Việt</i> : bài <i>Tiếng Việt</i> dùng chủ yếu vần chân gián cách. – Cách ngắt nhịp (2/2/3; 2/5; 2/2/3; 4/3): <i>Anh ạ!/ mùa xuân/ đã cận ngày</i> <i>Bao giờ/ em mới gặp anh đây?</i> <i>Bao giờ/ hội Đặng/ đi ngang ngõ</i> <i>Để mẹ em rằng/ hát tối nay?</i>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Nguyễn Bính là nhà thơ nổi tiếng của phong trào thơ nào? Đặc điểm nổi bật của thơ Nguyễn Bính là gì?	– HS trả lời.	– So sánh số tiếng ở mỗi dòng thơ, cách gieo vần, số câu thơ trong một bài thơ thất ngôn bát cú luật Đường với bài thơ bảy chữ hiện đại <i>Mưa xuân</i>: + Giống nhau: mỗi dòng có 7 tiếng, cách gieo vần chân. + Khác nhau: thơ thất ngôn bát cú có 8 dòng thơ; thơ hiện đại không giới hạn số dòng thơ, có thể có nhiều khổ thơ. → Thơ bảy chữ hiện đại có dấu vết của thơ thất ngôn Đường luật nhưng cách gieo vần, ngắt nhịp và số dòng thơ tương đối tự do, linh hoạt. II. Tác giả và chủ thể lời thơ 1. Tìm hiểu tác giả – Nguyễn Bính là nhà thơ nổi tiếng từ phong trào Thơ mới (xuất hiện ở Việt Nam giai đoạn 1932 – 1945). – Thơ Nguyễn Bính đậm chất, thiết tha, gần gũi với ca dao, thể hiện tình yêu đối với làng quê và văn hoá truyền thống của dân tộc. Nguyễn Bính có một hồn thơ “quê mùa” (Hoài Thanh, Hoài Chân) có lẽ vì qua thơ ông, người ta thấy được tính tình thuần hậu của con người và không khí đặc trưng của làng quê Việt Nam.
– GV hỏi: Bài thơ là dòng cảm xúc của ai? – GV yêu cầu HS đọc khổ thơ 1, xác định những thông tin về chủ thể lời thơ.	– HS trả lời.	2. Chủ thể lời thơ – Bài thơ là dòng cảm xúc của một cô gái xưng “em”. Chủ thể lời thơ là cô gái, nhưng được thể hiện qua sự cảm nhận của nhà thơ. Như vậy, nhà thơ Nguyễn Bính đã nhập vai “em” – cô gái, để bộc lộ nỗi niềm của nhân vật. Nguyễn Bính có một số bài thơ nhập vai như: <i>Giọt nến hồng</i>, <i>Người mẹ</i>, <i>Giấc mơ anh lái đò</i>,...
– GV hỏi: Cô gái trong bài thơ kể câu chuyện gì? Câu chuyện xảy ra trong không gian và thời gian nào?	– HS trả lời.	III. Kết cấu bài thơ 1. Bố cục VB a. Khổ thơ 1: <i>Tự bạch</i> Khổ thơ đầu tương tự màn xưng danh báo tính trong chèo (nhân vật tự giới thiệu về mình, tự đánh giá về mình). Nhân vật tự xác định “Em là...”

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Em hình dung như thế nào về tâm trạng của cô gái trước khi xin mẹ đi xem hát?	– Một vài HS trả lời, các HS khác góp ý, nhận xét.	<i>b. Khổ thơ 2 – 8: Mùa xuân và câu chuyện hẹn hò</i> – Bài thơ có dáng dấp một câu chuyện (yếu tố tự sự), kể tình huống cô gái xin mẹ đi xem gánh hát chèo làng Đặng hát ở bên thôn Đoài mà thực chất là tìm kiếm bóng hình một chàng trai sau lời hẹn từ đám hát trước nhưng không thành. – Lời thơ vừa là lời kể (bữa ấy, kể những lời mẹ nói, kể các hành động của nhân vật), vừa là lời tâm sự, bộc bạch những nỗi niềm của cô gái trẻ. Chuyện xảy ra trong không gian mùa xuân, có mưa bay, hoa xoan, có các nét phong tục đẹp (hát chèo), có bờ đê, ngõ nhỏ,... Cảm xúc của nhân vật mở ra theo thời gian: lúc gánh hát chèo đến hát tối nay, chập tối, đi xem hát, đêm hát ở thôn Đoài, trở về, gánh hát chèo ra về. Không có khoảng thời gian chính xác, chỉ có các dấu hiệu chỉ thời gian, gợi cho người đọc hình dung về một dịp nào đó trong mùa xuân, làng có gánh hát chèo đến hát (thường là vào những ngày hội làng, các làng thay nhau tổ chức các đám hát). Thời gian ngắn ngủi, vừa đủ để khơi lên những cung bậc cảm xúc ở một cô gái chớm chạm vào những thổn thức yêu đương. <i>c. Khổ thơ 9 – 10: Xuân vắng và niềm hi vọng</i> Thời gian trôi đi, đã hết những ngày hội hè, cô gái lại ngóng chờ và hi vọng ngày đám sang năm gặp được chàng trai. Như vậy, qua không gian, thời gian và sự xuất hiện của nhân vật “em”, nhà thơ đã mượn một câu chuyện tình để thổi hồn vào không khí, cảnh sắc làng quê Việt Nam cổ truyền hoặc ngược lại, mượn mưa xuân và khung cảnh mùa xuân để kể một câu chuyện tình. 2. Mạch cảm xúc – Bài thơ bộc lộ nhiều trạng thái cảm xúc của nhân vật xoay quanh tình huống một cuộc “hò hẹn”. Cô gái trong sáng, ngây thơ trót tin vào lời hẹn vu vơ (<i>Năm tao bảy tuyết anh hò hẹn</i>)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Khổ thơ 6 – 7 thể hiện tâm trạng gì ở cô gái? – GV yêu cầu HS: Trình bày cảm xúc của cô gái sau cuộc hẹn không thành. – GV yêu cầu HS thực hiện phiếu học tập số 4.	– HS trả lời, các HS khác góp ý, nhận xét. – HS trình bày, các HS khác chia sẻ, nhận xét. – HS thực hiện phiếu học tập và trao đổi, trình bày, nhận xét.	để rồi can đảm vượt đường xa đi xem hát một mình, chỉ mong được chạm mặt “anh” – người hò hẹn. – Nhen nhóm tưởng tượng về một mối tình (<i>Lòng thấy giăng tơ một mối tình</i> biểu thị một cách tinh tế những cảm giác ban đầu về tình yêu, đẹp dễ mà cũng mong manh, dễ tan biến) → thẹn thùng, xấu hổ (hai má em bừng đỏ: cảm giác thường thấy ở những cô gái mới lớn khi chạm đến chuyện yêu đương) → băn khoăn, mơ mộng, ước đoán (ngửa bàn tay hứng mưa, đoán <i>Thế nào anh ấy chả sang xem</i>). – Cô gái xin đi xem hát nhưng “mãi tìm anh chả thiết xem” → thất vọng (<i>Chờ mãi anh sang anh chẳng sang</i>) → hờn trách (<i>Năm tao bảy tuyết anh hò hẹn/ Để cả mùa xuân cũng nhờ nhàng</i>). – Buồn tủi, hơi bẽ bàng (<i>lầm lụi trên đường về, lạnh lùng thêm tủi với canh khuya</i>). Sau một thời gian, dường như nỗi buồn qua đi, cô lại bắt đầu hi vọng (<i>Bao giờ em mới gặp anh đây</i>). 3. Kết cấu lặp lại (song hành) – Các dòng thơ cặp đôi: + <i>Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay/ Bữa ấy mưa xuân đã ngại bay</i> → chuyển đổi thời gian từ chính xuân đến những ngày cuối xuân, cũng là sự chuyển đổi cảm xúc từ háo hức, hân hoan sang thất vọng, ngẩn ngai. + <i>Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đây/ Hoa xoan đã nát dưới chân giày</i> → chuyển đổi trạng thái cảnh vật, không gian từ đẹp (đầy hoa xoan) sang trạng thái những bông hoa đã bị giẫm nát, cũng là sự chuyển đổi từ tâm trạng yêu đời đến sự bẽ bàng, thất vọng. + <i>Mưa bụi nên em không ướt áo/ Áo mỏng che đầu mưa nặng hạt</i> → lúc đi đầy háo hức nên không quan trời mưa, đi nhanh, lúc về lầm lụi, chậm chạp, tủi hờn, lòng trĩu nặng; trời dường như muốn trêu người (<i>áo mỏng >< mưa nặng hạt</i>).

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS tìm những từ ngữ diễn tả những cảm giác mơ hồ, tinh tế trong tâm hồn cô gái trẻ. – GV hỏi: Tìm hình ảnh có hàm ý thể hiện hoàn cảnh nhân vật. – GV hỏi: Hình ảnh mưa xuân có ý nghĩa như thế nào?	– HS thực hiện nhiệm vụ, chia sẻ, nhận xét. – HS trả lời câu hỏi, chia sẻ, nhận xét. – HS trả lời câu hỏi, chia sẻ, nhận xét.	+ <i>Thôn Đoài cách có một thời đề/ Có ngăn gì đâu một dải đề</i> → lúc đi khắp khởi, háo hức, không thấy đường xa, lúc về trong thất vọng, thấy con đường dài dằng dặc. + <i>Hội chèo làng Đặng đi ngang ngõ/ Hội chèo làng Đặng về ngang ngõ</i> → giới hạn thời gian câu chuyện. + <i>Mẹ bảo: “Thôn Đoài hát tối nay”/ Mẹ bảo: “Mùa xuân đã cận ngày”</i> → đánh dấu các mốc thời gian. → Sự lặp lại đối xứng (hoặc sự tương phản) hình ảnh, sự lặp lại cấu trúc câu thơ đã tạo ra những đăng đối bất ngờ, thú vị cho bài thơ, cho thấy những biến đổi tinh tế trong tâm hồn nhân vật (cuộc đi xem hát trở thành một cuộc phiêu lưu trong cảm giác tình yêu của cô gái mới lớn). IV. Ngôn ngữ thơ 1. Giàu sức gợi – Các từ, cụm từ: <i>hình như, có lẽ, thế nào... chả, chắc hẳn, bao giờ... gặp anh đây ...</i> – Cảm xúc gợi ra qua cử chỉ, ngôn ngữ cơ thể: <i>dừng thoi lại</i> (mơ tưởng, lơ đãng), <i>hai má bừng đỏ</i> (xấu hổ, thẹn thùng, rạo rực), <i>ngửa bàn tay trước mái hiên</i> (trôi theo dòng mơ tưởng, đoán định)... 2. Giàu hình ảnh và mang hàm nghĩa – Hình ảnh khung cửi, lụa trắng vừa gợi hoàn cảnh sống (nơi thôn dã) của cô gái vừa gợi hình ảnh cô gái trẻ, còn non nớt, vẫn sống trong khuôn phép gia đình, trong trắng, thơ dại, chưa va chạm nhiều với cuộc sống. – Hình ảnh mưa xuân: vừa diễn tả không gian đặc trưng của mùa xuân Bắc Bộ vừa có ý nghĩa diễn tả mùa xuân của cuộc đời (tuổi trẻ). Mưa xuân gợi chỗi non lộc biếc, tuổi xuân bừng lên những cảm xúc mới mẻ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV lưu ý HS kết nối các phần trước (<i>Xác định thể loại của bài thơ</i>), nêu nhận xét về cách gieo vần, ngắt nhịp, lời kể, lời bộc lộ cảm xúc,... trong bài thơ. – GV yêu cầu HS căn cứ vào nhan đề bài thơ, mạch cảm xúc, hình ảnh, vần điệu,... khái quát cảm hứng chủ đạo của bài thơ.	– HS thực hiện nhiệm vụ. – HS thực hiện yêu cầu, chia sẻ, nhận xét.	3. Giàu nhạc tính Cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt, lời trữ tình xen lời kể, giọng điệu thay đổi theo tâm trạng, khi thì hào hứng, khi thì hờn dỗi, khi lại đầy hi vọng. V. Cảm hứng chủ đạo <i>Mưa xuân</i> là khúc hát về mùa xuân của đất trời và mùa xuân của đời người, về sự mong manh, trong trẻo, bông bột, ngây thơ, về sức sống, niềm tin và khát vọng tình yêu của con người. Lồng vào không gian mùa xuân một câu chuyện hên hò không thành, giải bày những rung động đầu đời về một mối cảm tình mới nhen, nhà thơ đã gieo vào tâm hồn người đọc một cảm xúc mùa xuân rất riêng, một điệu chân quê giữa nhiều tiếng thơ mới mẻ của phong trào Thơ mới đầu thế kỉ XX.

Hoạt động 3. Luyện tập

2. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức về VB *Mưa xuân*, rèn kĩ năng đọc hiểu VB thơ (bảy chữ).

2. Nội dung hoạt động

HS củng cố kiến thức và kĩ năng đọc hiểu VB thơ; thực hành viết kết nối với đọc.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS nêu những điều cần lưu ý khi đọc hiểu VB thơ (bảy chữ).	– HS thực hiện yêu cầu.	– Cách đọc hiểu VB thơ (bảy chữ): xác định thể thơ và mạch cảm xúc của bài thơ; tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ thơ (qua các biện pháp tu từ, cách dùng từ loại,...), chỉ ra chủ đề và cảm hứng chủ đạo của bài thơ...

– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập <i>Viết kết nối với đọc</i> trong SGK, tr. 53.	– HS viết đoạn văn và trình bày đoạn văn.	– Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu: + Nội dung: ghi lại cảm nhận về không gian mùa xuân của làng quê Bắc Bộ được gợi lên trong bài <i>Mùa xuân</i> một cách mạch lạc, giàu cảm xúc. + Dung lượng: 7 – 9 câu.
--	---	---

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

Dựa trên tình huống bài thơ *Mùa xuân* (nhà thơ hoá thân vào nhân vật), HS trình bày suy nghĩ về khả năng đồng cảm của nhà thơ với tâm hồn con người.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS trình bày suy nghĩ về khả năng đồng cảm của nhà thơ, nhà văn với tâm hồn con người.	Thảo luận nhóm và trình bày.	Trình bày được một cách mạch lạc những suy nghĩ riêng của bản thân về khả năng đồng cảm của nhà thơ, nhà văn với tâm hồn con người.

V. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TIẾT 7)

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG, BIỆN PHÁP TU TỪ

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng cho HS nội dung bài học; tạo được hứng thú; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng kiến thức để giải nghĩa từ ngữ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS giải nghĩa từ ngữ: <i>đu trend, sốt đất, thường nóng</i> .	HS giải nghĩa từ ngữ.	– Từ <i>đu</i> có nghĩa gốc là di chuyển thân thể lơ lửng trong khoảng không chỉ với điểm tựa ở bàn tay. Từ <i>trend</i> , tiếng Anh, nghĩa là xu hướng. <i>Đu trend</i> là cách kết

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
		hợp một từ tiếng Việt và một từ tiếng Anh, chỉ hiện tượng với theo trào lưu hay một xu hướng đang thịnh hành. – Từ <i>sốt</i> nghĩa gốc chỉ tình trạng nhiệt độ cơ thể tăng cao. Hiện nay, từ <i>sốt</i> kết hợp với <i>đất</i> thành <i>sốt đất</i>, chỉ sự tăng giá trong thị trường đất đai. – Từ <i>nóng</i> nghĩa gốc chỉ nhiệt độ cao. Hiện nay, từ <i>nóng</i> kết hợp với <i>thường</i> thành <i>thường nóng</i>, chỉ hoạt động thường nhanh, ngay lập tức. Từ này lấy nét nghĩa nhiệt độ cao của từ <i>nóng</i> trong trường hợp đồ ăn mới nấu, còn nóng, ăn ngay.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS hiểu được sự phát triển của từ vựng; biết cách xác định nghĩa gốc và nghĩa mới của từ ngữ; biết vận dụng để tra cứu vốn từ.

2. Nội dung hoạt động

HS nhận biết nghĩa mới của từ ngữ và từ ngữ mới.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS đọc kĩ mục <i>Sự phát triển của ngôn ngữ: nghĩa mới của từ ngữ và từ ngữ mới</i> ở phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 45) và <i>Nghĩa mới của từ ngữ và từ ngữ mới</i> trong SGK (tr. 54), nêu những cách phát triển từ vựng trong SGK (tr 54).	HS thực hiện yêu cầu.	– Phát triển nghĩa của từ ngữ trên cơ sở nghĩa gốc của nó. – Tạo từ ngữ mới trên cơ sở những từ ngữ đã có trong tiếng Việt. – Tiếp nhận từ ngữ tiếng nước ngoài.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

- HS thực hành nhận biết được nghĩa mới của từ ngữ và từ ngữ mới.
- HS củng cố kiến thức và kĩ năng sử dụng biện pháp tu từ.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập thực hành trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để thực hiện bài tập 1 trong SGK (tr. 54).	– HS trao đổi nhóm và làm bài tập.	Bài tập 1 + <i>ngân hàng</i> (nghĩa gốc: tổ chức quản lí hoạt động, lưu thông tiền tệ) → nghĩa mới chỉ kho lưu trữ nói chung, ví dụ: <i>ngân hàng để, ngân hàng máu...</i> + <i>cổng</i> (nghĩa gốc: lối ra vào) → nghĩa mới: • Thiết bị dùng để đồng bộ việc chuyển dữ liệu giữa đơn vị xử lí trung tâm của máy tính với các thiết bị ngoại vi (như máy in, chuột, modem,...) hoặc giữa các máy tính với nhau trong một mạng máy tính. • Cổng thông tin điện tử (portal) là trang thông tin tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và ứng dụng theo một phương thức thống nhất, thông qua một điểm truy cập duy nhất. + <i>gạo cội</i> (nghĩa gốc: gạo tốt, còn nguyên hạt sau khi xay giã) → nghĩa mới: rất giỏi, rất có tài nghệ, do đã có thâm niên trong nghề (thường dùng trong lĩnh vực nghệ thuật, thể thao), ví dụ: <i>diễn viên gạo cội</i>. + <i>lăn tăn</i> (nghĩa gốc: nhỏ, đều, nhiều, chen sát nhau) → nghĩa mới: trạng thái băn khoăn, chưa dứt khoát. Bài tập 2 – Từ mới (trên cơ sở nghĩa gốc): <i>điện thoại di động, cơn sốt đất, sở hữu trí tuệ,...</i> – Từ mới (tiếp nhận tiếng nước ngoài): <i>mít tinh, ga tàu, xà phòng,...</i> Bài tập 3 – Xác định nghĩa của các từ ngữ in đậm: + Trong từ điển, từ <i>phơi phới</i> có hai nghĩa: “ở trạng thái mở rộng, tung bay trước gió” và “vẻ vui tươi đầy sức sống của cái gì đang phát triển, đang dâng
– GV yêu cầu HS làm bài tập 2 trong SGK (tr. 54) (làm việc cá nhân).	– HS làm bài.	
– GV yêu cầu HS làm bài tập 3 trong SGK (tr. 54) (làm việc cá nhân).	– HS làm bài.	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS làm việc nhóm để thực hiện bài tập 4 trong SGK (tr. 54).	– HS làm bài tập theo nhóm.	lên mạnh mẽ”. Nghĩa trong VB: (mưa xuân) bay trong gió, biểu đạt sức sống của mùa xuân, đồng thời kín đáo diễn tả tâm trạng phấn chấn, vui tươi trong lòng người thiếu nữ. + <i>Giăng tơ</i> có nghĩa gốc là “hoạt động của con nhện làm cho sợi tơ căng thẳng ra theo mọi hướng tạo thành tổ để bắt mồi”. Trong câu thơ, Nguyễn Bính dùng để chỉ trạng thái tình cảm yêu đương lan toả, giăng mắc khắp tâm hồn người thiếu nữ. – Trong hai trường hợp trên, nghĩa thứ hai của từ đa nghĩa <i>phơi phới</i> được coi là nghĩa chuyển. Nghĩa của <i>giăng tơ</i> trong câu thơ mang màu sắc tu từ, gắn với sáng tạo riêng của nhà thơ trong trường hợp cụ thể, không mang tính chất ổn định của nghĩa từ vựng. Bài tập 4 a. Biện pháp tu từ so sánh: biểu thị tâm hồn trong trắng, ngây thơ của cô gái. b. Biện pháp tu từ nhân hoá: biểu thị cảm giác buồn tủi, lạnh lẽo của con người. c. Biện pháp tu từ nhân hoá: <i>Bữa ấy mưa xuân đã ngại bay</i> → gợi hình ảnh mưa xuân cuối mùa, thưa, nhẹ, cũng là tâm trạng e dè, ngại ngùng của cô gái.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng hiểu biết và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi, chia sẻ ý kiến, quan điểm về cách sử dụng từ ngữ mới khi nói và viết tiếng Việt.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV hỏi: Có nên lạm dụng tiếng nước ngoài trong khi viết và nói tiếng Việt không?	HS trao đổi nhóm và trả lời.	– HS có thể trả lời theo nhiều cách phụ thuộc vào suy nghĩ cá nhân. – Có người cho rằng lạm dụng tiếng nước ngoài trong nói và viết tiếng Việt chủ yếu là để khoe khoang, làm người nghe khó chịu. Tuy nhiên, vay mượn tiếng nước ngoài là một quy luật ngôn ngữ. Bản thân điều này không phải là xấu. Tùy từng hoàn cảnh cụ thể và tùy đối tượng giao tiếp, người ta có thể dùng tiếng nước ngoài để truyền đạt thông tin. Nhưng nếu quá lạm dụng thì sẽ tạo ra sự hỗn loạn ngôn ngữ.

VI. ĐỌC VĂN BẢN 3 (TIẾT 8)

MỘT KIỂU PHÁT BIỂU LUẬN ĐỀ ĐỘC ĐÁO CỦA XUÂN DIỆU Ở BÀI THƠ VỘI VÀNG (Phan Huy Dũng)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, vận dụng kiến thức, trải nghiệm để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: Nêu một số kiến thức về VB nghị luận văn học (phân tích một tác phẩm thơ) đã học.	HS trình bày những kiến thức về VB nghị luận văn học (phân tích một tác phẩm thơ).	HS nêu được các đặc điểm của VB nghị luận văn học: – Luận đề – Luận điểm – Lí lẽ, bằng chứng

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

– Kết nối về chủ đề *Hồn thơ muôn điệu*, HS củng cố kỹ năng đọc hiểu VB nghị luận văn học.

– HS nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS đọc VB. – GV hỏi: Bài viết nêu nhận định gì về bài thơ <i>Vội vàng</i>?	– HS đọc VB.	I. Tìm hiểu chung Bài thơ được cấu tứ trên “luận đề”: phải tận hưởng gấp những lạc thú cuộc đời, bởi đời người hữu hạn, tuổi trẻ có kì mà thời gian trôi như nước xiết. II. Khám phá VB 1. Cách thức lập luận của người viết – Cần xác định được hệ thống ý của bài viết theo sơ đồ: + Luận đề : Một kiểu phát biểu luận đề độc đáo của Xuân Diệu ở bài thơ <i>Vội vàng</i> . + Luận điểm 1 (lí lẽ – bằng chứng) : kế thừa tư tưởng đã có trong văn học (ý thức cái tôi cá nhân trong văn học phương Tây và quan niệm cổ điển phương Đông; dẫn thơ Lý Bạch, Tô Thức, Nguyễn Trãi). + Luận điểm 2 (lí lẽ – bằng chứng) : sự cá biệt hoá (hình tượng hoá luận đề; những hình ảnh của cuộc đời, sự chuyển điệu cảm xúc, khẳng định bản ngã, thủ pháp liệt kê thể hiện nỗi niềm say sưa, chênh choáng...).
– GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 trong SGK (tr. 57) bằng hình thức vẽ sơ đồ tư duy (làm việc theo nhóm).	– HS làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ.	 + Luận điểm 2 (lí lẽ – bằng chứng) : sự cá biệt hoá (hình tượng hoá luận đề; những hình ảnh của cuộc đời, sự chuyển điệu cảm xúc, khẳng định bản ngã, thủ pháp liệt kê thể hiện nỗi niềm say sưa, chênh choáng...).
– GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 4 trong SGK (tr. 57).	– HS trả lời câu hỏi.	– Tác giả bài nghị luận không tán thành với ý kiến đánh đồng giá trị thẩm mỹ cá biệt, đích thực của bài thơ với giá trị luận đề được nó chứng minh... Ông khẳng định luận đề trở nên hấp dẫn, mới mẻ chính nhờ phần cá biệt hoá của Xuân Diệu.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV hỏi: Nhận xét thái độ người viết đối với quan niệm sống của Xuân Diệu. - GV hỏi: Trong muôn điệu hồn thơ, theo tác giả bài viết, bài <i>Vội vàng</i> có đặc điểm riêng nào?	- HS trả lời câu hỏi. - Một số HS nêu ý kiến cá nhân, các HS khác nhận xét, góp ý.	→ Tác dụng: giúp người đọc hiểu thêm những ý nghĩa, tư tưởng sâu sắc của bài thơ <i>Vội vàng</i> từ góc nhìn của tác giả bài viết. 2. Thái độ của người viết Đồng cảm, đánh giá cao quan niệm sống của Xuân Diệu, cho đó là thái độ sống tích cực. III. Tổng kết Xuân Diệu đã biến luận đề chung thành của riêng mình, thành sự chiêm nghiệm, thành điều tâm huyết của một cá thể, một cá nhân mê say sự sống. → Như vậy, phân tích tác phẩm thơ cần cảm nhận được ý tưởng khái quát của bài thơ, thấy được sự biểu hiện sáng tạo qua hình ảnh, thủ pháp, nhịp điệu... ý tưởng khái quát đó, từ đó thấy được cái độc đáo, “tiếng nói riêng” của nhà thơ so với những tiếng nói khác.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức về VB *Một kiểu phát biểu luận đề độc đáo của Xuân Diệu ở bài thơ “Vội vàng”*, kĩ năng đọc hiểu VB nghị luận văn học.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm để củng cố kiến thức về VB.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS chơi trò chơi “Phản ứng nhanh”. Ví dụ: 1. Phương án nào sau đây KHÔNG nêu đúng nhận xét của tác giả Phan Huy Dũng về bài thơ <i>Vội vàng</i> trong bài viết của mình? A. Bài thơ được cấu tứ dựa trên sự thể hiện luận đề: phải tận hưởng gấp gáp những lạc thú cuộc đời bởi đời người hữu hạn, tuổi trẻ có kì mà thời gian trôi như nước xiết.	HS chơi trò chơi.	Đáp án: 1. C 2. D

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
B. Luận đề trở nên hấp dẫn, trở nên mới mẻ chính nhờ phần cá biệt hoá của Xuân Diệu... C. Là bài thơ có âm hưởng buồn trong thơ hiện đại Việt Nam. 2. Thủ pháp liệt kê được Xuân Diệu triệt để sử dụng để thể hiện điều gì? A. Vẻ đẹp của cuộc sống B. Sự giao hoà với thiên nhiên C. Sự đam mê cháy bỏng D. Sự giải bày, kể lể không thôi niềm yêu cuộc sống – GV hỏi: Câu nào trong VB hình tượng hoá niềm khát khao giao cảm với đời ở Xuân Diệu?	– HS trả lời.	Câu cuối cùng trong VB.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện nhiệm vụ để kết nối bài học với cuộc sống.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS rút ra những bài học trong việc viết một VB nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.	HS trao đổi nhóm và chia sẻ.	Phân tích tác phẩm thơ cần cảm nhận được ý tưởng khái quát của bài thơ, thấy được sự biểu hiện sáng tạo qua hình ảnh, thủ pháp, nhịp điệu,... từ đó thấy được cái độc đáo, "tiếng nói riêng" của nhà thơ so với những tiếng nói khác.

VII. VIẾT (TIẾT 9, 10, 11)

Tiết 9, 10

TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú sáng tác cho HS.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời câu hỏi để khởi động bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV hỏi: Ở các lớp dưới, em đã tập làm thơ lục bát, thơ bốn chữ, năm chữ, thơ tự do. Em hãy chia sẻ ngắn gọn trải nghiệm của mình khi làm thơ.	HS trả lời câu hỏi, chia sẻ trải nghiệm.	HS chia sẻ trải nghiệm sáng tác thơ.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS nhận biết được yêu cầu đối với một bài thơ tám chữ.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu yêu cầu của bài thơ tám chữ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS xem lại phần <i>Tri thức ngữ văn</i> về thơ tám chữ và trình bày yêu cầu đối với bài thơ tám chữ về nội dung và hình thức nghệ thuật.	– HS ôn lại tri thức ngữ văn về thơ tám chữ. – HS trình bày yêu cầu đối với bài thơ tám chữ.	I. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài thơ tám chữ Bài thơ tám chữ cần đạt được những yêu cầu sau: – Số lượng chữ trong mỗi dòng thơ đảm bảo đúng yêu cầu (8 chữ). – Nhịp thơ phù hợp với cảm xúc. – Có hình ảnh và biện pháp tu từ. – Cảm xúc tự nhiên, giản dị. – Có chủ đề, thông điệp.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS tập làm được bài thơ tám chữ.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hành làm một bài thơ tám chữ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS lựa chọn đề tài: trình chiếu để giới thiệu một số đề tài cho HS lựa chọn hoặc yêu cầu HS tự đề xuất đề tài. – GV yêu cầu HS đọc mục b. <i>Lựa chọn hình ảnh biểu đạt cảm xúc</i> trong SGK (tr. 58) và chỉ ra cách thức lựa chọn hình ảnh biểu đạt cảm xúc. – GV yêu cầu HS đọc mục c. <i>Gieo vần, ngắt nhịp</i> trong SGK (tr. 58) và chỉ ra cách thức gieo vần, ngắt nhịp. – GV chiếu đoạn thơ cần điền khuyết trong SGK (tr. 59) và yêu cầu HS làm việc nhóm, tìm tiếng thích hợp điền vào chỗ trống. – GV giao nhiệm vụ cho HS làm một bài thơ tám chữ (thực hiện ở nhà). – GV yêu cầu HS tự chỉnh sửa bài thơ theo yêu cầu chỉnh sửa trong SGK (tr. 59). – GV yêu cầu HS làm việc nhóm để chia sẻ, góp ý bài thơ của nhau.	– HS theo dõi, lựa chọn hoặc xung phong để xuất đề tài. – HS đọc SGK và chỉ ra cách thức lựa chọn hình ảnh biểu đạt cảm xúc. – HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. – HS làm việc nhóm, thống nhất và chia sẻ kết quả trao đổi nhóm trước lớp. – HS làm bài thơ tám chữ (thực hiện ở nhà). – HS tự chỉnh sửa bài thơ mình đã làm. – HS trao đổi nhóm, góp ý bài cho nhau và tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện.	II. Thực hành làm bài thơ tám chữ. 1. Trước khi viết <i>a. Lựa chọn đề tài</i> <i>b. Lựa chọn hình ảnh biểu đạt cảm xúc</i> <i>c. Gieo vần, ngắt nhịp</i> Các tiếng cần điền là: <i>la, nắng, tơ.</i> 2. Viết bài 3. Chỉnh sửa

Hoạt động 4: Vận dụng

1. Mục tiêu

HS hoàn thiện và công bố bài thơ tám chữ đã làm; vận dụng kĩ năng để sáng tác một bài thơ khác.

2. Nội dung hoạt động

HS tiếp tục chỉnh sửa, công bố bài thơ hoặc sáng tác một bài thơ tám chữ khác.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ (thực hiện ở nhà): – Tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện bài thơ đã làm và công bố. – Chọn một đề tài khác để làm một bài thơ tám chữ và công bố.	HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.	Bài thơ đã được chỉnh sửa hoặc một bài thơ khác HS sáng tác và công bố.

Tiết 11

VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ VỀ MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú cho HS trong việc viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện yêu cầu để khởi động bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi HS: Em đã thực hiện các kiểu bài viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ. Em thấy hài lòng nhất với đoạn văn viết về tác phẩm thơ nào? – GV yêu cầu HS chia sẻ những trải nghiệm khi viết đoạn văn đó và hình dung những khác biệt khi viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ?	– HS nhớ lại và nêu các kiểu bài viết. – HS thực hiện yêu cầu.	– Các kiểu bài ghi lại cảm xúc sau khi đọc thơ HS đã học gồm ghi lại cảm xúc về các tác phẩm thơ thuộc các thể loại: + thơ lục bát + thơ bốn chữ, năm chữ + thơ tự do – Chia sẻ của HS về bài viết bản thân ấn tượng nhất. – Những hình dung bước đầu của HS về kiểu bài viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
		về một bài thơ tám chữ qua việc đối chiếu với những kiểu bài văn biểu cảm về thơ đã học.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS nhận biết được yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu yêu cầu của đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hướng dẫn HS nêu yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ (SGK, tr. 60). – GV cho HS đọc bài viết tham khảo và trả lời, thảo luận các câu hỏi: + Bài viết nêu ấn tượng chung về bài thơ như thế nào? + Bài viết nêu cảm nghĩ về nội dung bài thơ như thế nào?	– HS nêu yêu cầu của đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ. – HS đọc bài viết tham khảo (có thể đọc thầm). – HS trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận.	I. Tìm hiểu yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ 1. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ – Giới thiệu được bài thơ; nêu được ấn tượng chung về bài thơ. – Nêu cảm nghĩ về một số nét nổi bật trong nội dung và nghệ thuật của bài thơ; chỉ ra tác dụng của thể thơ tám chữ trong việc tạo nên nét độc đáo của bài thơ. – Khái quát được cảm nghĩ về bài thơ. 2. Phân tích bài viết tham khảo – Câu trả lời phân tích bài viết tham khảo: + Niềm xúc động sâu xa về tình yêu quê hương, đất nước. + Sự hoà quyện của tiếng Việt trong muôn vàn âm thanh, hình ảnh đời sống, niềm tự hào về vẻ đẹp của tiếng Việt.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
+ Bài viết nêu cảm nghĩ về những hình thức nghệ thuật nào? + Tác dụng của thể thơ tám chữ được nói đến như thế nào? + Cảm nghĩ khái quát về bài thơ là gì? – GV hỏi: Theo em, bài viết tham khảo có đáp ứng được yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ không?	– HS thảo luận nhóm và trả lời.	+ Biểu đạt khung cảnh thân thương, những gì gần gũi, thân thiết; biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ; câu thơ dung dị, thấm thía. + Gieo vần, ngắt nhịp linh hoạt, bài thơ trở thành bản nhạc giàu âm điệu. + Vẻ đẹp, sự kì diệu của tiếng Việt cũng là vẻ đẹp, sự kì diệu của tâm hồn nhân dân, dân tộc Việt Nam. – Bài viết về cơ bản đáp ứng được những yêu cầu của đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ, chỉnh sửa được bài viết.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện viết bài theo các bước.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hướng dẫn HS chọn bài thơ tám chữ để viết đoạn văn (có thể là một bài đã học, đã đọc, hoặc một bài mới). – GV hướng dẫn HS tìm ý (theo phiếu học tập số 5) và lập dàn ý.	– HS chọn bài thơ. – HS làm việc theo nhóm, tìm ý và lập dàn ý cho đoạn văn (có thể sử dụng sơ đồ tư duy).	II. Thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ 1. Trước khi viết <i>a. Lựa chọn bài thơ</i> <i>b. Tìm ý</i> <i>c. Lập dàn ý</i> Dàn ý đảm bảo đủ các ý: – Mở đoạn: giới thiệu bài thơ, tác giả; nêu ấn tượng chung về bài thơ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS viết bài theo dàn ý. – GV yêu cầu HS tự chỉnh sửa bài viết theo các yêu cầu chỉnh sửa trong SGK (tr. 62).	– HS viết đoạn văn (ở lớp). – HS tự chỉnh sửa bài viết của mình.	– Thân đoạn: trình bày cảm nghĩ về nội dung (mạch cảm xúc, chủ đề, thông điệp,...) và nghệ thuật (hình ảnh, nhịp điệu, gieo vần, biện pháp tu từ,...); nêu tác dụng của thể thơ tám chữ. – Kết đoạn: Nêu khái quát cảm nghĩ về bài thơ. 2. Viết bài 3. Chỉnh sửa

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng được quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ vào việc tạo lập VB, tiếp tục chỉnh sửa để công bố bài viết.

2. Nội dung hoạt động

HS tiếp tục chỉnh sửa để công bố bài viết.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV hướng dẫn HS: – Tiếp tục chỉnh sửa bài viết cho hoàn chỉnh. – Đọc bài trước lớp.	HS tiếp tục chỉnh sửa, công bố bài viết.	Bài viết được chỉnh sửa, công bố đáp ứng được yêu cầu.

VIII. NÓI VÀ NGHE (TIẾT 12)

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỬA TUỔI (ĐƯỢC GỢI RA TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời câu hỏi để khởi động bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV hỏi: Tác phẩm văn học thường đề cập những vấn đề đời sống mà mọi người quan tâm. Em hãy cho biết vấn đề mà em quan tâm trong một tác phẩm văn học mà em đã đọc hoặc đã học.	HS trả lời câu hỏi.	HS nêu được vấn đề đời sống đáng quan tâm được gợi ra từ tác phẩm đã đọc hoặc đã học.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS nhận biết được yêu cầu của việc thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp lứa tuổi.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu yêu cầu.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi: Theo em, mục đích của buổi thảo luận là gì? Khi tham gia thảo luận, cần tuân thủ/ thực hiện những yêu cầu gì?	HS trao đổi, trả lời câu hỏi.	I. Mục đích thảo luận – Làm cho những người tham gia thảo luận hiểu vấn đề một cách đầy đủ, sâu sắc. – Có giải pháp phù hợp để giải quyết vấn đề. – Các thành viên thảo luận thấu hiểu lẫn nhau. II. Những yêu cầu cần thực hiện khi tham gia thảo luận – Đi vào trọng tâm của vấn đề. – Bao quát, tổng hợp được vấn đề (đối với người chủ trì). – Ghi chép trung thực (đối với thư kí). – Nêu được ý kiến riêng. – Khi nói kết hợp cử chỉ phù hợp.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS có khả năng phát hiện vấn đề qua việc đọc tác phẩm văn học, hiểu và trình bày được ý kiến của mình về vấn đề.

2. Nội dung hoạt động

HS chuẩn bị nội dung và tham gia thảo luận.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hướng dẫn HS chọn đề tài thảo luận và yêu cầu HS chuẩn bị nội dung thảo luận ở nhà. – GV phân công người chủ trì, thư kí buổi thảo luận.	– HS đề xuất, thống nhất đề tài và chuẩn bị nội dung thảo luận ở nhà. – Người chủ trì thiết kế kịch bản buổi thảo luận; thư kí chuẩn bị biên bản thảo luận.	III. Thực hành thảo luận 1. Trước khi thảo luận
– GV theo dõi, hỗ trợ HS tiến hành các bước thảo luận.	– HS tham gia thảo luận theo sự điều khiển của người chủ trì.	2. Thảo luận
– GV hướng dẫn HS đánh giá buổi thảo luận (bảng kiểm, phiếu học tập số 6).	– HS tự đánh giá (theo nhóm).	3. Đánh giá

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Nội dung hoạt động

HS tự thực hiện thảo luận trong nhóm về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi được gợi ra từ tác phẩm văn học đã học (GV chỉ định).

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV chia lớp thành bốn nhóm, đưa ra bốn tác phẩm đã học, yêu cầu mỗi nhóm chọn một tác phẩm và trao đổi về vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi được gợi ra từ tác phẩm đó. Ví dụ: GV đưa ra bốn đề bài là bốn tác phẩm: – <i>Ba chàng sinh viên</i> (A-thơ Cô-nan Đoi-lơ) – <i>Tiếng Việt</i> (Lưu Quang Vũ) – <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> (Tô Hoài) – <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> (Nguyễn Dữ) GV yêu cầu các nhóm thảo luận (làm ở nhà) và nộp sản phẩm là video cuộc thảo luận hoặc bản ghi ghép của thư kí nội dung cuộc thảo luận.	HS trao đổi nhóm, lựa chọn tác phẩm và vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi được gợi ra từ tác phẩm văn học để thảo luận.	Bản ghi chép của thư kí hoặc video ghi lại cuộc thảo luận.

IX. Củng cố, mở rộng

1. Mục tiêu

HS củng cố, mở rộng những kiến thức, kĩ năng đã học trong bài.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 (làm việc cá nhân). – GV cho HS thực hiện bài tập 2 theo nhóm (làm việc ở nhà). – GV cho HS thực hiện bài tập 3 theo nhóm.	HS thực hiện bài tập.	Bài tập 1 Nêu đúng những đặc điểm nội dung, nghệ thuật của bài thơ <i>Tiếng Việt</i> và <i>Mưa xuân</i>. Bài tập 2 Nêu đúng những bài thơ của tác giả Lưu Quang Vũ, Nguyễn Bính; xác định được đặc sắc trong sáng tác của hai nhà thơ. Bài tập 3 Đoạn văn nêu được suy nghĩ riêng về quan niệm của Thế Lữ thông qua hai câu thơ đã cho, đảm bảo hình thức đoạn văn (theo lối quy nạp hoặc diễn dịch).

X. THỰC HÀNH ĐỌC

MIỀN QUÊ (Nguyễn Khoa Điềm)

1. Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức về thể loại thơ hiện đại (thơ sáu chữ) và kĩ năng đọc thơ hiện đại theo đặc trưng thể loại để tự đọc hiểu VB.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hành đọc ở nhà, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong buổi học tiếp theo.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ tự đọc VB ở nhà theo những lưu ý trong SGK. – GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ (làm vào vở).	– Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.	– Xác định đúng số tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi khổ, vần, nhịp thơ. – Nêu bố cục, kết cấu, mạch cảm xúc của bài thơ theo cảm nhận cá nhân. – Phân tích một số hình ảnh, biện pháp tu từ. – Nêu khái quát chủ đề bài thơ, chỉ ra căn cứ để xác định chủ đề.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Đọc phần *Tri thức ngữ văn* trong SGK (tr. 45), tìm và điền các từ ngữ phù hợp vào chỗ trống trong các nhận định dưới đây:

a. Thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ là những thể thơ được xác định dựa vào:

.....

b. Dòng thơ thường được ngắt nhịp một cách:

.....

c. Cách gieo vần thường thấy ở thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ là:

.....

2. Nêu một số bài thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ mà em biết (tên bài thơ, tác giả):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. Đọc bài thơ *Tiếng Việt* (SGK, tr. 46 – 48), điền thông tin phù hợp vào bảng sau:

a. Bài thơ thuộc thể thơ :

b. Nêu 3 dòng thơ có cách ngắt nhịp khác nhau:

.....
.....
.....

c. Nêu ví dụ về vần chân và vần cách:

.....
.....
.....

2. So sánh số lượng khổ thơ trong bài thơ *Tiếng Việt* với số lượng khổ thơ trong bài thơ cùng thể loại mà em đã nêu ở phiếu học tập số 1:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

1. Đọc bài thơ *Mưa xuân* (Nguyễn Bính) và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Xác định số tiếng trong mỗi dòng thơ:

.....

b. Nhận xét cách gieo vần ở các khổ thơ 1, 2, 3:

.....

.....

.....

.....

.....

c. Chỉ ra cách ngắt nhịp ở khổ thơ cuối:

.....

.....

.....

2. So sánh số tiếng ở mỗi dòng thơ, cách gieo vần, số câu thơ trong một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật và bài thơ bảy chữ hiện đại *Mưa xuân*:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

1. Tìm các dòng thơ có nét tương đồng về ý thơ, cấu trúc câu với các dòng thơ dưới đây:

a. Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay

.....

b. Hoa xoan lớp lớp rụng với đầy

.....

c. Mưa bụi nên em không ướt áo

.....

d. Thôn Đoài cách có một thôi dê

.....

e. Hội chèo làng Đặng đi ngang ngõ

.....

g. Mẹ bảo: “Thôn Đoài hát tối nay”

.....

2. Cho biết hiệu quả thẩm mỹ gợi ra từ các cặp câu thơ:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Tìm ý cho đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ

a. Bài thơ: Tác giả:

b. Bài thơ viết về:

c. Cảm nhận chung về bài thơ:

.....

.....

d. Cảm nghĩ về nội dung bài thơ:

.....

.....

.....

.....

.....

e. Cảm nghĩ về hình ảnh của bài thơ:

.....

.....

.....

.....

.....

g. Biện pháp tu từ nổi bật, tác dụng của biện pháp tu từ:

.....

.....

.....

.....

h. Lối gieo vần, ngắt nhịp:

.....

.....

.....

i. Khái quát cảm nghĩ về bài thơ:

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Bảng kiểm đánh giá buổi thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gọi ra từ tác phẩm văn học)

Các phương diện đánh giá	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
Nội dung thảo luận	Ý kiến độc đáo, tập trung vào trọng tâm vấn đề		
	Lí lẽ, bằng chứng thuyết phục		
	Các giải pháp thiết thực, khả thi		
Hình thức trình bày	Nói to, rõ ràng, ngôn ngữ cơ thể phù hợp, sinh động		
	Các phương tiện hỗ trợ được sử dụng hiệu quả		
Cách thức tổ chức	Người chủ trì điều hành hiệu quả		
	Không khí buổi thảo luận cởi mở, thân thiện		

ĐỌC MỞ RỘNG

(2 tiết)

A. MỤC TIÊU

Bài học góp phần phát triển các năng lực và phẩm chất sau cho HS:

I. VỀ NĂNG LỰC

1. Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

Đọc mở rộng: Đọc VB văn học (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên internet) có cùng thể loại và độ dài tương đương với các VB đã học; học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong Chương trình. Cụ thể:

- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng được học trong bài 6. *Giải mã những bí mật*, bài 7. *Hồn thơ muôn điệu* để tự đọc truyện trinh thám, thơ (sáu chữ, bảy chữ, tám chữ).
- Chia sẻ được kết quả đọc mở rộng với người khác.

2. Năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tóm tắt, sơ đồ tư duy, bảng, các từ khoá; ghi chú bài giảng của GV theo các ý chính.
- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, công thức, kí hiệu, hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản về đời sống, nghệ thuật.
- Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

II. VỀ PHẨM CHẤT

Yêu thích văn học, say mê khám phá, tìm hiểu tác phẩm văn học.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

I. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN

1. Phương pháp: đọc sáng tạo, dạy học hợp tác, thuyết trình,...
2. Phương tiện: máy tính, máy chiếu, hình ảnh minh hoạ,...

II. HOẠT ĐỘNG CHUẨN BỊ

Trước tiết học (khoảng 3 – 4 tuần), GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm (5 – 6 HS) chuẩn bị bài:

- Tìm truyện trinh thám, thơ (thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ) và thực hành đọc. GV có thể gợi ý cho HS một số cuốn sách, nguồn VB đọc. Ví dụ:

+ Truyện trinh thám: *Sơ-lốc Hô* toàn tập, tập 1, 2, 3 (Cô-nan Đoi-lơ); *Án mạng trên chuyến tàu tốc hành Phương Đông*, *Ngôi nhà quái dị*,... (A-ga-thơ Crít-xti); *Mật mã Da Vinci* (Đan Bờ-rao); *Trại hoa đỏ* (Di Li);...

+ Thơ: tìm đọc thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ trong các cuốn sách như: *Tinh hoa thơ Việt* (NXB Hội Nhà văn, 2007), *Thi nhân Việt Nam* (NXB Văn học, 1996); tuyển tập thơ của các tác giả Lưu Quang Vũ, Nguyễn Bính, Nguyễn Khoa Điềm, Bằng Việt,...

– GV yêu cầu nhóm HS thực hiện các nhiệm vụ:

+ Hoàn thành kế hoạch đọc của nhóm; mỗi nhóm sẽ chọn ít nhất một VB truyện trinh thám và một VB thơ để cùng thảo luận.

+ Thực hiện kế hoạch đọc theo các vòng: vòng 1 (HS đọc cá nhân theo phiếu học tập số 1, số 2), vòng 2 (HS đọc, thảo luận theo nhóm), vòng 3 (các nhóm thảo luận trên lớp).

– Sản phẩm:

+ Sản phẩm cá nhân: hoàn thành phiếu đọc cá nhân.

+ Sản phẩm nhóm: kế hoạch hoạt động của nhóm, bài trình bày kết quả đọc mở rộng của nhóm, đọc thuộc lòng diễn cảm một đoạn thơ hoặc bài thơ yêu thích (có thể tạo video đọc).

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung học; tạo hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng trải nghiệm về văn học để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đọc thông tin và đoán tên tác giả”. Ví dụ: - Ông là nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch tài năng. - Ông được đánh giá là vua truyện trinh thám Việt Nam đầu thế kỉ XX. - Ông là nhà văn người Xcốt-len, nổi tiếng trên toàn thế giới với truyện trinh thám. - Ông là tác giả bài thơ <i>Miền quê</i>. - Ông là nhà thơ nổi tiếng từ phong trào Thơ mới, thơ ông thể hiện tình yêu với làng quê và văn hoá truyền thống dân tộc. - Bà được mệnh danh là “nữ hoàng truyện trinh thám”. – GV dẫn dắt vào bài.	– HS chơi trò chơi.	– Đáp án: - Lưu Quang Vũ - Phạm Cao Cung - Cô-nan Đoi-lơ - Nguyễn Khoa Điềm - Nguyễn Bính - A-ga-thơ Crít-xti

Hoạt động 2. Trao đổi kết quả đọc mở rộng

1. Mục tiêu

- HS vận dụng được kiến thức và kỹ năng được học trong bài 6. *Giải mã những bí mật*, bài 7. *Hồn thơ muôn điệu* để tự đọc truyện trinh thám, thơ (sáu chữ, bảy chữ, tám chữ).
- HS chia sẻ được kết quả đọc mở rộng với người khác.

2. Nội dung hoạt động

HS trình bày sản phẩm đọc mở rộng của nhóm.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS trao đổi phiếu đọc sách và hoàn thiện sản phẩm của nhóm. – GV yêu cầu đại diện các nhóm chia sẻ sản phẩm trước lớp, các nhóm khác lắng nghe để trao đổi, đánh giá. – GV nhận xét, đánh giá kết quả đọc mở rộng của HS: + Nhận xét chung. + Biểu dương nhóm HS thể hiện tốt. + Cho HS bình chọn: nhóm có bài thuyết trình về truyện trinh thám tốt nhất, nhóm có bài thuyết trình về thơ tốt, nhóm đọc thơ diễn cảm nhất. + Khuyến khích HS trao đổi sách cho nhau để đọc.	– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. – Một số HS trình bày; những HS khác lắng nghe, trao đổi, đánh giá. – HS lắng nghe, bình chọn giải thưởng.	– Phiếu đọc sách cá nhân được chỉnh sửa. – Sản phẩm đọc mở rộng của nhóm được chỉnh sửa, hoàn thiện. – Bài trình bày kết quả đọc mở rộng của nhóm. – Sản phẩm đọc diễn cảm một đoạn thơ hoặc bài thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ. – Các sản phẩm được bình chọn, HS rút kinh nghiệm cho hoạt động đọc mở rộng tiếp theo.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhật kí đọc truyện trinh thám

Họ và tên học sinh: Lớp:

Tên văn bản:

Tác giả: Ngày đọc:

* Ấn tượng đầu tiên của tôi về tác phẩm:

* Những chiến lược tôi đã sử dụng trong khi đọc tác phẩm:

☐ Dự đoán ☐ Hình dung ☐ Suy luận

Chiến lược khác:

* Ngôi kể và tác dụng:

* Vụ việc cần điều tra:

* Không gian xảy ra vụ việc:

* Thời gian xảy ra vụ việc:

* Nhân vật (người điều tra, nạn nhân, nghi phạm, thủ phạm):

.....

* Cốt truyện:

.....

.....

.....

* Đặc điểm của nhân vật người điều tra:

.....

* Chủ đề của truyện:

.....

* Điều tôi thấy thú vị, tâm đắc khi đọc truyện:

.....

* Điều tôi còn băn khoăn về tác phẩm:

* Đánh giá của tôi về tác phẩm: ★★★★★

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhật kí đọc thơ (sáu chữ, bảy chữ, tám chữ)

Họ và tên học sinh: Lớp:

Tên bài thơ: Tác giả:

Ngày đọc:

* Những ấn tượng đầu tiên của tôi về bài thơ:

* Những chiến lược tôi đã sử dụng trong khi đọc bài thơ:

☐ Theo dõi ☐ Hình dung ☐ Suy luận

* Thể thơ: ☐ Sáu chữ ☐ Bảy chữ ☐ Tám chữ

* Cách gieo vần:

* Cách ngắt nhịp:

* Người bộc lộ cảm xúc:

* Mạch cảm xúc của bài thơ:

.....

* Kết cấu:

* Cảm hứng chủ đạo:

* Nét độc đáo về nội dung và nghệ thuật:

.....

.....

.....

.....

* Chủ đề của bài thơ:.....

.....

* Căn cứ để xác định chủ đề:

.....

* Điều tôi thấy thú vị, tâm đắc khi đọc bài thơ:

.....

.....

* Đánh giá của tôi về tác phẩm: ★★★★★

BÀI 8. TIẾNG NÓI CỦA LƯƠNG TRI

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU

Bài học góp phần phát triển các năng lực và phẩm chất sau cho HS:

I. VỀ NĂNG LỰC

1. *Năng lực đặc thù* (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB; mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.
- Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong VB; liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.
- Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).
- Hiểu được nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng (như: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,...).
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.
- Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự; nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến, chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như lập luận thiếu lô-gíc, bằng chứng chưa đủ hay không liên quan.

2. *Năng lực chung* (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau; hình thành được ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho.

II. VỀ PHẨM CHẤT

Có tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng, đất nước và nhân loại; sẵn sàng lên tiếng trước những vấn đề quan trọng, gay gắt.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

Nội dung dạy học	Phương pháp, phương tiện	Chuẩn bị của HS
Độc hiểu VB: <i>Đấu tranh cho một thế giới hoà bình</i> (3 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác, đóng vai,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	– Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 67). – Thực hiện phiếu học tập số 1, 2.
Thực hành tiếng Việt Nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng (1 tiết)	– Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 67); đọc khung <i>Nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế</i> trong SGK (tr. 71) và vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung kiến thức.
Độc hiểu VB: <i>Biến đổi khí hậu – mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta</i> (2 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	Đọc VB, thực hiện phiếu học tập số 3, trả lời các câu hỏi sau khi đọc trong SGK (tr. 75).
Thực hành tiếng Việt Lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép, các kiểu câu ghép (1 tiết)	– Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Đọc lại <i>Tri thức ngữ văn</i> ở bài 6. <i>Giải mã những bí mật</i> .
Độc hiểu VB: <i>Bài ca chúc Tết thanh niên</i> (1 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Đọc VB, trả lời các câu hỏi sau khi đọc trong SGK (tr. 78).
Viết Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội) (3 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, bảng kiểm.	Thu thập thông tin cho bài viết (phiếu học tập số 4).
Nói và nghe Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại) (1 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, bảng kiểm.	Chuẩn bị nội dung nói: thực hiện phiếu ghi chú (phiếu học tập số 6).

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ BÀI HỌC

1. Mục tiêu

HS nhận biết được chủ đề và loại VB chính được học trong bài.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, trả lời câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> , nêu chủ đề của bài và loại VB chính được học trong bài.	HS nêu chủ đề của bài học và loại VB chính được học trong bài.	– Chủ đề bài học: tiếng nói của lương tri. – Loại VB đọc chính: VB nghị luận.

II. ĐỌC VĂN BẢN 1 (TIẾT 1, 2, 3)

ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH

(Trích, Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng hiểu biết về cuộc sống xã hội để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS xem một số hình ảnh về sự kiện hai thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki của Nhật Bản bị ném bom nguyên tử vào cuối Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Từ đó yêu cầu HS nêu hiểu biết, suy nghĩ về sự kiện đó. – GV hỏi: Hiện nay, vũ khí hạt nhân có còn là mối lo của nhân loại nữa không?	– HS thực hiện nhiệm vụ. – HS trả lời câu hỏi.	– HS nêu hiểu biết, suy nghĩ về sự kiện. – Hiện nay, một số quốc gia vẫn đang chạy đua vũ khí hạt nhân nên đây vẫn còn là mối lo của nhân loại.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

– Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB; mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

– Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong VB; liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.

– Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc SGK, phân biệt thông tin khách quan và ý kiến chủ quan. – GV mời HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về nhà văn Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két và xuất xứ VB.	– HS đọc SGK, trả lời câu hỏi. – HS trình bày.	I. Tìm hiểu chung 1. Khám phá tri thức ngữ văn – Thông tin khách quan: thường được thể hiện ở dạng bản tin, số liệu thống kê, phát hiện của các nhà nghiên cứu, kết quả thí nghiệm,... – Ý kiến chủ quan thường được đánh dấu bằng những cách diễn đạt như: <i>tôi nghĩ, tôi tin, tôi cảm thấy, theo quan điểm của tôi, chúng tôi cần,...</i>; hoặc các từ ngữ thể hiện cảm xúc, tình cảm, nhận xét như: <i>thích, ghét, thú vị, rất đáng ghi nhận, thật sự có giá trị,...</i> 2. Tìm hiểu về tác giả Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két (1928 – 2014) là nhà văn nổi tiếng người Cô-lôm-bi-a. 3. Xuất xứ VB VB trích tham luận do Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két, với tư cách là khách mời, đọc tại hội nghị quốc tế họp tại Mê-hi-cô tháng 8 năm 1986 – thời điểm cuộc chạy đua vũ trang giữa Liên Xô và Mỹ đã lên đến đỉnh điểm.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi HS: Em đã được đọc nhiều VB nghị luận. Hãy định hướng cách đọc hiểu VB <i>Đấu tranh cho một thế giới hoà bình</i>. – GV yêu cầu HS đọc VB, trao đổi về một số từ ngữ khó trong VB. – GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về phiếu học tập số 1 (đã thực hiện ở nhà) và trình bày.	– HS trình bày. – HS đọc VB và trao đổi về một số từ ngữ khó. – HS trao đổi, trình bày phiếu học tập số 1.	4. Định hướng cách đọc hiểu VB nghị luận Khi đọc hiểu VB nghị luận, cần phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng. II. Khám phá VB 1. Đọc và xác định luận đề, luận điểm của VB – Luận đề: Chạy đua sản xuất vũ khí hạt nhân là đặt nhân loại trước nguy cơ bị huỷ diệt. – Các luận điểm: + Luận điểm 1 (từ đầu đến <i>đối với vận mệnh thế giới</i>): Người ta đã bố trí số đầu đạn hạt nhân có khả năng huỷ diệt 12 lần Trái Đất. + Luận điểm 2 (từ <i>Niềm an ủi duy nhất trước tất cả những suy diễn</i> đến <i>xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới</i>): Số tiền bỏ ra cho việc chạy đua vũ trang có thể giải quyết nhiều vấn đề thiết yếu của nhân loại. + Luận điểm 3 (từ <i>Một nhà tiểu thuyết lớn của thời đại chúng ta</i> đến <i>đã bị xoá bỏ khỏi vũ trụ này</i>): Chạy đua vũ trang là đi ngược lại với lí trí con người và cũng đi ngược lại cả lí trí tự nhiên. – Mối quan hệ giữa các luận điểm: Luận điểm 1 nêu thực trạng chạy đua vũ khí hạt nhân giữa các cường quốc. Từ thực trạng này, tác giả có điều kiện so sánh để thấy kinh phí dành cho việc sản xuất vũ khí giết người hàng loạt đó tốn kém hơn nhiều lần so với việc giải quyết những vấn đề quan trọng, cấp bách của đời sống nhân loại (luận điểm 2). Những so sánh đó giúp tác giả chỉ ra sự vô lí của việc chạy đua vũ khí hạt nhân (luận điểm 3). → Các luận điểm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, cùng góp phần làm rõ luận đề của VB. 2. Tìm hiểu các luận điểm <i>a. Tìm hiểu luận điểm 1: Người ta đã bố trí số đầu đạn hạt nhân có khả năng huỷ diệt 12 lần Trái Đất</i> – Tác giả mở đầu bài viết bằng một câu hỏi và xác định cụ thể thời gian (<i>Hôm nay ngày 8 – 8 – 1986</i>). Từ đó đưa ra bằng chứng là số liệu cụ thể: <i>hơn 50 000 đầu đạn hạt nhân đã được bố trí trên khắp hành tinh.</i>
– GV yêu cầu HS nhận xét về cách mở đầu VB của tác giả.	– HS thực hiện nhiệm vụ.	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS chỉ ra các lí lẽ trong đoạn trích.	– HS thực hiện nhiệm vụ.	– Lí lẽ: + Tác giả đưa ra phép tính: <i>mỗi người, không trừ trẻ con, đang ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ: Tất cả chỗ đó nổ tung lên sẽ làm biến hết thủy, không phải là một lần mà là mười hai lần, mọi dấu vết của sự sống trên Trái Đất.</i> + Dự tính nguy cơ trên cơ sở khoa học: nếu 50 000 đầu đạn hạt nhân nổ tung thì <i>có thể tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh Mặt Trời, cộng thêm bốn hành tinh nữa, và phá hủy thế thăng bằng của Hệ Mặt Trời.</i>
– GV hỏi: Cách đặt vấn đề như vậy có tác dụng gì?	– HS trả lời câu hỏi.	→ Cách vào đề thu hút người đọc và gây ấn tượng mạnh mẽ về tính chất hệ trọng của vấn đề đang được nói tới. <i>b. Tìm hiểu luận điểm 2: Số tiền bỏ ra cho việc chạy đua vũ trang có thể giải quyết nhiều vấn đề thiết yếu của nhân loại</i>
– GV cho HS làm việc theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập số 2.	– HS thực hiện nhiệm vụ, trình bày, trao đổi.	– Để làm rõ luận điểm, tác giả đã đưa ra bốn bằng chứng thật thuyết phục trong các lĩnh vực: xã hội, y tế, tiếp tế thực phẩm, giáo dục. Đây đều là những lĩnh vực thiết yếu trong cuộc sống con người, đặc biệt với các nước nghèo. – Ở luận điểm này, bằng chứng và lí lẽ song hành, kết hợp chặt chẽ với nhau. Nghệ thuật lập luận của đoạn văn có sức thuyết phục cao: + Tác giả đưa ra những con số “biết nói”. Ví dụ: giải quyết cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ trên thế giới tốn 100 tỉ đô la,... + Cách so sánh khiến người đọc ngạc nhiên, bất ngờ. Ví dụ: <i>Chỉ hai chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân là đủ tiền xóa nạn mù chữ cho toàn thế giới.</i>
– GV hỏi: Em hiểu thế nào là “lí trí tự nhiên”?	– HS trả lời câu hỏi.	<i>c. Tìm hiểu luận điểm 3: Chạy đua vũ trang là đi ngược lại với lí trí con người và cũng đi ngược lại cả lí trí tự nhiên</i> – “Lí trí tự nhiên” là quy luật của tự nhiên, lô-gíc tất yếu của tự nhiên.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS trả lời câu hỏi 4 trong SGK (tr. 70): Chiến tranh hạt nhân “không những đi ngược lại lí trí con người mà còn đi ngược lại cả lí trí tự nhiên nữa” là ý kiến chủ quan hay thông tin khách quan? Để thuyết phục người đọc tin vào điều đó, tác giả đã chọn cách triển khai đoạn văn như thế nào? – GV cho HS trả lời câu hỏi 5 trong SGK (tr. 70): Khi bàn về vấn đề được nêu, Mác-két bộc lộ thái độ gì? Chỉ ra cách thể hiện thái độ của tác giả.	– HS trả lời câu hỏi.	– “Chiến tranh hạt nhân không những đi ngược lại lí trí con người mà còn đi ngược lại cả lí trí tự nhiên nữa” là một ý kiến chủ quan. Vì đây không phải là một điều đã xảy ra hay là một thực tế, mà là nhận định về một khả năng, trên cơ sở những hiểu biết của tác giả về sức công phá của vũ khí hạt nhân, thực trạng chạy đua loại vũ khí có sức huỷ diệt khủng khiếp này ở các cường quốc. – Tác giả đã triển khai chủ đề đó thành các ý có quan hệ chặt chẽ với nhau: + Quá trình hình thành và phát triển sự sống trên Trái Đất để con người có được như ngày nay là vô cùng lâu dài. + Sự sống của muôn loài trên Trái Đất hết sức đẹp đẽ, kì diệu. + Thế nhưng, chỉ cần “bấm nút” hạt nhân, tất cả quá trình sự sống vĩ đại của hàng bao nhiêu triệu năm sẽ trở lại điểm xuất phát. → Cách triển khai đoạn văn như vậy khiến cho ý kiến chủ quan của người viết trở nên có sức nặng, đầy tính thuyết phục. → Với luận điểm này, hiểm hoạ chiến tranh hạt nhân đã được nhận thức sâu sắc hơn ở tính phản tự nhiên, phản tiến hoá của nó. 3. Tìm hiểu thái độ của tác giả – Tác giả đã thể hiện thái độ của mình bằng nhiều cách: + Phản đối trực tiếp việc chạy đua vũ khí hạt nhân qua các từ ngữ, câu văn: <i>nguy cơ ghê gớm, tầm quan trọng quyết định đến như vậy đối với vận mệnh thế giới, Phải chăng Trái Đất chúng ta chính là địa ngục của các hành tinh khác? Chúng ta đến đây để cố gắng chống lại việc đó, kiên quyết để nghị mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm hoạ hạt nhân,...</i> + Để sự thật khách quan tự lên tiếng qua các số liệu và những so sánh cho thấy sự phi lí khủng khiếp của việc chạy đua vũ khí hạt nhân (ví dụ: <i>Giá của 10 chiếc tàu sân bay mang vũ khí hạt nhân kiểu tàu Ni-mít, trong số 15 chiếc mà Hoa Kỳ dự định đóng từ nay đến năm 2000, cũng đủ để thực hiện một chương trình phòng bệnh trong cũng 14 năm đó và sẽ bảo vệ cho hơn 1 tỉ người khỏi bệnh sốt rét và cứu hơn 14 triệu trẻ em, riêng cho châu Phi mà thôi</i>).

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 6 trong SGK, tr. 70.	– HS trả lời câu hỏi.	+ Thể hiện thái độ căm phẫn qua việc đề nghị mở “nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm họa hạt nhân” để tố cáo tội ác của những “thủ phạm” giả điếc làm ngơ “nhân danh những lợi ích tiện” khi đẩy nhân loại đến sự diệt vong. → Bài nghị luận được trích từ một tham luận đọc tại hội nghị nguyên thủ quốc gia của một số nước, thể hiện quan điểm, thái độ rạch ròi, dứt khoát của nhà văn. → Mác-két đã lên tiếng phản đối quyết liệt việc phát triển vũ khí hạt nhân. III. Tổng kết – Thông điệp mà tác giả muốn truyền đi qua VB: Thế giới hãy bằng mọi cách ngăn chặn chạy đua vũ trang, loại bỏ vũ khí hạt nhân. – Trong tình hình hiện nay của thế giới, thông điệp trên vẫn còn nguyên ý nghĩa thời sự, bởi vì số vũ khí hạt nhân mà các quốc gia sở hữu không ngừng tăng lên và nhân loại đang đứng trước hiểm họa của cuộc chiến tranh hạt nhân.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

2. Nội dung hoạt động

HS vẽ sơ đồ tư duy về nội dung và hình thức của VB, thực hành viết kết nối với đọc.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS vẽ sơ đồ tư duy về nội dung VB và nghệ thuật lập luận của tác giả. – GV yêu cầu HS thực hiện bài tập <i>Viết kết nối với đọc</i> trong SGK (tr. 70).	– HS vẽ sơ đồ tư duy. – HS viết đoạn văn và trình bày đoạn văn.	– Sơ đồ tư duy về nội dung VB và nghệ thuật lập luận của tác giả. – Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu: + Nội dung: Vũ khí hạt nhân đang là hiểm họa đe dọa sự tồn vong của nhân loại. + Dung lượng: 7 – 9 câu.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện nhiệm vụ để kết nối bài học với cuộc sống.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thực hiện dự án: Vì một thế giới không có vũ khí hạt nhân. GV giao cho các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ: – Trình bày hiểu biết về vũ khí hạt nhân. – Tìm hiểu thực trạng phát triển vũ khí hạt nhân trên thế giới. – Tìm hiểu thảm họa từ vũ khí hạt nhân. – Đề xuất giải pháp cho một thế giới hoà bình.	HS thực hiện nhiệm vụ.	Các bài thuyết trình đa phương thức của HS.

III. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TIẾT 4)

NGHĨA VÀ CÁCH DÙNG TÊN VIẾT TẮT CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ QUAN TRỌNG

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng cho HS nội dung bài học; tạo được hứng thú; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng kiến thức nền để trả lời câu hỏi và chơi trò chơi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS chơi trò chơi thi nói tên đầy đủ của các tổ chức quốc tế qua tên viết tắt: WTO, OPEC, IMF, UN, ASEAN,...	HS chơi trò chơi.	Nhận biết được tên đầy đủ của các tổ chức quốc tế qua tên viết tắt.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

Hiểu được nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, thực hiện các nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 67); đọc khung <i>Nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế</i> trong SGK (tr. 71) để trả lời các câu hỏi: Căn cứ vào đâu để biết nghĩa của tên viết tắt một tổ chức quốc tế? Có điều gì cần lưu ý khi viết tắt tên các tổ chức quốc tế? Cần đọc tên viết tắt của tổ chức quốc tế như thế nào? – GV yêu cầu HS lấy ví dụ về một vài tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng.	– HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy, trình bày, thảo luận. – HS thực hiện nhiệm vụ.	I. Nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế – Nghĩa của tên viết tắt tổ chức quốc tế là nghĩa của từng từ trong cụm từ đầy đủ tạo nên tên của tổ chức đó. – Khi viết tắt tên các tổ chức quốc tế, cần lưu ý: + Tất cả các chữ cái trong tên viết tắt phải được viết in hoa. + Viết đúng trật tự các chữ cái trong tên viết tắt của tổ chức quốc tế. + Tên viết tắt của tổ chức quốc tế xuất hiện lần đầu trong VB cần phải được chú thích tên đầy đủ và nghĩa. + Chỉ sử dụng tên viết tắt của tổ chức quốc tế khi cần thiết. – Tên viết tắt của tổ chức quốc tế thường được đọc theo tên từng chữ cái trong tiếng Việt hoặc có khi được đọc như một danh từ thông thường. – Ví dụ một số tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Củng cố kiến thức, kĩ năng về cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 (làm việc cá nhân).	HS thực hiện bài tập 1; trình bày, góp ý cho nhau.	II. Luyện tập Bài tập 1 - Đọc VB <i>Đấu tranh cho một thế giới hoà bình</i>, gấp tên viết tắt các tổ chức quốc tế như FAO, UNICEF, việc đầu tiên cần làm là tra cứu tài liệu để hiểu được cách viết đầy đủ tên đó và nghĩa của nó. + Ví dụ: FAO là viết tắt cụm từ <i>Food and Agriculture Organization</i>, tên tiếng Anh của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc. - Nếu không biết nghĩa của cụm từ biểu thị tên tổ chức quốc tế thì sẽ không hiểu được nội dung của câu. Bài tập 2 Đoạn văn tuy dùng nhiều tên viết tắt tổ chức quốc tế, nhưng phù hợp và cần thiết. Bài tập 3 Câu có sử dụng tên viết tắt của tổ chức quốc tế.
GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 2 (làm việc cá nhân).	HS thực hiện bài tập 2; trình bày, góp ý cho nhau.	
GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 3 (làm việc cá nhân).	HS thực hiện bài tập 3; trình bày, góp ý cho nhau.	

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS tìm hiểu thêm tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS tự tìm hiểu để giải thích nghĩa của 5 tên viết tắt tổ chức quốc tế (ngoài tên viết tắt đã có trong SGK).	HS giải thích nghĩa khoảng 5 tên viết tắt tổ chức quốc tế.	Giải thích nghĩa khoảng 5 tên viết tắt tổ chức quốc tế.

IV. ĐỌC VĂN BẢN 2 (TIẾT 5, 6)

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU – MỐI ĐE DOẠ SỰ TỒN VONG CỦA HÀNH TINH CHÚNG TA

(Trích Phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu,
An-tô-ni-ô Gu-tê-rét)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng trải nghiệm về cuộc sống để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS xem một vài hình ảnh (như băng tan, hạn hán, ô nhiễm không khí, cháy rừng) và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: – Những hình ảnh trên cho em thấy những hiện tượng nào đang diễn ra trên Trái Đất? – Biến đổi khí hậu đã gây tác hại như thế nào đến lao động sản xuất và sinh hoạt của cư dân ở địa phương em? Vấn đề có nghiêm trọng không?	HS trình bày.	– HS nhận diện được những bức ảnh cho thấy hiện tượng biến đổi khí hậu trên Trái Đất. – Một vài chia sẻ về tác hại của biến đổi khí hậu đối với lao động sản xuất và sinh hoạt của cư dân ở địa phương HS sinh sống.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

– Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB; mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

– Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong VB; liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.

– Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV mời HS đọc SGK, trình bày ngắn gọn thông tin về An-tô-ni-ô Gu-tê-rét và xuất xứ VB. – GV hỏi: Em dự định đọc hiểu VB <i>Biến đổi khí hậu – mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta</i> như thế nào? – GV yêu cầu HS đọc VB, trao đổi về một số từ ngữ khó trong VB. – GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về phiếu học tập số 3 (đã thực hiện ở nhà) và trình bày.	– HS đọc SGK, thực hiện yêu cầu. – HS trình bày. – HS đọc VB, trao đổi về một số từ ngữ khó. – HS trao đổi và trình bày.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả An-tô-ni-ô Gu-tê-rét An-tô-ni-ô Gu-tê-rét sinh năm 1949, là nhà chính trị và ngoại giao người Bồ Đào Nha. Năm 2017, ông được bầu làm Tổng Thư kí Liên hợp quốc. 2. Xuất xứ VB VB này là bài phát biểu của An-tô-ni-ô Gu-tê-rét, Tổng Thư kí Liên hợp quốc tại cuộc họp Đại hội đồng Liên hợp quốc (ở Niu Oóc, Hoa Kỳ) năm 2018. 3. Định hướng cách đọc hiểu VB nghị luận Khi đọc hiểu VB nghị luận, cần phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. II. Khám phá VB 1. Đọc và xác định luận đề, luận điểm của VB – Luận đề: Tình hình biến đổi khí hậu đang diễn ra hết sức nghiêm trọng, trở thành mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta. – Các luận điểm: + Luận điểm 1 (từ đầu đến <i>đang dần teo tóp lại</i>): Một số biểu hiện cụ thể của hiện tượng biến đổi khí hậu trên thế giới và hậu quả của nó. + Luận điểm 2 (từ <i>Ngọn núi phía trước chúng ta đến các khí phát thải đó gây ra</i>): Cần có các giải pháp để ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu. + Luận điểm 3 (từ <i>Đã đến lúc đến để lãnh phí nữa</i>): Trách nhiệm lớn lao của lãnh đạo các quốc gia về vấn đề biến đổi khí hậu. + Luận điểm 4 (phần còn lại): Tất cả phải hành động, không thể chậm trễ. → Mối quan hệ giữa các luận điểm: Các luận điểm có quan hệ chặt chẽ với nhau. Luận điểm trước là lí do, là cơ sở để nêu luận điểm tiếp đó, tạo thành một hệ thống lô-gíc.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc đoạn văn thứ nhất của VB và cho biết: vị thế xã hội của người trình bày ý kiến, người nghe bài trình bày, lí do cần trình bày bài phát biểu trong cuộc họp. – GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 trong SGK (tr. 75). – GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi 5 trong SGK (tr. 75). – GV hỏi: Việc nêu các thông tin khách quan như vậy có tác dụng gì? – GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 6 trong SGK (tr. 75).	– HS thực hiện nhiệm vụ. – HS thực hiện nhiệm vụ. – HS trả lời câu hỏi. – HS thực hiện nhiệm vụ, trình bày, trao đổi. – HS trả lời câu hỏi.	2. Tìm hiểu các luận điểm <i>a. Tìm hiểu luận điểm 1: Một số biểu hiện cụ thể của hiện tượng biến đổi khí hậu trên thế giới và hậu quả của nó</i> – Tác giả bài phát biểu là ông An-tô-ni-ô Gu-tê-rét – Tổng Thư kí Liên hợp quốc. Ở cương vị này, tác giả có trách nhiệm rất lớn trước những vấn đề toàn cầu. – Người nghe: nguyên thủ các quốc gia, những nhà lãnh đạo các tổ chức quốc tế, toàn thể nhân dân các nước trên thế giới. – Lí do ông An-tô-ni-ô Gu-tê-rét phát biểu: Vấn đề biến đổi khí hậu đang là một “quả bom âm thanh SOS”, con người phải đối mặt với “một mối đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong”. – Tác giả cho rằng: “Chúng ta phải đối mặt với một mối đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong” là thỏa đáng. Có thể khẳng định như vậy là bởi tác giả có điều kiện tiếp xúc, lắng nghe ý kiến của các nhà khoa học, có đủ các cứ liệu được tổng hợp từ nhiều nguồn trên khắp thế giới. Những cứ liệu đó cho thấy, biến đổi khí hậu không phải là vấn đề riêng của quốc gia nào, mà là vấn đề toàn cầu. – Một số thông tin khách quan được tác giả nêu: các nhà khoa học đã cảnh báo về nguy cơ biến đổi khí hậu, nhiều nhà lãnh đạo đã từ chối lắng nghe, băng ở Bắc Cực đang tan nhanh, nạn cháy rừng kéo dài và lan nhanh, các đại dương bị nhiễm a-xít nặng nề, ngày càng nhiều người buộc phải di cư khỏi quê nhà,... – Căn cứ để nhận biết thông tin khách quan: Các thông tin nêu trên là những điều đã xảy ra trong thực tế, có thể kiểm chứng, tác giả chỉ là người nêu lên chứ không phải tự nghĩ ra. → Việc nêu các thông tin khách quan cho thấy thực trạng nguy hiểm của biến đổi khí hậu trên toàn cầu. <i>b. Tìm hiểu luận điểm 2: Cần có các giải pháp để ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu</i> – Một số giải pháp để ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu được tác giả nêu lên:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Theo tác giả, các giải pháp để ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu có khả thi không? – GV yêu cầu HS tìm các câu cho thấy tác giả nhấn mạnh trách nhiệm lớn lao của lãnh đạo các quốc gia về vấn đề biến đổi khí hậu. – GV hỏi: Tổng Thư kí Liên hợp quốc đã thúc giục lãnh đạo các quốc gia cần hành động trước vấn đề biến đổi khí hậu như thế nào? Ông đã cam kết điều gì? – GV yêu cầu HS tìm các lí lẽ nhấn mạnh sự cấp thiết phải hành động trước tình trạng biến đổi khí hậu (đoạn văn từ <i>Như những vụ cháy rừng</i> đến hết). Từ đó, cho HS nhận xét về thái độ của tác giả trước vấn đề.	– HS trả lời câu hỏi. – HS thực hiện nhiệm vụ, trình bày, trao đổi. – HS trả lời câu hỏi. – HS thực hiện nhiệm vụ, trình bày, trao đổi.	+ Thay đổi nhiên liệu hoá thạch bằng năng lượng sạch từ nước, gió và mặt trời. + Ngăn chặn nạn phá rừng, phục hồi rừng bị tàn phá. + Gắn kết kinh tế tuần hoàn với việc sử dụng hợp lí các nguồn tài nguyên. + Các quốc gia giàu có phải chịu trách nhiệm nhiều hơn về khủng hoảng khí hậu. – Theo tác giả, các giải pháp là khả thi vì “Ngọn núi phía trước chúng ta rất cao. Nhưng nó không phải là không thể vượt qua. Chúng ta biết cách để trèo qua nó”. <i>c. Tìm hiểu luận điểm 3: Trách nhiệm lớn lao của lãnh đạo các quốc gia về vấn đề biến đổi khí hậu</i> – Tác giả nhấn mạnh trách nhiệm lớn lao của lãnh đạo các quốc gia về vấn đề biến đổi khí hậu: + <i>Đã đến lúc các nhà lãnh đạo của chúng ta thể hiện rằng họ quan tâm đến những người mà họ nắm số phận trong tay.</i> + <i>Tôi kêu gọi tất cả các nhà lãnh đạo tới hội nghị thượng đỉnh [...].</i> – Tác giả thúc giục lãnh đạo các quốc gia cần hành động trước vấn đề biến đổi khí hậu: nêu tầm nhìn của mình, thiết lập các liên minh tham gia vào chiến dịch vì tác động khí hậu,... – Với tư cách cá nhân và tư cách đại diện tổ chức Liên hợp quốc, Tổng Thư kí Liên hợp quốc cam kết sẽ tham gia vào những nỗ lực hành động nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu. <i>d. Tìm hiểu luận điểm 4: Tất cả phải hành động, không thể chậm trễ</i> – Tác giả nhấn mạnh sự cấp thiết phải hành động trước vấn đề biến đổi khí hậu qua một số lí lẽ: + <i>Chúng ta đang tiến đến bên bờ vực thẳm.</i> + <i>Mỗi ngày qua đi có nghĩa là thế giới lại nóng lên một chút và cái giá chúng ta phải trả cho sự thụ động của mình lại tăng thêm.</i> + <i>Mỗi ngày chúng ta bỏ lỡ không hành động là một ngày chúng ta bước một chút gần hơn tới cái số phận mà không ai trong chúng ta mong muốn.</i>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 8 trong SGK (tr. 75).	HS trả lời câu hỏi.	Tác giả thể hiện sự lo lắng trước tình trạng biến đổi khí hậu nhưng ông vẫn tin tưởng con người sẽ hành động trước khi quá muộn (<i>Thế giới trông chờ mỗi chúng ta chấp nhận sự thách thức trước khi quá muộn. Tôi trông chờ vào tất cả các bạn.</i>). III. Tổng kết Thông điệp mà tác giả muốn truyền đi qua VB: Mọi người trên Trái Đất này, tùy vào vị thế và khả năng của mình, cần khẩn trương hành động để làm chậm quá trình biến đổi khí hậu cũng như hạn chế những thiệt hại do tình trạng đó gây ra.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

2. Nội dung hoạt động

HS vẽ sơ đồ tư duy về nội dung và hình thức của VB, thực hành viết kết nối với đọc.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV cho HS vẽ sơ đồ tư duy về hệ thống luận điểm và nghệ thuật lập luận của tác giả. - GV yêu cầu HS thực hiện bài tập <i>Viết kết nối với đọc</i> trong SGK (tr. 75).	- HS vẽ sơ đồ tư duy. - HS viết đoạn văn và trình bày đoạn văn.	- Sơ đồ tư duy về hệ thống luận điểm và nghệ thuật lập luận của tác giả. - Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu: - Nội dung: Trả lời câu hỏi: <i>Phải chăng nhân loại không còn cách gì để đối phó với tình trạng Trái Đất ngày càng nóng lên?</i> - Dung lượng: 7 – 9 câu.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện nhiệm vụ để kết nối bài học với cuộc sống.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thực hiện bài tập: Tìm hiểu về tình hình biến đổi khí hậu trên hành tinh của chúng ta. GV giao cho các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ: – Tìm hiểu thực trạng biến đổi khí hậu. – Tìm hiểu nguyên nhân của tình trạng biến đổi khí hậu. – Đề xuất giải pháp ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu.	HS thực hiện nhiệm vụ.	Các bài thuyết trình đa phương thức của HS.

V. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TIẾT 7)

LỰA CHỌN CÂU ĐƠN HOẶC CÂU GHÉP, CÁC KIỂU CÂU GHÉP

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng cho HS nội dung bài học; tạo được hứng thú; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng kiến thức nền để chơi trò chơi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS chơi trò chơi: đặt câu với các hình ảnh gợi ý (yêu cầu đặt câu đơn hoặc câu ghép).	HS thực hiện nhiệm vụ.	Các ví dụ của HS.

Hoạt động 2. Luyện tập

1. Mục tiêu

Thực hành nhận biết được các kiểu câu ghép, kết từ để nối các vế câu ghép; biết lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép trong hoạt động giao tiếp.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 (làm việc cá nhân).	– HS thực hiện bài tập 1; trình bày, góp ý cho nhau.	II. Luyện tập Bài tập 1 – Câu đơn: + <i>Chúng ta đang ở đâu?</i> + <i>Hôm nay ngày 8 – 8 – 1986, hơn 50 000 đầu đạn hạt nhân đã được bố trí trên khắp hành tinh.</i> + <i>Nguy cơ ghê gớm đó đang đè nặng lên chúng ta như thanh gươm Đa-mô-clét, về lí thuyết có thể tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh Mặt Trời, cộng thêm bốn hành tinh nữa, và phá huỷ thế thẳm bằng của Hệ Mặt Trời.</i> – Câu ghép: <i>Nói nôm na ra, điều đó có nghĩa là mỗi người, không trừ trẻ con, đang ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ: tất cả chỗ đó nổ tung lên sẽ làm biến hết thảy, không phải là một lần mà là mười hai lần, mọi dấu vết của sự sống trên Trái Đất.</i>
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 2 (làm việc theo cặp).	– HS thực hiện bài tập 2; trình bày, góp ý cho nhau.	Bài tập 2 – Câu a thuộc kiểu câu ghép đẳng lập, không dùng phương tiện nối. – Câu b là câu ghép đẳng lập, phương tiện nối là từ <i>nhưng</i>. – Câu c là câu ghép chính phụ, phương tiện nối là cặp kết từ <i>dù cho ... thì ...</i> – Câu d là câu ghép đẳng lập, phương tiện nối là từ <i>và</i>.
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 3 (làm việc theo nhóm).	– HS thực hiện bài tập 3; trình bày, góp ý cho nhau.	Bài tập 3 a. Các câu đơn và câu ghép trong đoạn văn: – Câu đơn: + <i>Có thể nói, với “Người con gái Nam Xương”, Nguyễn Dữ đã vượt khỏi những công thức thông lệ về hình tượng người phụ nữ trong thể truyền kì.</i> + <i>Phản ánh số phận Vũ Thị Thiết, Nguyễn Dữ đã đề cập tới cái bi kịch muôn thuở của con người.</i> + <i>Có lẽ vì vậy mà “Người con gái Nam Xương” vẫn còn sức hấp dẫn đối với người đọc ngày nay.</i> – Câu ghép: <i>Vũ Nương không phải là hình tượng một trang liệt nữ, nàng chỉ là một người đàn bà bình thường như bao người vợ, người mẹ trong đời thực.</i>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
		b. – Tách câu ghép thành các câu đơn: + Vũ Nương không phải là hình tượng một trang liệt nữ. + Nàng chỉ là một người đàn bà bình thường như bao người vợ, người mẹ trong đời thực. – So sánh nội dung: Ở hai câu đơn, nội dung thông báo ngắn gọn, đơn giản hơn, trong khi đó câu ghép có khả năng thu gộp tất cả các nội dung được thể hiện ở các câu đơn.

Hoạt động 3. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng kiến thức về lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép để viết đoạn văn.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thực hiện bài tập: – Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về vấn đề biến đổi khí hậu trên Trái Đất, trong đó có sử dụng câu đơn, câu ghép. – Chỉ ra sự phù hợp giữa kiểu cấu trúc câu và ý nghĩa cần biểu đạt của mỗi câu.	HS thực hiện nhiệm vụ.	Đoạn văn của HS.

VI. ĐỌC VĂN BẢN 3 (TIẾT 8)

BÀI CA CHÚC TẾT THANH NIÊN

(Phan Bội Châu)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng trải nghiệm văn học để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV cho HS quan sát các hình ảnh có liên quan đến Phan Bội Châu và yêu cầu HS cho biết các hình ảnh đó gợi cho em liên tưởng đến ai (gợi ý bổ sung: ông là nhà nho yêu nước, nhà hoạt động chính trị, nhà tư tưởng, nhà thơ). - GV mời một vài HS chia sẻ những điều em đã biết về Phan Bội Châu.	- HS trả lời câu hỏi. - HS chia sẻ.	- Đáp án: Phan Bội Châu. - Một số chia sẻ về Phan Bội Châu.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

Kết nối về chủ đề *Tiếng nói của lương tri*; củng cố kĩ năng đọc hiểu thơ.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV yêu cầu HS đọc SGK và nêu ngắn gọn thông tin về tác giả, tác phẩm. - GV yêu cầu HS đọc diễn cảm bài thơ trong SGK, lưu ý phần chú thích những từ ngữ khó. - GV cho HS trao đổi theo cặp và trả lời câu hỏi số 2 trong SGK (tr. 78).	- HS đọc SGK và trả lời câu hỏi. - HS đọc VB. - HS trả lời, nhận xét, góp ý.	I. Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm - Phan Bội Châu (1867 – 1940) quê ở Nghệ An, là một nhà cách mạng lớn – người luôn sôi tinh thần yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc. Di sản văn học của ông rất phong phú, với nhiều thể loại, nội dung chính là kêu gọi tinh thần yêu nước, giải phóng dân tộc. <i>Bài ca chúc Tết thanh niên</i> được sáng tác năm 1927 khi nước ta đang bị thực dân Pháp đô hộ, nhiều phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc lần lượt thất bại. Những năm này, tác giả đang bị thực dân Pháp bắt và giam lỏng ở Huế. II. Khám phá VB 1. Tìm hiểu mạch cảm xúc của bài thơ Bố cục bài thơ như sau: - Đoạn một (từ đầu đến <i>Tháng ngày khuây khoả lũ đầu xanh</i>): nỗi niềm của nhà cách mạng về “hai mươi năm lẻ” đã qua cũng như tình cảnh hiện tại. - Đoạn hai (từ <i>Thưa các cô, các chị, lại các anh</i> đến hết): lời nhắn nhủ thiết tha và sự kì vọng lớn lao của nhà cách mạng đối với lớp người trẻ tuổi.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi 3 trong SGK (tr. 78).	– HS trả lời, nhận xét.	→ Bố cục thể hiện mạch cảm xúc của bài thơ: Đoạn đầu thể hiện cảm xúc trầm lắng với nỗi niềm buồn tủi của cá nhân nhưng sang đoạn thứ hai, cảm xúc trở nên nồng nàn, sôi nổi, tha thiết trong lời nhắn nhủ với lớp người trẻ tuổi. 2. Phân tích tâm trạng của tác giả <i>a. Ở đoạn đầu</i> – Mở đầu bài thơ là tiếng gọi gấp gáp giục giã “Dậy! Dậy! Dậy!” với niềm mong chờ, chào mừng một mùa xuân mới cũng là hi vọng vào thế hệ trẻ đầy sức xuân. Sau đó là tâm trạng thẹn, buồn, tủi; sự chiêm nghiệm về quãng đời bao “chua” với “xót” của bản thân. Tâm trạng buồn, cô độc, tủi hổ chỉ có thể giải bày cùng đất trời, sông núi (<i>Thẹn cùng sông, buồn cùng núi, tủi cùng trăng</i>). – Đặc điểm lời thơ biểu đạt tâm trạng đó: giọng thơ chân thành, trầm lắng, sử dụng nhiều từ ngữ trực tiếp miêu tả thân phận và nỗi niềm; câu hỏi tu từ như lời độc thoại nội tâm;... <i>b. Ở đoạn cuối</i> – Tâm trạng phấn chấn, rộn ràng trong năm mới cũng là niềm vui, hi vọng vào thế hệ trẻ, vào vận hội mới của đất nước (từ <i>thưa</i> thể hiện sự trân trọng, quý mến). – Đặc điểm lời thơ biểu đạt tâm trạng đó: + Tác giả sử dụng những cụm động từ có ngữ khí mạnh: <i>mở mắt, xốc vác, đi cho êm, đứng cho vững, trụ cho gan, liên hiệp lại, xếp bút nghiên, tu dưỡng tinh thần, dựng gan óc, đánh tan sắt lửa, xối máu nóng, rửa vết nhơ</i>,... + Lời thơ mang sắc thái của lời hịch đầy tâm huyết, mạnh mẽ, phấn chấn, có sức lay động nhận thức, tình cảm của người đọc, người nghe. 3. Tìm hiểu những kì vọng của tác giả đối với thế hệ trẻ – Bài thơ thể hiện niềm tin và kì vọng lớn của tác giả đối với thế hệ trẻ – những người vốn có sức mạnh và nhiệt huyết. Nhà thơ mong mỗi thế hệ trẻ từ bỏ lối sống tầm thường, sẵn sàng ghé vai gánh vác nhiệm vụ lớn lao là đưa non sông thoát khỏi vòng nô lệ.
– GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 4 trong SGK (tr. 78).	– HS trả lời, nhận xét.	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Bài thơ có sự khác biệt như thế nào so với VB 1 và VB 2 trong việc biểu đạt chủ đề <i>Tiếng nói của lương tri</i>?	– HS trả lời, nhận xét.	– Tác giả nhấn nhủ thế hệ trẻ: Công việc “rửa vết nhơ nô lệ” cần khéo léo (<i>đi cho êm</i>), dũng cảm, kiên cường (<i>đứng cho vững, trụ cho gan</i>) và đặc biệt là tinh thần đoàn kết, đồng lòng nhất trí (liên hiệp lại). III. Tổng kết – VB <i>Bài ca chúc Tết thanh niên</i> là bài thơ thể hiện tiếng nói tha thiết với vận mệnh quốc gia, niềm tin và sự kì vọng lớn lao đối với thế hệ trẻ. VB 1, VB 2 là VB nghị luận thể hiện tiếng nói mạnh mẽ, đề cập vấn đề nóng hổi, hệ trọng, liên quan đến sự tồn vong của nhân loại.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức về bài thơ và kĩ năng đọc hiểu thơ.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời một số câu hỏi để củng cố kiến thức về VB.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS trả lời câu hỏi: Điều gì làm nên sức lay động của bài thơ <i>Bài ca chúc Tết thanh niên</i> ?	HS trả lời câu hỏi.	Bài thơ có sức lay động bởi chính cuộc đời tác giả; sự tâm huyết, niềm kì vọng vào thế hệ trẻ của một người luôn đau đáu với vận mệnh đất nước; lời thơ mang sắc thái của lời hịch, có sức cổ vũ lớn với người đọc, người nghe.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện nhiệm vụ để kết nối bài học với cuộc sống.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS trao đổi để trả lời câu hỏi 5 trong SGK (tr. 78).	HS thực hiện yêu cầu.	– Hiện nay đất nước đã hoà bình, độc lập, thống nhất, không giống bối cảnh xã hội khi Phan Bội Châu viết bài thơ. – Lời kêu gọi của nhà cách mạng Phan Bội Châu ở bài thơ này vẫn có ý nghĩa thúc giục, động viên những người trẻ tuổi tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hôm nay.

VII. VIẾT (TIẾT 9, 10, 11)

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT (TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời câu hỏi để khởi động bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV hỏi: Em hãy nêu một vấn đề cần giải quyết mà em đang quan tâm. Vì sao đó là một vấn đề cần giải quyết?	HS trả lời câu hỏi.	HS nêu được một số vấn đề cần giải quyết và lí giải.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS nhận biết được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc thầm yêu cầu trong SGK (tr. 79) và trả lời câu hỏi: Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội) phải đáp ứng được những yêu cầu gì? – GV cho HS đọc bài viết tham khảo (chú ý theo dõi các thẻ đặt bên phải VB) và trả lời các câu hỏi: + Phần Mở bài dẫn dắt đến vấn đề nghị luận như thế nào? Câu nào trực tiếp nêu vấn đề cần giải quyết? + Phần Thân bài có những luận điểm nào? Trình bày cách triển khai một luận điểm trong bài viết.	– HS trả lời câu hỏi. – HS đọc bài viết tham khảo (có thể đọc thầm). – HS trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận.	I. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội) 1. Yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết – Nêu được vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội (liên quan đến sự phát triển đất nước, đời sống của cộng đồng, quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân,...) để bàn luận. – Trình bày được bản chất, phạm vi tác động của vấn đề đối với đời sống xã hội (theo hướng tích cực hoặc tiêu cực); tổ chức được hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực và tiêu biểu. – Nêu được ý kiến trái chiều về vấn đề được bàn luận để phản bác một cách có cơ sở. – Đề xuất được các giải pháp khả thi để giải quyết những bất cập trong phạm vi vấn đề. 2. Phân tích bài viết tham khảo – Phần Mở bài: Người viết nêu các di sản văn hoá nổi tiếng của đất nước để dẫn dắt đến vấn đề nghị luận. Câu cuối phần Mở bài nêu vấn đề cần giải quyết. – Phần Thân bài có các luận điểm: sự quý giá của di sản văn hoá, thực trạng của việc bảo vệ di sản văn hoá hiện nay, đề xuất giải pháp tăng cường bảo vệ di sản văn hoá. – Mỗi luận điểm được triển khai bằng lí lẽ phù hợp, bằng chứng xác thực và tiêu biểu. Chẳng hạn với luận điểm 1, người viết đã sử dụng lí lẽ: + Di sản văn hoá đại diện cho những giá trị tinh thần, góp phần quan trọng tạo nên bản sắc của quốc gia. Lí lẽ đó được làm sáng tỏ qua các bằng chứng: đất nước Kim Tự Tháp” (Ai Cập), “đất nước Chùa Tháp” Cam-pu-chia, “đất nước của tháp Ép-phen” (Pháp);... + Di sản văn hoá đã trở thành nguồn tài nguyên quý giá cho sự phát triển ngành du lịch. Lí lẽ này được làm sáng tỏ qua các bằng chứng: nhiều người nước ngoài thích thú khi khám phá các di sản văn hoá của Việt Nam.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
+ Đọc bài viết, em rút ra được kinh nghiệm gì trong cách dùng lí lẽ, bằng chứng? + Em học được gì từ cách kết bài của bài viết tham khảo?		+ Những di sản độc đáo, có giá trị cao không chỉ là báu vật của quốc gia, mà còn trở thành vốn quý của cả nhân loại khi được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới. → Kinh nghiệm: Cần triển khai hệ thống luận điểm bằng những lí lẽ sắc bén, bằng chứng cụ thể, xác thực và tiêu biểu. – Cách kết bài: Khái quát lại vấn đề nghị luận và đề xuất phương hướng hành động.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, chỉnh sửa được bài viết.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện phiếu học tập, trả lời câu hỏi để viết bài theo các bước.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 4 (đã thực hiện ở nhà) và trình bày nội dung thu thập tư liệu. – GV cho HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 4 và trình bày. – GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý trong SGK hoặc lập dàn ý bằng sơ đồ tư duy. – GV yêu cầu HS trao đổi dàn ý theo nhóm và mời một số HS trình bày dàn ý.	– HS trao đổi cặp đôi và trình bày, nhận xét, góp ý. – HS thực hiện nhiệm vụ tìm ý. – HS thực hiện nhiệm vụ. – HS trình bày dàn ý trước lớp.	II. Thực hành viết 1. Trước khi viết <i>a. Đề bài:</i> Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em về vấn đề giữ gìn nguồn nước cho hôm nay và mai sau. <i>b. Tìm ý</i> <i>c. Lập dàn ý</i> Tham khảo ví dụ: – Mở bài: Giới thiệu vấn đề (cần giữ gìn nguồn nước cho hôm nay và mai sau). – Thân bài: + Sự quan trọng của nguồn nước đối với con người và hệ sinh thái: nước là nguồn dinh dưỡng để mọi sinh vật duy trì sự sống, là môi trường sống cho các loài sinh vật, tạo nên hệ sinh thái tự nhiên, phát triển các ngành nghề sản xuất,...

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS viết Mở bài và triển khai một luận điểm của phần Thân bài trên lớp. – GV yêu cầu HS hoàn thiện bài làm ở nhà, tự đánh giá bài viết của mình bằng bảng kiểm (phiếu học tập số 5) và hướng dẫn chỉnh sửa trong SGK (tr. 83).	– HS viết phần nội dung được yêu cầu. – HS tự đánh giá, chỉnh sửa bài viết của mình.	+ Thực trạng nguồn nước sạch hiện nay đang đối mặt với nhiều thách thức: khan hiếm nước sạch, ô nhiễm nguồn nước, xâm nhập mặn,... + Phản bác ý kiến trái chiều: nguồn nước trong tự nhiên là vô tận nên không cần tiết kiệm. + Giải pháp để giữ gìn nguồn nước cho hôm nay và mai sau: tiết kiệm nước, bảo vệ nguồn nước tự nhiên,... – Kết bài: Khẳng định tầm quan trọng của vấn đề giữ gìn nguồn nước cho hôm nay và mai sau. 2. Viết bài 3. Chỉnh sửa

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng được quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội) vào việc tạo lập VB, tiếp tục chỉnh sửa để công bố bài viết.

2. Nội dung hoạt động

HS tiếp tục chỉnh sửa bài viết đã có để công bố bài viết hoặc viết một bài viết mới.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ (thực hiện ở nhà): – Tiếp tục chỉnh sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố. – Chọn một đề tài khác để viết bài văn và công bố.	HS tiếp tục chỉnh sửa, công bố bài viết hoặc viết một đề tài khác.	Bài viết được chỉnh sửa, công bố hoặc một bài viết mới.

VIII. NÓI VÀ NGHE (TIẾT 12)

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT SỰ VIỆC CÓ TÍNH THỜI SỰ (TRONG ĐỜI SỐNG CỦA CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC, NHÂN LOẠI)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời câu hỏi để khởi động bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS nêu một sự việc có tính thời sự (trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại) mà em quan tâm.	HS trả lời câu hỏi.	Một vài sự việc có tính thời sự (trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại).

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS nhận biết được yêu cầu của bài nói trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và theo nhóm để tìm hiểu yêu cầu.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi: Theo em, các tiêu chí để đánh giá bài nói trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại là gì?	HS trao đổi, trả lời câu hỏi, thảo luận.	I. Một số lưu ý khi trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự – Về nội dung: + Giới thiệu và nêu tóm tắt được sự việc cần trình bày. + Trình bày ý kiến về sự việc (đồng tình hay phản đối). + Nêu được ảnh hưởng của sự việc đối với cuộc sống con người và sự phát triển của xã hội. + Nêu giải pháp để giải quyết sự việc. + Nêu bài học rút ra từ sự việc. + Trả lời được các câu hỏi và ý kiến phản biện.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV và HS xây dựng bảng kiểm đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.		– Về cách trình bày: + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...) phù hợp.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại); lắng nghe, tóm tắt được nội dung trình bày của người nói.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện phiếu học tập, trình bày bài nói.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS xem lại phiếu ghi chú cho bài nói (phiếu học tập số 6, đã chuẩn bị ở nhà), đánh dấu ý quan trọng, các từ khoá. – GV yêu cầu HS tập luyện theo nhóm, sử dụng bảng kiểm đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (phiếu học tập số 7) để góp ý cho bạn. – GV mời một vài HS trình bày bài nói trước lớp. – GV lưu ý HS trong vai người nghe: lắng nghe phần trình bày của bạn và đánh giá vào bảng kiểm, ghi chú những điều muốn trao đổi về bài trình bày.	– HS xem lại, đánh dấu phiếu ghi chú bài nói. – HS tập luyện theo cặp. – HS trình bày bài nói trước lớp; HS khác lắng nghe, trao đổi với người nói.	II. Thực hành nói 1. Trước khi nói 2. Trình bày bài nói và trao đổi sau khi nói

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ nói và nghe trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Nội dung hoạt động

HS tự đánh giá, tiếp tục chỉnh sửa để công bố bài nói hoặc trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự khác.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ (thực hiện ở nhà): – Nhờ người thân ghi hình lại bài trình bày. Dựa vào bảng kiểm, tự đánh giá bài nói, trình bày lại đến khi tạm hài lòng với sản phẩm và công bố bài nói. – Chọn một sự việc có tính thời sự khác để trình bày ý kiến.	HS tiếp tục chỉnh sửa, công bố bài nói hoặc trình bày bài nói khác.	Bài nói được chỉnh sửa, công bố (trên nhóm lớp, trang web của trường, mạng xã hội,...) hoặc một bài trình bày mới.

IX. Củng cố, mở rộng

1. Mục tiêu

HS củng cố, mở rộng những kiến thức, kỹ năng đã học trong bài.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1, 2, 3, 4 và kiểm tra vào buổi học sau.	HS thực hiện bài tập.	Các bài tập đã thực hiện.

X. THỰC HÀNH ĐỌC

CHUẨN BỊ HÀNH TRANG

(Vũ Khoan)

1. Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kỹ năng đọc hiểu VB nghị luận để tự đọc hiểu VB *Chuẩn bị hành trang*.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hành đọc ở nhà, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong buổi học tiếp theo.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ tự đọc VB ở nhà theo những lưu ý trong SGK. Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ (làm vào trong vở).	Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.	Nêu được luận đề của VB, các luận điểm được triển khai từ luận đề, cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ từng luận điểm, thái độ của người viết đối với vấn đề được bàn luận, thông điệp rút ra được từ VB.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Điền thông tin vào bảng sau để tìm hiểu khái quát về văn bản *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*:

1. Luận đề của văn bản là:

.....

.....

.....

2. Luận điểm 1 (từ *Chúng ta đang ở đâu* đến *đối với vận mệnh thế giới*):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Luận điểm 2 (từ *Niềm an ủi duy nhất trước tất cả những suy diễn đến xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới*):

.....

.....

.....

.....

.....

4. Luận điểm 3 (từ *Một nhà tiểu thuyết lớn của thời đại chúng ta đến hết*):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm:

.....

.....

6. Nêu ấn tượng ban đầu của em về văn bản:

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Điền thông tin vào bảng sau để tìm hiểu phần 2 của văn bản *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* (làm việc theo nhóm):

Niềm an ủi duy nhất trước tất cả những suy diễn kinh khủng đó là nhận thức được rằng việc bảo tồn sự sống trên Trái Đất ít tốn kém hơn là “dịch hạch” hạt nhân. Chỉ do sự tồn tại của nó không thôi, cái cảnh tận thế tiềm tàng trong các bộ phóng cái chết cũng đã làm tất cả chúng ta mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn.

Năm 1981, UNICEF đã định ra một chương trình để giải quyết những vấn đề cấp bách cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất trên thế giới. Chương trình này dự kiến cứu trợ về y tế, giáo dục sơ cấp, cải thiện điều kiện vệ sinh, và tiếp tế thực phẩm, nước uống. Nhưng tất cả đã tỏ ra là một giấc mơ không thể thực hiện được, vì tốn kém 100 tỉ đô la. Tuy nhiên số tiền này cũng chỉ gần bằng những chi phí bỏ ra cho 100 máy bay ném bom chiến lược B.1B của Mỹ và cho dưới 7 000 tên lửa vượt đại châu.

Và đây là một ví dụ khác trong lĩnh vực y tế: Giá của 10 chiếc tàu sân bay mang vũ khí hạt nhân kiểu tàu Ni-mít, trong số 15 chiếc mà Hoa Kỳ dự định đóng từ nay đến năm 2000, cũng đủ để thực hiện một chương trình phòng bệnh trong cũng 14 năm đó và sẽ bảo vệ cho hơn 1 tỉ người khỏi bệnh sốt rét và cứu hơn 14 triệu trẻ em, riêng cho châu Phi mà thôi.

Một ví dụ trong lĩnh vực tiếp tế thực phẩm: Theo tính toán của FAO, năm 1985, người ta thấy trên thế giới có gần 575 triệu người thiếu dinh dưỡng. Số lượng ca-lo trung bình cần thiết cho những người đó chỉ tốn kém không bằng 149 tên lửa MX... Chỉ cần 27 tên lửa MX là đủ trả tiền nông cụ cần thiết cho các nước nghèo để họ có được thực phẩm trong bốn năm tới.

Một ví dụ trong lĩnh vực giáo dục: Chỉ hai chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân là đủ tiền xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới.

1. Đánh dấu vào câu văn thể hiện ý kiến của người viết.

2. Có bao nhiêu bằng chứng được đưa ra? Đó là các bằng chứng trên những lĩnh vực nào?

.....

.....

.....

3. Việc lựa chọn bằng chứng ở các lĩnh vực đó có tác dụng gì?

.....

.....

.....

4. Gạch một gạch dưới các bằng chứng được sử dụng. Nhận xét về cách đưa bằng chứng của tác giả (tác dụng của việc sử dụng các số liệu và những ví dụ so sánh):

.....

.....

.....

.....

5. Gạch hai gạch dưới lí lẽ.

6. Nhận xét về sự kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng trong đoạn trích:

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Điền thông tin vào bảng sau để tìm hiểu khái quát về văn bản *Biến đổi khí hậu – mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta*:

1. Luận đề của văn bản là:

.....

.....

.....

2. Luận điểm 1 (từ đầu đến đang dần teo tóp lại):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Luận điểm 2 (từ Ngọn núi phía trước đến các khí phát thải đó gây ra):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Luận điểm 3 (từ Đã đến lúc đến để lãng phí nữa):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Luận điểm 4 (phần còn lại):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Mối quan hệ giữa các luận điểm:

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Thu thập thông tin cho bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội):

*** Đề tài:** Giữ gìn nguồn nước cho hôm nay và mai sau.

1. Thực hiện ở nhà: Em hãy tìm thông tin về việc giữ gìn nguồn nước cho hôm nay và mai sau từ sách báo hoặc các phương tiện nghe nhìn để hoàn thành bảng sau:

1. Nguồn nước quan trọng như thế nào đối với sự tồn tại của con người và hệ sinh thái?	
2. Thực trạng nguồn nước sạch hiện nay như thế nào?	
3. Con người cần làm gì để giữ gìn nguồn nước cho hôm nay và mai sau?	

*** Trả lời miệng:** Em sẽ sử dụng những thông tin mình thu thập được vào bài viết như thế nào?

2. Thực hiện trên lớp: Ghi ngắn gọn câu trả lời của em vào bảng sau để tìm ý cho bài viết:

Vấn đề cần được giải quyết là gì?	
Ý kiến của em về vấn đề như thế nào?	* Luận điểm: – Lí lẽ: – Bằng chứng: * Luận điểm: – Lí lẽ: – Bằng chứng:
Có ý kiến trái chiều nào cần phản bác?	
Cần có giải pháp nào để giải quyết vấn đề?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

**Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết
(trong đời sống xã hội)**

Tiêu chí		Yêu cầu	Đạt	Không đạt
Nội dung	Mở bài	Giới thiệu được vấn đề cần giải quyết		
		Nêu được tầm quan trọng của vấn đề		
	Thân bài	Giải thích được vấn đề		
		Nêu được nguyên nhân của vấn đề		
		Trình bày được một số luận điểm phân tích các khía cạnh của vấn đề; mỗi luận điểm được làm sáng tỏ bằng lí lẽ, bằng chứng		
		Nêu được quan điểm trái chiều và phản bác		
		Đề xuất được giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề		
	Kết bài	Khẳng định được tầm quan trọng của việc nhận thức đúng và giải quyết tốt vấn đề		
Diễn đạt		Bài viết không hoặc ít mắc lỗi chính tả và diễn đạt		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Phiếu ghi chú

* **Nhiệm vụ:** Hoàn thành phiếu ghi chú để chuẩn bị nội dung nói theo gợi dẫn:

1. Sự việc có tính chất thời sự:

.....

2. Bản chất của sự việc:

.....

.....

3. Ảnh hưởng của sự việc đối với cuộc sống của con người và sự phát triển của xã hội:

.....

.....

.....

4. Ý kiến trái chiều về sự việc:

.....

.....

5. Tranh luận, bác bỏ ý kiến trái chiều:

.....

.....

.....

6. Những giải pháp để giải quyết sự việc:

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

**Bảng kiểm đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự
(trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại)**

Tiêu chí		Yêu cầu	Đạt	Không đạt
Nội dung	Mở bài	Có chào hỏi người nghe		
		Giới thiệu và nêu tóm tắt sự việc cần trình bày		
		Trình bày được ý kiến khái quát về sự việc		
	Thân bài	Nêu được bản chất của sự việc		
		Phân tích được ảnh hưởng của sự việc đối với cuộc sống của con người và sự phát triển của xã hội		
		Nêu được giải pháp để giải quyết sự việc		
		Nêu được ý kiến trái chiều về sự việc cần tranh luận, bác bỏ		
		Nêu được bài học rút ra từ sự việc		
	Kết bài	Có kết thúc phù hợp		
		Có cảm ơn người nghe		
Cách trình bày		Nói to, rõ ràng, truyền cảm		
		Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...) phù hợp		

BÀI 9. ĐI VÀ SUY NGẪM

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU

Bài học góp phần phát triển các năng lực và phẩm chất sau cho HS:

I. VỀ NĂNG LỰC

1. *Năng lực đặc thù* (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, tác dụng của cách trình bày thông tin trong VB (trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...).
- Phân tích được thông tin cơ bản của VB; biết giải thích ý nghĩa của nhan đề và đánh giá vai trò của các chi tiết quan trọng trong VB.
- Nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ dùng để biểu đạt thông tin trong VB.
- Hiểu được các hình thức làm biến đổi, mở rộng cấu trúc câu và ý nghĩa của chúng để vận dụng vào hoạt động tạo lập VB.
- Viết được bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa.
- Thuyết minh được (dưới hình thức nói) về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa.

2. *Năng lực chung* (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau; hình thành được ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho.

II. VỀ PHẨM CHẤT

Tự hào về vẻ đẹp muôn màu của đất nước và truyền thống lịch sử anh hùng của dân tộc; có ý thức gìn giữ những di sản quý báu do ông cha để lại và bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

Nội dung dạy học	Phương pháp, phương tiện	Chuẩn bị của HS
Độc hiểu VB 1: <i>Yên Tử, núi thiêng</i> (3 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	– Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 90). – Thực hiện phiếu học tập số 1, 2.
Thực hành tiếng Việt Biến đổi cấu trúc câu (1 tiết)	– Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 91); đọc khung <i>Nhận biết một số hình thức biến đổi cấu trúc câu</i> trong SGK (tr. 95 – 96) và vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung kiến thức.
Độc hiểu VB 2: <i>Văn hoá hoa – cây cảnh</i> (2 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	– Thực hiện phiếu học tập số 7.
Thực hành tiếng Việt Mở rộng cấu trúc câu (1 tiết)	– Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 91); đọc khung <i>Nhận biết một số hình thức mở rộng cấu trúc câu</i> trong SGK (tr. 100 – 101) và vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung kiến thức.
Độc hiểu VB 3: <i>Tình sông núi</i> (1 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	Trả lời các câu hỏi sau khi đọc trong SGK (tr. 103 – 104).
Viết Viết bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử (3 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, bảng kiểm.	Chuẩn bị ý tưởng cho bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.
Nói và nghe Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử (1 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, bảng kiểm.	Chuẩn bị nội dung nói: thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ BÀI HỌC

1. Mục tiêu

HS nhận biết được chủ đề và loại VB chính được học trong bài.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, trả lời câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> , nêu chủ đề của bài và loại VB chính được học trong bài.	HS nêu chủ đề của bài học và loại VB chính được học trong bài.	– Chủ đề bài học <i>Đi và suy ngẫm</i>: Khám phá đất nước Việt Nam là hành trình đi qua từng cảnh quan tuyệt đẹp và những câu chuyện lịch sử hào hùng của nhân dân. Chúng ta không chỉ đi để ngắm nhìn mà còn để học hỏi, suy ngẫm và làm giàu đời sống tinh thần. Mỗi chuyến đi là dịp để tích lũy vốn sống và mở rộng tầm nhìn với một tinh thần lạc quan và sẵn sàng học hỏi. – Loại VB đọc chính: VB thông tin.

II. ĐỌC VĂN BẢN 1 (TIẾT 1, 2, 3)

YÊN TỬ, NÚI THIÊNG

(Thi Sảnh)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng kiến thức về lịch sử để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV tổ chức trò chơi "Siêu trí tuệ": GV chia HS trong lớp thành hai đội. – GV viết trên bảng 30 số từ 0 đến 30 ở các vị trí ngẫu nhiên. Sau đó GV đọc ngẫu nhiên một số. Các đội thi giành quyền trả lời các câu hỏi bằng cách tìm và chạm tay vào số trước. – Các câu hỏi cụ thể như sau: Câu 1: Nhà hát Lớn Hà Nội là công trình kiến trúc được xây dựng vào thời kì nào? Câu 2: Chùa Một Cột ở Hà Nội được xây dựng dưới triều đại nào? Câu 3: Ở Huế có lăng mộ của vị vua nào được biết đến với kiến trúc độc đáo? Câu 4: Đại nội Huế được xây dựng dưới triều đại vua nào? Câu 5: Thành cổ Sơn Tây được xây dựng dưới thời vua nào của triều Nguyễn? Câu 6: Cầu Thê Húc nối liền hai địa điểm nào ở Hà Nội? Câu 7: Đền Hùng, nơi thờ phụng các Vua Hùng, tọa lạc ở tỉnh nào của Việt Nam? Câu 8: Di tích lịch sử nào ở Huế được UNESCO công nhận là di sản thế giới? Đội nào có nhiều câu trả lời đúng hơn là đội giành chiến thắng.	– HS xem các video về một số nhân vật lịch sử hoặc cảnh quan, di tích lịch sử mà GV trình chiếu. – HS tham gia trả lời câu hỏi dưới sự điều phối của GV.	Câu trả lời của HS đối với các kiến thức về một số nhân vật lịch sử hoặc cảnh quan, di tích lịch sử. Câu 1: Thời kì Pháp thuộc. Câu 2: Thời vua Lý Thái Tông. Câu 3: Lăng vua Tự Đức. Câu 4: Thời vua Gia Long, triều Nguyễn. Câu 5: Thời vua Minh Mạng, triều Nguyễn. Câu 6: Cầu Thê Húc nối liền bờ Hồ Hoàn Kiếm với hòn đảo nhỏ, nơi có đền Ngọc Sơn. Câu 7: Phú Thọ. Câu 8: Cố đô Huế.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

– HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của loại VB giới thiệu danh lam thắng cảnh có kết hợp với việc giới thiệu di tích lịch sử.

– HS nhận biết và phân tích được cách triển khai đặc thù của loại VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 1 (đã thực hiện ở nhà) để tìm hiểu tri thức ngữ văn. – GV yêu cầu HS phát biểu đặc điểm của VB giới thiệu một di tích lịch sử. – GV yêu cầu HS trình bày ngắn gọn về cách trình bày thông tin trong VB thông tin (HS đã chuẩn bị ở nhà, nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 1). – GV yêu cầu HS đọc thông tin về tác giả trong SGK (tr. 91) và tóm tắt lại những thông tin chính.	– HS trao đổi cặp đôi và trình bày kết quả thảo luận. – HS trả lời. – HS trình bày về cách trình bày thông tin trong VB thông tin giới thiệu về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử. – HS trả lời.	I. Tìm hiểu chung 1. Khám phá tri thức ngữ văn – VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh: (1) <i>cảnh quan</i>; (2) <i>thiên nhiên</i>; (3) <i>công trình</i>; (4) <i>tín ngưỡng</i>; (5) <i>không gian</i>; (6) <i>cấu trúc</i>; (7) <i>ý nghĩa</i>; (8) <i>phương tiện</i> – VB giới thiệu một di tích lịch sử: VB giới thiệu một di tích lịch sử thuộc loại VB thuyết minh. Nội dung của nó nói về những địa điểm, công trình (bao gồm cả di vật, cổ vật tồn tại trong đó) còn ghi dấu các sự kiện đáng nhớ của lịch sử đất nước, dân tộc, nhân loại. – Cách trình bày thông tin trong VB thông tin: + Tùy vào mục đích và nội dung thông tin mà người viết sẽ chọn cách triển khai VB phù hợp. + Kiểu VB giới thiệu về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử thường được triển khai theo cách riêng: đi từ cái nhìn tổng quan đến miêu tả cụ thể các bộ phận hợp thành của đối tượng; trình bày xen kẽ tình trạng thực tế và lịch sử hình thành của đối tượng; chú ý đặt đối tượng giới thiệu vào đúng loại của nó để thực hiện những so sánh, đánh giá cần thiết. 2. Tác giả Thi Sánh Thi Sánh (1941 – 2020) quê ở Quảng Trị, là nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu lịch sử – văn hoá, đã viết nhiều tác phẩm, công trình về lịch sử, thắng cảnh, di tích của vùng đất mở Quảng Ninh.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Em định hướng sẽ thực hiện những hoạt động nào để đọc hiểu VB <i>Yên Tử, núi thiêng</i>? – GV tổ chức cho HS đọc VB: Gọi một số HS đọc, GV nhận xét, đọc mẫu lại một lần và yêu cầu HS phát biểu cảm nhận chung về VB. – GV tổ chức cho HS chia sẻ kết quả thực hiện phiếu học tập số 2 (đã thực hiện ở nhà). – GV nhận xét và chốt lại một số kiến thức.	– HS trình bày những định hướng khi đọc VB thông tin. – HS đọc VB. – HS chia sẻ cảm nhận chung về VB. – HS trình bày kết quả thực hiện phiếu học tập số 2 (đã làm ở nhà).	3. Định hướng cách đọc hiểu VB thông tin Khi đọc hiểu VB thông tin, cần chỉ ra sự phù hợp của đề tài, nội dung và nhan đề của VB; xác định bố cục của VB; cách trình bày và mạch lạc của VB; phân tích và đánh giá vai trò của các thông tin, dữ liệu được đưa vào VB và tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của chúng; phân tích hiệu quả của các phương tiện phi ngôn ngữ (nếu có) trong VB; nêu và đánh giá thái độ và quan điểm của người viết đối với thông tin được trình bày trong VB. II. Khám phá VB 1. Đọc và tìm hiểu khái quát về VB – HS đọc to, rõ ràng, diễn cảm. – Những cảm nhận ban đầu của HS về VB. a. <i>Đề tài</i>: danh lam thắng cảnh. b. <i>Chủ đề</i>: Giới thiệu cảnh quan của Yên Tử – một ngọn núi thiêng ở Việt Nam. c. <i>Bố cục</i>: VB có thể chia thành 4 phần chính sau: + Phần 1 (từ đầu đến <i>thêm quyến rũ du khách bốn phương</i>): Giới thiệu khái quát về Yên Tử. + Phần 2 (từ <i>Yên Tử ngày nay thuộc thành phố Uông Bí</i> đến <i>đến nơi mà mình mơ ước</i>): Miêu tả một hành trình có thể lựa chọn để đến với danh sơn Yên Tử. + Phần 3 (từ <i>Tên xa xưa của Yên Tử là Núi Voi</i> đến <i>chính là Phù Vân quốc sư?</i>): Thuyết minh cụ thể về Yên Tử cùng các sự kiện, di tích có liên quan. + Phần 4 (đoạn còn lại): Khẳng định những yếu tố cốt lõi làm nên núi thiêng Yên Tử. d. <i>Các phương tiện giao tiếp trong VB</i> – Ngôn ngữ – Phi ngôn ngữ: sơ đồ (sơ đồ khu di tích Yên Tử).

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS làm việc nhóm (kỹ thuật mảnh ghép), thực hiện phiếu học tập số 3, 4 để tìm hiểu về hệ thống thông tin trong VB, phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng và thái độ, quan điểm của người viết đối với thông tin được trình bày trong VB. – GV yêu cầu HS làm việc cá nhân nhiệm vụ 1, 2, 3, sau đó trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ 4.	– HS thực hiện phiếu học tập số 3, 4 theo hướng dẫn của GV. – HS trình bày các nhiệm vụ trong phiếu học tập số 3, 4.	2. Hệ thống thông tin trong VB <i>a. Các thông tin và vai trò của thông tin trong VB</i> – Giới thiệu khái quát về Yên Tử: + Yên Tử là một ngọn núi cao 1 068 mét, nổi tiếng với cảnh quan hùng vĩ, tươi đẹp và được nhìn nhận là “núi thiêng”. Yên Tử đã được các triều đại phong kiến coi là một trong những “danh sơn” của Việt Nam. + Sau khi Thiền phái Trúc Lâm ra đời, hệ thống chùa tháp uy nghiêm đã được xây dựng, làm tăng thêm sự huyền rử của Yên Tử. + Vai trò của thông tin này trong VB: Thiết lập cơ sở cho người đọc hiểu về ý nghĩa quan trọng của Yên Tử không chỉ về mặt địa lí, cảnh quan mà còn về mặt văn hoá, tâm linh. Nó cung cấp bối cảnh lịch sử và tôn giáo cần thiết để hiểu về các phần sau của VB. – Miêu tả hành trình đến Yên Tử: + VB miêu tả lộ trình chi tiết từ thành phố Uông Bí đến Yên Tử, bao gồm khoảng cách, địa điểm nghỉ ngơi và cảnh quan dọc theo hành trình. + Vai trò của thông tin này trong VB: Phần này cung cấp một cái nhìn thực tế về việc di chuyển đến Yên Tử, giúp người đọc hình dung rõ ràng hơn về trải nghiệm thực tế khi tham quan Yên Tử. – Thông tin thuyết minh cụ thể về Yên Tử cùng các sự kiện, di tích có liên quan: + Thông tin về lịch sử Yên Tử, các nhân vật lịch sử và tôn giáo quan trọng đã ảnh hưởng đến nơi này cũng như các di tích và công trình kiến trúc. + Vai trò của thông tin này trong VB: Cung cấp chi tiết về giá trị lịch sử và tâm linh của Yên Tử, qua đó làm nổi bật vai trò của Yên Tử trong văn hoá và tôn giáo Việt Nam. Đồng thời những miêu tả này cũng thúc đẩy người đọc tìm hiểu sâu hơn về ý nghĩa và tầm quan trọng của các di tích được nhắc đến.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV nhận xét, chốt lại những kiến thức quan trọng về hệ thống thông tin trong VB, phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng và thái độ, quan điểm của người viết đối với thông tin được trình bày trong VB.	– HS lắng nghe, ghi chép.	– Khẳng định những yếu tố cốt lõi làm nên núi thiêng Yên Tử: + Khám phá các yếu tố tâm linh, văn hoá và thiên nhiên kết hợp làm nên giá trị đặc biệt của Yên Tử, cũng như vai trò của nó trong Phật giáo Trúc Lâm. + Vai trò của thông tin này trong VB: Tổng kết và nhấn mạnh tầm quan trọng của Yên Tử không chỉ như một điểm du lịch mà còn là một trung tâm văn hoá, tâm linh quan trọng. <i>b. Trật tự trình bày thông tin trong VB</i> – Theo trình tự thời gian: + Hành trình cụ thể từ thành phố Uông Bí đến Yên Tử, đi sâu vào các địa điểm cụ thể dọc theo lộ trình và các chi tiết về cảnh quan tự nhiên. Cách trình bày này giúp người đọc có thể hình dung được hành trình thực tế từ thành phố Uông Bí đến Yên Tử. + Trong phần thuyết minh cụ thể về Yên Tử và các di tích, tác giả cung cấp thông tin mang tính lịch sử theo trình tự thời gian như sự hình thành và phát triển của Phật giáo và các nhân vật lịch sử có ảnh hưởng đến Yên Tử. – Trình tự từ khái quát đến cụ thể: từ cái nhìn khái quát về Yên Tử, tác giả nêu bật vị trí, vẻ đẹp và sự quan trọng của nó trong lịch sử và văn hoá Việt Nam. 3. Phương tiện phi ngôn ngữ trong VB <i>a. Miêu tả:</i> VB sử dụng sơ đồ khu di tích Yên Tử ở cuối bài viết. Sơ đồ có các dòng kẻ nối liền các địa điểm, gợi ý về một lộ trình từ điểm xuất phát đến điểm kết thúc. Các địa điểm có thể bao gồm các ngôi chùa, tháp và các địa điểm tham quan khác. Bên cạnh mỗi địa điểm có các chú thích và tên gọi. <i>b. Tác dụng</i> – Cung cấp một phương tiện trực quan để hỗ trợ thông tin về vị trí các địa điểm trong di tích được miêu tả trong VB. Điều này giúp người đọc dễ dàng hình dung lộ trình và vị trí tương đối của các địa điểm trong khu di tích.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS tổng kết về nội dung VB và cách trình bày thông tin trong VB bằng hình thức sơ đồ tư duy. – GV yêu cầu một số HS đại diện trình bày và nhận xét, phản hồi.	– HS tổng kết bài học bằng hình thức sơ đồ tư duy.	– Giúp người đọc dễ dàng nắm bắt và ghi nhớ thông tin về vị trí của các điểm trong khu di tích. 4. Thái độ và quan điểm của người viết đối với thông tin được trình bày trong VB – Tác giả thể hiện thái độ yêu mến, trân trọng và tự hào đối với Yên Tử. – Biểu hiện: + Sử dụng ngôn ngữ gần gũi, sinh động, giàu màu sắc ngợi ca: Tác giả đề cập đến Yên Tử không chỉ là một danh thắng tự nhiên mà còn là nơi hội tụ của tín ngưỡng Phật giáo, đặc biệt là Thiền phái Trúc Lâm (“núi thiêng”, “mọc lên chi chít”, “quyến rũ du khách bốn phương”...). + Việc miêu tả chi tiết cảnh sắc thiên nhiên và hành trình đến Yên Tử qua từng suối, thác, ngọn núi, và cả đời sống văn hoá của những người hành hương cho thấy sự trân trọng đối với vẻ đẹp và ý nghĩa của nơi này. + Tác giả giới thiệu về hành trình đến Yên Tử như sự mời gọi độc giả tham gia vào chuyến hành trình, cảm nhận và khám phá vẻ đẹp cũng như ý nghĩa của nó. III. Tổng kết – Nội dung: VB đề cập đến Yên Tử – ngọn núi thiêng có tầm quan trọng đặc biệt trong lịch sử, văn hoá và tâm linh của người Việt Nam. VB không chỉ đơn thuần miêu tả một địa điểm du lịch mà còn khám phá các yếu tố lịch sử và văn hoá, tâm linh, gắn liền với núi Yên Tử, đặc biệt là vai trò của nó trong sự phát triển của Thiền phái Trúc Lâm và như là một điểm hành hương thiêng liêng cho người dân. – Hình thức VB: ngôn ngữ phong phú, sinh động; cách thức tổ chức thông tin phù hợp; kết hợp sử dụng ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ;...

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức về VB *Yên Tử, núi thiêng*, kỹ năng đọc VB thông tin.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện nhiệm vụ để củng cố kiến thức về đọc hiểu VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử; thực hành viết kết nối với đọc.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS nêu cách đọc hiểu VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử. – GV yêu cầu HS thực hiện bài tập <i>Viết kết nối với đọc</i> trong SGK, tr. 95. GV có thể gợi ý bằng các câu hỏi: Trước khi đọc VB, em đã biết gì về Yên Tử? Đây là thông tin mới mẻ mà VB đưa đến cho em? Với sự “dẫn đường” của tác giả VB, em đã sẵn sàng đến với Yên Tử chưa? Qua đọc VB, em suy nghĩ như thế nào về bản chất của những chuyến đi trải nghiệm?	– HS nêu cách đọc hiểu VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử. – HS viết và trình bày đoạn văn (có thể hoàn thành tại lớp hoặc ở nhà).	– Cách đọc hiểu VB thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử: xác định danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử được đề cập, bố cục của VB; phân tích và đánh giá vai trò của các thông tin về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử; nêu và đánh giá thái độ, quan điểm của người viết đối với danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử. – Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu về nội dung và hình thức.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS làm việc nhóm, đóng vai du khách và hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu về Yên Tử.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS làm việc nhóm để thực hiện phiếu học tập số 5 theo hai bước sau: – Bước 1: Sau khi đọc VB <i>Yên Tử, núi thiêng</i> của Thi Sách, nhóm em chọn một địa điểm hoặc một đặc điểm mà nhóm thấy ấn tượng nhất thể hiện trong VB. Một bạn đóng vai du khách đã trải nghiệm và một bạn đóng vai hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu và thuyết phục các bạn khác trong lớp chọn đến thăm, cảm nhận hoặc thưởng thức điều ấn tượng này ở Yên Tử. – Bước 2: Thực hiện giới thiệu trước lớp.	HS làm việc nhóm và thực hiện nhiệm vụ giới thiệu về Yên Tử theo yêu cầu.	Kết quả hoạt động nhóm của HS và bài giới thiệu về Yên Tử trước lớp.

III. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TIẾT 4)

BIẾN ĐỔI CẤU TRÚC CÂU

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng cho HS nội dung bài học; tạo được hứng thú; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng kiến thức nền để chơi trò chơi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV tổ chức trò chơi "Truy tìm từ khoá": – GV phổ biến luật chơi: + HS được chia thành bốn nhóm. + Trên màn chiếu xuất hiện một bức tranh có chứa các chữ cái được ẩn giấu (phụ lục). HS tìm các chữ được ẩn giấu trong tranh và sắp xếp để được một cụm từ khoá.	– HS làm việc nhóm, tham gia trò chơi theo hướng dẫn của GV.	– HS tìm được các chữ cái ẩn giấu trong bức tranh: T, R, 3 chữ C, 3 chữ U, 2 chữ Â. – Cụm từ khoá: CẤU TRÚC CÂU.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
(Gợi ý: cụm từ khoá chỉ một khái niệm trong tiếng Việt.) + Nhóm HS nào tìm được cụm từ khoá trước sẽ giành chiến thắng. – Nếu hết thời gian quy định nhưng không nhóm HS nào có câu trả lời, GV hướng dẫn HS tìm cụm từ khoá từ những chữ cái đã tìm được.		– GV dẫn vào bài học.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS nhận biết được các hình thức, mục đích, ý nghĩa của việc làm biến đổi cấu trúc câu khi tạo lập VB.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để thực hành biến đổi cấu trúc câu.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc kĩ phần lí thuyết về việc biến đổi cấu trúc câu, nhận diện một số cách biến đổi cấu trúc câu thường gặp. – GV yêu cầu HS thực hiện phiếu học tập số 6.	– HS đọc kĩ phần lí thuyết và thực hiện phiếu học tập số 6 theo cặp đôi.	I. Một số hình thức biến đổi cấu trúc câu Việc biến đổi cấu trúc câu thường được thực hiện theo những hình thức sau: – Thay đổi trật tự của các từ ngữ trong câu. – Chuyển cụm chủ ngữ – vị ngữ thành cụm danh từ. – Chuyển câu chủ động (có chủ ngữ thể hiện chủ thể của hoạt động) thành câu bị động (có chủ ngữ thể hiện đối tượng của hoạt động) hoặc ngược lại.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức về biến đổi cấu trúc câu, biết biến đổi cấu trúc câu trong hoạt động tạo lập VB.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS làm việc nhóm để thực hiện bài tập 1 trong SGK (tr. 95), sau đó, cho các em trình bày kết quả và nhận xét về sản phẩm của nhau.	– HS thực hiện bài tập 1; trình bày, góp ý cho nhau.	II. Luyện tập Bài tập 1 a. Câu mới có thể là: “<i>Bài thuyết minh của em về danh lam thắng cảnh được các bạn tán thưởng</i>”. Câu có cấu trúc chủ động đã được chuyển thành câu có cấu trúc bị động. b. Các câu biến đổi cấu trúc có thể xây dựng là: – Một số hoạt động vô ý thức do con người tiến hành đã phá vỡ sự toàn vẹn của cảnh quan. – Sự toàn vẹn của cảnh quan đã bị phá vỡ do con người tiến hành một số hoạt động vô ý thức. – Con người đã phá vỡ sự toàn vẹn của cảnh quan vì một số hoạt động vô ý thức. c. Các câu biến đổi cấu trúc có thể xây dựng là: – Sự ra đời của tác phẩm ấy đã đánh dấu một thành tựu mới của truyện ngắn Việt Nam hiện đại. – Một thành tựu mới của truyện ngắn Việt Nam hiện đại đã được đánh dấu bằng sự ra đời của tác phẩm ấy. Bài tập 2 – Chuyển câu bị động thành câu chủ động: <i>Người đời sau gọi khối đá có hình người trên đỉnh Yên Tử là tượng An Kỳ Sinh</i>. – Nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi biến đổi cấu trúc: câu đặt trọng tâm thông tin vào “người đời sau” (đúng hơn là “hành vi” của “người đời sau”), thay cho trọng tâm đặt vào “khối đá có hình người” như ở câu gốc. Bài tập 3 – Căn cứ để xếp câu đã cho vào kiểu câu chủ động: không xuất hiện các từ <i>được, bị</i> vốn rất đặc trưng của câu bị động. – Biến đổi cấu trúc của câu từ chủ động sang bị động:
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 2 trong SGK (tr. 95) (làm việc cá nhân).	– HS thực hiện bài tập 2; trình bày, góp ý cho nhau.	– Chuyển câu bị động thành câu chủ động: <i>Người đời sau gọi khối đá có hình người trên đỉnh Yên Tử là tượng An Kỳ Sinh</i>. – Nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi biến đổi cấu trúc: câu đặt trọng tâm thông tin vào “người đời sau” (đúng hơn là “hành vi” của “người đời sau”), thay cho trọng tâm đặt vào “khối đá có hình người” như ở câu gốc.
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 3 trong SGK (tr. 95 – 96) (làm việc theo nhóm).	– HS thực hiện bài tập 3 theo nhóm; trình bày, góp ý cho nhau.	– Căn cứ để xếp câu đã cho vào kiểu câu chủ động: không xuất hiện các từ <i>được, bị</i> vốn rất đặc trưng của câu bị động. – Biến đổi cấu trúc của câu từ chủ động sang bị động:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 4 trong SGK (tr. 96) (làm việc theo nhóm).	– HS thực hiện bài tập theo nhóm; trình bày, góp ý cho nhau.	+ Hướng 1: <i>Phù Vân quốc sư đã được chính Thái Tông gọi là Trúc Lâm đạo sĩ, khi vị vua này nhắc lại câu nói của ông.</i> + Hướng 2: <i>Chính vì quan điểm mới về Thiên thể hiện qua câu nói này, Phù Vân quốc sư đã được gọi là Trúc Lâm đạo sĩ.</i> Bài tập 4 Yêu cầu của bài tập này giống yêu cầu của bài tập 3, nhằm củng cố kĩ năng chuyển câu chủ động thành câu bị động, trên cơ sở khai thác tối đa những ngữ liệu có trong VB đọc. – Làm biến đổi cấu trúc của câu a: <i>Bia Vĩnh Lăng được hậu thế đánh giá là một trong những tấm bia đẹp nhất Việt Nam về mặt mỹ thuật và kĩ thuật.</i> – Làm biến đổi cấu trúc của câu b: <i>Việt Nam được nhiều du khách nước ngoài gọi là “thiên đường của ẩm thực đường phố”.</i>

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức về biến đổi cấu trúc câu để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS đặt câu, sưu tầm, đánh giá một số ngữ liệu.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: Xem lại các bài viết của bản thân và thay đổi cấu trúc một số câu mà em đã viết. Nhận xét sự thay đổi về ý nghĩa của câu sau khi biến đổi cấu trúc.	HS xem lại các bài đã viết, thay đổi cấu trúc của một số câu và nhận xét ý nghĩa của câu sau khi biến đổi cấu trúc.	– Các câu đã được biến đổi cấu trúc trong bài viết mà HS lựa chọn. – Kết quả nhận xét về sự thay đổi ý nghĩa của câu sau khi biến đổi cấu trúc.

IV. ĐỌC VĂN BẢN 2 (TIẾT 5, 6)

VĂN HOÁ HOA – CÂY CẢNH (Trần Quốc Vượng)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng trải nghiệm và hiểu biết về các loại hoa, cây cảnh để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV trình chiếu một số câu hỏi trắc nghiệm về một số loài hoa và cây cảnh để kiểm tra kiến thức nền của HS về vấn đề này. Các câu hỏi như sau: Câu 1. Cây nào sau đây không phải là một loại cây cảnh phổ biến trong nhà? A. Cây trầu bà B. Cây ngũ gia bì C. Cây bạch đàn D. Cây lưỡi hổ Câu 2. Câu ca dao <i>Sen Tháp Mười hương thơm ngào ngạt/ Lúa Tháp Mười trĩu hạt oằn bông</i> miêu tả vùng đất nào ở Việt Nam? A. Đồng Tháp B. Hà Nội C. Huế D. Đà Lạt Câu 3. Thành ngữ <i>cưỡi ngựa xem hoa</i> được sử dụng để chỉ điều gì? A. Ngắm hoa một cách chậm rãi và thưởng thức B. Sự sang trọng và quý phái C. Sự hời hợt, qua loa, đại khái D. Cuộc thi đua ngựa truyền thống	– HS trả lời câu hỏi bằng hình thức giơ tay phát biểu.	Câu 1. C Câu 2. A Câu 3. C Câu 4. B Câu 5. C Câu 6. B Câu 7. D

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
Câu 4. Cây xương rồng chịu hạn tốt vì lí do nào? A. Chúng có lá nhỏ. B. Chúng tích trữ nước trong thân. C. Chúng có rễ sâu. D. Chúng hấp thụ hơi nước qua lá. Câu 5. Cây phong ở đất nước Canada thường là biểu tượng của mùa nào? A. Mùa xuân B. Mùa hạ C. Mùa thu D. Mùa đông Câu 6. Bonsai là nghệ thuật trồng cây cảnh đến từ đâu? A. Trung Quốc B. Nhật Bản C. Hàn Quốc D. Việt Nam Câu 7. Theo quan niệm của người châu Á, hoa cúc thường được coi là biểu tượng cho điều gì? A. Sức khỏe B. Tuổi trẻ C. Sự may mắn D. Sự trường thọ – GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học.		

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

- HS nhận biết được đề tài, thông điệp của VB và ý nghĩa của việc chọn VB này để đưa vào bài học có chủ đề chung là *Đi và suy ngẫm*.
- HS phân tích được các thông tin cơ bản của VB cũng như cách tiếp cận vấn đề độc đáo, giàu tính phát hiện của tác giả.
- HS biết đặt câu hỏi về những biểu hiện đa dạng của văn hoá truyền thống trong cuộc sống, từ đó biết giữ gìn, phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp mà tiền nhân đã tạo nên.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về tác giả Trần Quốc Vượng. – GV yêu cầu HS nhắc lại những điểm cần lưu ý khi đọc hiểu VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử (đã học ở VB 1). – Nhận xét và chốt kiến thức. – GV tổ chức cho HS đọc VB: Gọi một số HS đọc, GV nhận xét, đọc mẫu một phần VB và yêu cầu HS phát biểu cảm nhận chung về VB. – GV tổ chức cho HS chia sẻ kết quả thực hiện phiếu học tập số 7 (đã chuẩn bị ở nhà). – GV nhận xét và chốt lại một số kiến thức.	– HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về tác giả. – HS nhắc lại những điểm cần lưu ý khi đọc hiểu VB thông tin. – HS đọc VB và phát biểu cảm nhận chung về VB.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Trần Quốc Vượng Trần Quốc Vượng (1934 – 2005) quê ở Hà Nam, là học giả có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và phát triển một số ngành nghiên cứu về lịch sử, khảo cổ, văn hoá ở Việt Nam, đi đầu trong việc thực hiện lối tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu khoa học. 2. Nhắc lại cách đọc hiểu VB thông tin II. Khám phá VB 1. Đọc và tìm hiểu khái quát về VB a. <i>Đề tài</i>: văn hoá. b. <i>Chủ đề</i>: văn hoá hoa và cây cảnh trong đời sống và văn hoá của người Việt Nam. c. <i>Bố cục</i>: VB có thể chia thành 4 phần như sau: – Phần 1 (từ đầu đến <i>tuy gần mà xa...</i>): thiên nhiên như một đối tượng phong phú, kì bí, luôn thách thức mọi nỗ lực tìm hiểu, khám phá của con người. + Phần 2 (từ <i>Thiên nhiên Đông Nam Á</i> đến <i>tục thờ cây cối...</i>): đặc điểm của thiên nhiên Đông Nam Á và truyền thống sống hài hoà với tự nhiên của người phương Đông (trong đó có Việt Nam).

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, thảo luận câu hỏi sau: Trong VB, tác giả đã cung cấp những thông tin nào cho thấy người Việt có một văn hoá ứng xử riêng với thiên nhiên? – GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc và nhận xét, phản hồi lẫn nhau.	– HS làm việc theo nhóm, thảo luận các câu hỏi mà GV yêu cầu.	+ Phần 3 (từ <i>Văn minh lớn Trung Hoa</i> đến <i>cơ chế thị trường...</i>): những biểu hiện của cách “tạo dựng một thiên nhiên thứ hai hài hoà với thiên nhiên thứ nhất” trong các nền văn hoá Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam (qua những chứng tích cụ thể). + Phần 4 (còn lại): thú chơi hoa – cây cảnh trong nền văn hoá Việt Nam. 2. Hệ thống thông tin trong VB <i>a. Các thông tin và vai trò của thông tin trong VB</i> – Thông tin về quan niệm sống hài hoà với thiên nhiên được thể hiện qua ngôn ngữ (văn, thơ, cách đặt địa danh,...): + Người Việt có truyền thống sống hài hoà với tự nhiên, điều này được thể hiện qua các câu ca dao và thơ, như “<i>Trông trời, trông đất, trông mây/ Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm...</i>” cũng như quan niệm theo thuyết tính linh, vạn vật đều có linh hồn,... + Cách đặt địa danh: Các địa danh phản ánh mối liên hệ và sự tôn trọng sâu sắc đối với thiên nhiên, ví dụ như các tên gọi của hồ, núi, sông có liên quan đến những câu chuyện lịch sử hoặc huyền thoại địa phương. – Thông tin về các công trình nhân tạo được bố trí hài hoà với cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp: người Việt sử dụng thiên nhiên làm bối cảnh để xây dựng các đền, chùa, tháp, miếu tại các địa điểm thiên nhiên đẹp như Dục Thúy Sơn, Ngũ Hành Sơn,... – Thông tin về sự tồn tại trải đều trên nhiều vùng đất của các làng, trại, chợ hoa cây cảnh: Văn hoá hoa và cây cảnh không chỉ gói gọn trong một khu vực mà phân bố rộng khắp từ Bắc vào Nam, từ các làng hoa tại Hà Nội như làng đào Nhật Tân đến làng hoa Đà Lạt tại Lâm Đồng,... – Thông tin về cách người Việt đưa thiên nhiên vào mỗi ngôi nhà, vào từng không gian cư trú riêng tư: Người Việt tích cực đưa thiên nhiên vào không gian sống, từ việc trồng cây cảnh, bài trí non bộ trong nhà ở khu vực thị thành cho đến việc tạo dựng những khu vườn nhỏ trước nhà.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV nhận xét, chốt lại những kiến thức quan trọng về hệ thống thông tin trong VB.		=> Vai trò của các thông tin trong VB: Làm rõ văn hoá và tinh thần yêu thiên nhiên của người Việt, thể hiện qua cách họ tương tác và hoà nhập với tự nhiên trong đời sống hằng ngày. Điều này không chỉ thể hiện qua các công trình kiến trúc mà còn qua lối sống, ngôn ngữ, và nghệ thuật. Sự hài hoà này phản ánh quan điểm coi trọng và bảo vệ tự nhiên, đồng thời nó cũng làm phong phú thêm di sản văn hoá của Việt Nam. <i>b. Trật tự trình bày thông tin trong VB</i> Theo trình tự tầm quan trọng của thông tin: VB bắt đầu bằng việc nhấn mạnh sự phong phú và đa dạng của thiên nhiên, sau đó nhấn mạnh sự phụ thuộc và tương tác giữa con người và thiên nhiên; tiếp theo, VB khám phá sự giao thoa văn hoá giữa Việt Nam với Trung Hoa và Nhật Bản; cuối cùng, tác giả miêu tả sự phổ biến của các làng hoa và trại cây cảnh cũng như việc đưa thiên nhiên vào đời sống hằng ngày qua các không gian sống. 2. Thái độ và quan điểm của người viết đối với thông tin được trình bày trong VB – Tác giả Trần Quốc Vượng thể hiện thái độ trân trọng đối với văn hoá và truyền thống trồng hoa, cây cảnh ở Việt Nam cũng như sự tôn trọng đối với thiên nhiên. – Biểu hiện cụ thể: + Tác giả miêu tả thiên nhiên bằng những từ ngữ sinh động, cụ thể, coi nó như một phần không thể thiếu trong đời sống văn hoá và tinh thần của con người. + Thông qua việc đề cập vai trò của hoa và cây cảnh trong các nghi lễ và đời sống thường nhật, tác giả khẳng định tầm quan trọng của chúng trong việc duy trì và phát triển bản sắc văn hoá. + Tác giả cũng thể hiện sự ủng hộ đối với việc phát triển bền vững, thông qua việc đưa thiên nhiên vào cuộc sống hằng ngày.
– GV hỏi: Thông tin trong VB được triển khai theo trật tự nào? – GV nhận xét, chốt lại những kiến thức quan trọng về trật tự trình bày thông tin trong VB. – GV hỏi: Tác giả thể hiện thái độ, quan điểm như thế nào đối với thông tin được trình bày trong VB? – GV nhận xét, chốt lại những kiến thức quan trọng về thái độ và quan điểm của người viết đối với thông tin được trình bày trong VB.	– HS trình bày về trật tự trình bày thông tin trong VB. – HS trả lời về thái độ và quan điểm của người viết đối với thông tin được trình bày trong VB.	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS tự tổng kết bài học bằng hình thức sơ đồ tư duy.	– HS thực hiện nhiệm vụ tổng kết bài học bằng hình thức sơ đồ tư duy.	III. Tổng kết – Nội dung thông tin: thông tin về quan niệm sống hài hoà với thiên nhiên được thể hiện qua ngôn ngữ; thông tin về các công trình nhân tạo được bố trí hài hoà với cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp; thông tin về sự tồn tại trải đều trên nhiều vùng đất của các làng, trại, chợ hoa cây cảnh; thông tin về cách người Việt đưa thiên nhiên vào mỗi ngôi nhà, vào từng không gian cư trú riêng tư. – Cách trình bày thông tin: theo trình tự tầm quan trọng của thông tin.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Củng cố kiến thức về VB Văn hoá hoa – cây cảnh, kĩ năng đọc VB thông tin.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện hoạt động viết kết nối với đọc.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ viết kết nối với đọc trong SGK (tr. 100).	HS thực hiện viết đoạn văn và trình bày đoạn văn.	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức. Một số nội dung có thể xây dựng: – Dẫn dắt: Xu hướng ngày càng tăng của việc đưa thiên nhiên vào không gian sống của con người, đặc biệt trong bối cảnh cuộc sống hiện đại đầy áp lực. – Nêu biểu hiện cụ thể của hiện tượng “đưa thiên nhiên vào nhà”. – Ý nghĩa của hiện tượng này: + Tăng cường sức khoẻ tinh thần: Sự hiện diện của cây xanh trong nhà có thể làm giảm bớt căng thẳng, lo lắng và cải thiện tâm trạng. Cây xanh trong nhà có khả năng lọc không khí, từ đó cải thiện chất lượng không khí trong nhà. + Cải thiện thẩm mỹ không gian sống: Cây xanh mang đến vẻ đẹp tự nhiên, tạo điểm nhấn sinh động cho không gian sống. Sự hiện diện của hoa, cây cảnh giúp tạo ra một không gian sống hài hoà.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS xây dựng không gian lớp học xanh, sạch, đẹp với hoạt động “đưa thiên nhiên vào lớp học”.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS xây dựng không gian lớp học xanh, sạch, đẹp với hoạt động “đưa thiên nhiên vào lớp học”: Lớp chia thành các nhóm nhỏ, lựa chọn loại cây cảnh thích hợp để trang trí các góc lớp học. Sau đó, GV cho HS thuyết trình, giới thiệu với cả lớp về ý nghĩa, giá trị của loại cây đã chọn.	HS thực hiện nhiệm vụ.	Góc học tập “đưa thiên nhiên vào lớp học” của các nhóm và bài giới thiệu của mỗi nhóm về ý nghĩa, giá trị của loại cây đã chọn.

V. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TIẾT 7)

MỞ RỘNG CẤU TRÚC CÂU

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng cho HS nội dung bài học; tạo được hứng thú; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng kiến thức nền để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS: Cho câu đơn sau: <i>Gió thổi</i> . Em hãy mở rộng câu trên bằng các gợi ý sau: thêm trạng ngữ cho câu, mở rộng chủ ngữ, vị ngữ của câu. – GV dẫn dắt vào bài học.	HS làm việc cá nhân, thực hiện yêu cầu mở rộng câu.	Câu được mở rộng theo gợi ý của GV. Ví dụ: – <i>Ngoài kia, gió thổi.</i> – <i>Gió thổi làm mái tóc em tung bay.</i>

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS nhận biết một số hình thức mở rộng cấu trúc câu.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu một số hình thức mở rộng cấu trúc câu.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc lại nội dung có liên quan đến tiết học đã được trình bày ở phần <i>Tri thức ngữ văn</i> (SGK, tr. 91) và khung <i>Nhận biết một số hình thức mở rộng cấu trúc câu</i> (tr. 100 – 101). – GV yêu cầu HS tóm tắt nội dung đã đọc.	Đọc thông tin trong SGK, tóm tắt thông tin theo yêu cầu.	I. Mở rộng cấu trúc câu 1. Khái niệm Mở rộng cấu trúc câu là bổ sung hoặc mở rộng một thành phần câu nhằm tăng lượng thông tin cho câu. 2. Một số hình thức mở rộng cấu trúc câu – Bổ sung thành phần câu, thường là trạng ngữ hoặc thành phần biệt lập. – Mở rộng thành phần câu.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS nhận biết được mục đích, ý nghĩa của việc mở rộng cấu trúc câu; biết mở rộng cấu trúc câu trong hoạt động tạo lập VB.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 trong SGK (tr. 100 – 101) (làm việc cá nhân). – GV gọi đại diện HS trình bày kết quả và chữa bài. – GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 2 trong SGK (tr. 101) (làm việc cá nhân).	– HS thực hiện bài tập 1; trình bày, góp ý cho nhau. – HS thực hiện bài tập 2; trình bày, góp ý cho nhau.	II. Luyện tập Bài tập 1 a. Trạng ngữ có vai trò làm cho đối tượng chính được nói tới trở nên nổi bật, do nó ngầm chứa sự so sánh các đối tượng với nhau. b. Trạng ngữ có vai trò giúp người đọc hiểu được toàn diện những lí do khiến Yên Tử “quyến rũ du khách bốn phương”. Bài tập 2 – Yêu cầu: So sánh hai câu có chung thông tin cốt lõi nhưng khác nhau ở quy mô câu. – Ở câu b, cụm từ mang nghĩa phiếm chỉ (<i>thể loại nào</i>) trong câu a đã được triển khai cụ thể hơn bằng một đoạn

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 3 trong SGK (tr. 101) (làm việc theo nhóm).	– HS thực hiện bài tập 3 theo nhóm; trình bày, góp ý cho nhau.	câu khá dài (dù là thơ cách luật (lục bát, bảy chữ, năm chữ, tứ tuyệt,...) hay thơ tự do). Theo đó, người đọc vừa có thể đoán hiểu được những thể loại mà nhà thơ đã sử dụng, vừa được củng cố thêm hiểu biết về cách phân chia các thể thơ thành hai nhóm: cách luật và tự do. Bài tập 3 a. Có thể mở rộng cấu trúc câu bằng việc bổ sung thành phần biệt lập: <i>Yên Tử thật sự trở thành nơi trung tâm náo nhiệt của Phật giáo Trúc Lâm chỉ từ khi vua Trần Nhân Tông – một trong những vị vua anh minh nhất của lịch sử Việt Nam – đến Yên Tử tu hành.</i> b. Có thể mở rộng cấu trúc câu bằng việc bổ sung thành phần trạng ngữ: <i>Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, nhiều ngôn ngữ trên thế giới có nguy cơ biến mất.</i> c. Có thể mở rộng cấu trúc câu bằng việc bổ sung thành phần biệt lập: <i>Các nền giáo dục trên thế giới cần phải thay đổi nội dung và phương pháp giáo dục – những yếu tố cốt lõi phản chiếu trình độ của một trong những hoạt động quan trọng nhất của xã hội.</i> Bài tập 4 a. Có thể dùng cụm chủ ngữ – vị ngữ để mở rộng thành phần chủ ngữ của câu: <i>Cuốn truyện trinh thám mà chúng tôi vừa trao đổi trong tiết Đọc mở rộng ở lớp hôm qua</i> có nhiều tình huống nghẹt thở. b. Có thể dùng cụm chủ ngữ – vị ngữ để mở rộng thành phần chủ ngữ của câu: <i>Tương truyền, dãy Hồng Lĩnh nằm trải dài trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh và 3 huyện Nghi Xuân, Can Lộc, Lộc Hà thuộc tỉnh Hà Tĩnh có 99 ngọn núi.</i> c. Có thể dùng cụm chủ ngữ – vị ngữ để mở rộng thành phần bổ ngữ: <i>Nhiều người mong ước được một lần đến thăm Yên Tử nằm ở vùng Đông Bắc của Tổ quốc.</i>
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 4 trong SGK (tr. 101) (làm theo nhóm).	– HS thực hiện bài tập theo nhóm; trình bày, góp ý cho nhau.	

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học về mở rộng cấu trúc câu để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS mở rộng cấu trúc một số câu văn trong các bài viết thực tế của bản thân.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
Giao nhiệm vụ cho HS: Xem lại các bài viết mới nhất của em, chỉnh sửa bài viết bằng cách mở rộng cấu trúc của một số câu trong bài viết.	HS thực hiện mở rộng cấu trúc câu theo yêu cầu.	Các câu văn đã được mở rộng cấu trúc trong bài viết của HS.

VI. ĐỌC VĂN BẢN 3 (TIẾT 8)

TÌNH SÔNG NÚI

(Trần Mai Ninh)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS tham gia trò chơi để kết nối với chủ đề bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức trò chơi: "Ai đi khắp Việt Nam?". + GV chia HS thành ba nhóm. + GV đọc một số câu ca dao nói về một địa danh trên đất nước Việt Nam. HS lắng nghe và xác định địa danh được nhắc tới thuộc tỉnh (thành phố) nào. HS trả lời bằng hình thức giơ tay. + Nhóm nào có nhiều lượt trả lời đúng hơn sẽ giành chiến thắng. 1. Nơi đây nước ngọt lắm dưa Ruộng vườn màu mỡ, biển thừa cá tôm. Sầu riêng, măng cụt Cái Mơn, Nghêu sò Cồn Lợi, thuốc ngon Mỏ Cày. 2. Nơi đây có bến Ninh Kiều Có dòng sông đẹp với nhiều giai nhân. 3. Bao giờ lấp ngã ba Chanh Để ta gánh đá xây thành Cổ Loa.	HS tham gia trò chơi.	Các dữ liệu và địa danh tương ứng như sau: 1. Bến Tre 2. Cần Thơ 3. Đông Anh, Hà Nội 4. Ninh Thuận 5. Lạng Sơn 6. Hội An, Quảng Nam 7. Quảng Ngãi 8. Thừa Thiên Huế.

4. Ai về Xóm Bóng, Hà Ra Đi ngang Hòn Chũ mà xem Tháp Chàm. 5. Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh. 6. Ai đi phố Hội, Chùa Cầu, Để thương, để nhớ, để sầu cho ai, Để sầu cho khách vắng lai, Để thương, để nhớ cho ai chịu sầu. 7. Lý Sơn có đá san hô Có hòn đảo nhỏ lửng lơ giữa dòng. 8. Cổ đô thực chốn giang hồ Ai đi đến đất cổ đô cũng nhìn Trên bờ gió thổi rung rinh Dưới sông sóng đánh rập rình thêm vui Thuyền bè lên ngược xuống xuôi Tiện đường buôn bán, tiện nơi đi về. – GV dẫn vào bài thơ <i>Tình sông núi</i>.		
---	--	--

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

– Kết nối về chủ đề *Đi và suy ngẫm*: HS phân tích được những điểm đặc sắc của bài thơ trên cả hai mặt: nội dung (tình yêu đất nước; sự gắn bó với nhân dân, đặc biệt là tầng lớp cần lao; ý thức trách nhiệm trước cộng đồng dân tộc) và nghệ thuật (hình thức thơ tự do phóng khoáng; giọng điệu hào sảng, trầm thiết; việc sử dụng hiệu quả các địa danh và câu hỏi tu từ; việc kết hợp nhuần nhuyễn bút pháp tạo hình và bút pháp suy tưởng;...).

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc thầm phần chú thích trong SGK và nêu ngắn gọn thông tin về tác giả, tác phẩm.	– HS đọc SGK và nêu thông tin về tác giả.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Trần Mai Ninh (1917 – 1948) quê ở Hà Nội nhưng lớn lên ở Thanh Hoá. Thơ ông giàu tính cách tân, nóng bỏng tinh thần chiến đấu, tràn đầy niềm tin vào cách mạng và tương lai tươi sáng của đất nước, dân tộc.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc diễn cảm bài thơ trong SGK. – GV yêu cầu HS làm phiếu học tập số 8 để tìm hiểu chung về VB. – GV cho HS trả lời câu hỏi: Trong bài thơ, tác giả đã chú ý làm nổi bật những đặc điểm gì của sông núi quê hương? Qua đó, thể hiện tình cảm của tác giả đối với Tổ quốc như thế nào?	– HS đọc diễn cảm bài thơ. – HS thực hiện phiếu học tập số 8. – HS trả lời, nhận xét.	2. Tác phẩm In trong tập <i>Thơ Việt Nam 1945 – 1975</i>, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1976. II. Khám phá VB 1. Tìm hiểu chung về VB a. <i>Đề tài</i>: quê hương, đất nước. b. <i>Cảm hứng chủ đạo</i>: Tình yêu sâu sắc và niềm tự hào đối với Tổ quốc và con người Việt Nam. c. <i>Thể thơ</i>: tự do. d. <i>Bố cục</i>: Bài thơ có thể được chia thành 3 đoạn như sau: + Đoạn 1 (từ đầu đến <i>Diên Khánh xanh um</i>): niềm hân hoan, phấn chấn của nhà thơ trước vẻ đẹp kì thú của non nước miền Nam Trung Bộ. + Đoạn 2 (từ <i>...Tôi lim dim cặp mắt</i> đến <i>Tiếng thoi nghe dội rộn ràng vách nghiêng</i>): sự lắng đọng trong cảm xúc của nhà thơ trước cảnh sống thanh bình do nhân dân lao động tạo nên qua lịch sử lâu dài. + Đoạn 3 (những câu thơ còn lại): suy ngẫm của nhà thơ về Tổ quốc đẹp tươi, gian lao và anh dũng với tư cách là thực thể “Trộn hoà lao động với giang sơn”. 2. Tìm hiểu tình cảm của tác giả dành cho Tổ quốc – Tình cảm sâu sắc và niềm tự hào được thể hiện từ sự ngợi ca vẻ đẹp trữ tình, thơ mộng; hùng vĩ, khoáng đạt của sông núi quê hương: Tác giả bắt đầu bài thơ bằng việc miêu tả các địa danh nổi tiếng của Việt Nam, từ sông Trà Khúc đến Nha Trang, với những từ ngữ như “nắng bột chen dừa”, “gió buồn uốn éo”, “mơ soi Bình Định trăng mờ”,... thể hiện vẻ đẹp gần gũi, nên thơ của các địa danh này. – Niềm say mê, tự hào trước vẻ đẹp trù phú của đất nước và cuộc sống cần lao của nhân dân: Tác giả miêu tả cuộc sống của người dân qua hình ảnh lao động hăng say, nơi “gầu nước gieo vàng” và “tiếng thoi nghe dội rộn ràng vách nghiêng”. Những hình ảnh này thể hiện sự ấm áp, gần gũi của cộng đồng, sự gắn kết của con người với đất đai, thiên nhiên.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Những đặc điểm nổi bật của sông núi quê hương được phát hiện từ góc nhìn nào? – GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 5 trong SGK: Phân tích cách tác giả tự bộc lộ mình trong bài thơ. Tác giả đã xác lập chỗ đứng của mình như thế nào giữa cộng đồng dân tộc?	– HS trả lời, nhận xét. – HS trả lời, nhận xét.	– Niềm tự hào về tình cảm lớn dành cho đất nước: Phần kết của bài thơ đưa ra những câu hỏi tu từ được lặp lại, từ đó nhấn mạnh không có tình yêu nào vĩ đại và cao cả hơn tình yêu dành cho Tổ quốc. Đó là niềm tự hào dân tộc và tình cảm sâu sắc của tác giả đối với Tổ quốc. – Góc nhìn đưa lại cho tác giả những khám phá mới mẻ về đất nước: đất nước gắn liền với “lao động” (<i>Trộn hoà lao động với giang sơn</i>), tức là gắn liền với nhân dân, với tầng lớp cần lao đã đổ bao mồ hôi, xương máu để tạo lập, điểm tô, gìn giữ. Xét theo lịch sử phát triển của thơ trữ tình Việt Nam, đây là góc nhìn rất mới mẻ, chỉ xuất hiện từ khi trong ý thức xã hội hình thành một quan niệm mang tính cách mạng về vai trò của quần chúng nhân dân. – Cách tác giả tự bộc lộ mình trong bài thơ: xây dựng hình tượng “tôi” trong tư cách một đầu mối của mọi quan sát, liên hệ, suy ngẫm; sử dụng nhiều từ ngữ thể hiện trực tiếp quan điểm nhìn nhận, đánh giá về đối tượng quan sát, chiêm ngưỡng (<i>buồn, rộng, li, cao vùn vụt, vừa đẹp – vừa lành, dịu màu tươi, đẹp, giàu...</i>); dùng các câu hỏi tu từ để thể hiện vai trò dẫn dắt cảm xúc và định hướng suy nghĩ cho người đọc (<i>Hỏi ai tới đó sao đành lòng đi?; Có mối tình nào hơn thế nữa?; Có mối tình nào hơn/ Tổ quốc?</i>);... Qua cách tự bộc lộ mình như vậy, có thể thấy tác giả là người rất mực yêu quý vẻ đẹp của đất nước, hết sức kính trọng và biết ơn nhân dân, quan tâm tìm hiểu cội nguồn sức sống của dân tộc. – Việc tác giả xác lập chỗ đứng của mình trong cộng đồng dân tộc: tác giả đã hình dung mình như một người con của nhân dân, người thừa hưởng bao thành quả tốt đẹp mà tiền nhân đã tạo dựng, đồng thời là người sẵn sàng gánh trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ Tổ quốc cùng những đứa con trung hiếu khác trong cộng đồng dân tộc.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Khi nói về những người con của đất nước, đối tượng nào được tác giả đặt vào vị trí trung tâm? Điều này có ý nghĩa gì?	– HS trả lời, nhận xét.	– Khi nói về những người con của đất nước, tầng lớp cần lao là đối tượng được tác giả đặt vào vị trí trung tâm. Mọi chi tiết, hình ảnh về hoạt động của con người đều được khai thác từ thực tế cuộc sống của tầng lớp này: <i>lá thuyền, mái tranh, rẫy, vụn chài, tiếng thoi, Bắp căng như đồng/ Tay ghì cán cuốc/ Tay ghì tay xe,...</i> – Việc tập trung miêu tả, thể hiện hình ảnh những người cần lao (hình ảnh nhân dân lao động) cho thấy nhận thức của tác giả: đất nước, Tổ quốc là thành tựu vĩ đại mà nhân dân tạo nên; đất nước, Tổ quốc với nhân dân là một.
– GV hỏi: Theo em, bài thơ có những đặc sắc nào về mặt nghệ thuật?	– HS trả lời, nhận xét.	3. Một vài nét đặc sắc về nghệ thuật – Bài thơ sử dụng những hình ảnh sinh động, tự nhiên để khắc hoạ vẻ đẹp của đất nước. – Ngôn ngữ nhẹ nhàng, tinh tế kết hợp với hệ thống các biện pháp tu từ phong phú. – Thể thơ tự do không bị gò bó bởi những quy tắc về vần điệu hay số lượng chữ (tiếng) trong mỗi dòng thơ, cho phép nhà thơ tự do thể hiện những tình cảm, cảm xúc chân thật của mình.
– GV hỏi: VB <i>Tình sông núi</i> đã cho em những cảm nhận gì về đất nước, con người Việt Nam? Cách nhìn nhận của tác giả về đất nước có gì mới mẻ so với các nhà thơ trước đó?	– HS trả lời, nhận xét.	III. Tổng kết – VB diễn tả sự phong phú và đa dạng của phong cảnh tự nhiên, từ đó làm nổi bật vẻ đẹp và sự hùng vĩ của thiên nhiên Việt Nam. – Bài thơ đã thể hiện những khám phá mới mẻ của tác giả về đất nước: đất nước gắn liền với “lao động”, tức là gắn liền với nhân dân, với tầng lớp cần lao đã đổ bao mồ hôi, xương máu để tạo lập, điểm tô, gìn giữ non sông.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức về VB *Tình sông núi*.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời câu hỏi để củng cố kiến thức về VB.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS thực hiện nhiệm vụ sau: Có ý kiến cho rằng bài thơ <i>Tình sông núi</i> sử dụng hình thức nghệ thuật mới mẻ và phù hợp với tư tưởng cách mạng mà nhà thơ biểu đạt. Em có đồng tình với ý kiến đó không? Vì sao? – GV nhận xét, chốt ý kiến.	HS trả lời câu hỏi.	– HS đồng tình với ý kiến. – Những giá trị nghệ thuật mới mẻ của bài thơ: + Việc sử dụng nhiều động từ làm cho bài thơ mang đậm tính vận động, không gây cảm giác tĩnh tại, xa vắng như nhiều bài thơ khác có chủ đề gần gũi trong thơ trung đại hoặc Thơ mới. + Sự xuất hiện của nhiều loại câu như câu kể (để kể, tả), câu cảm, câu hỏi khiến bài thơ có thể khuấy động được nhiều tầng bậc cảm xúc ở người đọc. + Bài thơ được viết theo thể tự do, các câu dài ngắn không đều, có sử dụng vần ở một số chỗ cần thiết (không theo mô hình cố định). + Nhịp điệu bài thơ rần rỏi, mạnh mẽ, được tạo nên theo nhịp điệu của cảm xúc với những chỗ ngừng, ngắt hết sức linh hoạt. + Việc phối hợp giữa miêu tả cụ thể với nêu mệnh đề khái quát đưa lại cho bài thơ một vẻ đẹp đặc trưng: vừa tươi tắn vừa giàu chất suy tưởng, trí tuệ.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện nhiệm vụ để kết nối bài học với cuộc sống.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV giao nhiệm vụ cho HS: Từ bài thơ <i>Tình sông núi</i>, em hãy chọn một hình ảnh trong bài thơ và vẽ bức tranh miêu tả hình ảnh đất nước trong hình dung của Trần Mai Ninh. Đặt tên cho bức tranh của em và giải thích ý nghĩa của cái tên đó.	HS vẽ tranh và đặt tên cho bức tranh.	Tranh vẽ của HS và phần giải thích của HS về tên bức tranh.

VII. VIẾT (TIẾT 9, 10, 11)

VIẾT BÀI THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH HAY MỘT DI TÍCH LỊCH SỬ

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện yêu cầu của GV để khởi động bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: Chia sẻ ngắn gọn trải nghiệm của em khi đến một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.	HS chia sẻ trải nghiệm.	HS chia sẻ trải nghiệm có được khi đến một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS nhận biết được yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu yêu cầu của bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS đọc thầm yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay	HS trả lời câu hỏi.	I. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử 1. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử - Xác định rõ đối tượng thuyết minh (danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử nào, ở đâu). - Giới thiệu tổng quan về đối tượng thuyết minh (quá trình hình thành, cấu trúc, quy mô, tầm vóc

một di tích lịch sử trong SGK (tr. 104) và trả lời câu hỏi: Bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử phải đáp ứng được những yêu cầu gì? – GV cho HS đọc bài viết tham khảo và thảo luận để trả lời các câu hỏi: + Nhan đề của bài viết tham khảo là gì? + Xác định mục đích chính của các phần trong bố cục bài viết. – GV hỏi: Theo em, bài viết tham khảo có đáp ứng được yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử không?	– HS đọc bài viết tham khảo. – HS trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận. – HS trả lời câu hỏi.	và giá trị của đối tượng trên các phương diện khác nhau,...). – Trình bày được nét đặc sắc, độc đáo nhất của đối tượng với những miêu tả chi tiết và việc huy động các nguồn tài liệu đáng tin cậy (có thể thực hiện một số so sánh, đối chiếu cần thiết). – Thể hiện được thái độ trân trọng, yêu quý của người viết đối với đối tượng thuyết minh. – Kết hợp các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ một cách hiệu quả. 2. Phân tích bài viết tham khảo – Nhan đề: <i>Bia Vĩnh Lăng</i>. – Bố cục của bài viết: + Phần Mở bài: Nêu các thông tin cơ bản về thời điểm xuất hiện và tọa độ không gian của di tích; đánh giá chung về giá trị và tình trạng hiện tại của di tích. + Phần Thân bài: Đưa thông tin về các đặc điểm làm nên giá trị nổi bật của di tích; Chọn hình ảnh tiêu biểu để minh họa cho di tích được đề cập. + Phần Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa và giá trị của di tích. – Bài viết tham khảo đáp ứng được yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.
---	--	---

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS viết được bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hành viết theo các bước.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ để lựa chọn đề tài: Em chọn một di tích lịch sử hoặc một danh lam thắng cảnh đã tới tham quan để làm đề tài cho bài viết. – GV hướng dẫn HS tìm ý theo những nội dung sau: + Đối tượng (tức danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử) em dự định thuyết minh ở bài viết là gì? Có thể xác định tên cho nó như thế nào? + Đối tượng nằm ở vùng nào? Khoảng cách giữa nó với những địa điểm trung tâm mà nhiều người đã biết là gần hay xa? + Có thể đưa ra những thông tin chung nào về đối tượng nhằm bước đầu khẳng định vị trí, ý nghĩa, giá trị của nó? + Đặc điểm nổi bật của đối tượng là gì? So với những đối tượng thường được xếp cùng loại, nó có những điểm khác biệt, độc đáo nào? + Đối tượng đã được các chuyên gia và du khách đến thăm đánh giá ra sao? + Sự tồn tại của đối tượng đóng vai trò gì trong việc phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá của địa phương và đất nước? – GV cho HS làm việc theo nhóm, áp dụng kĩ thuật khăn trải bàn, tổ chức cho HS lập dàn ý theo hướng dẫn của SGK (tr. 107). – GV yêu cầu HS trao đổi dàn ý theo nhóm và mời một số HS trình bày dàn ý. – GV yêu cầu HS viết bài theo dàn ý. – GV yêu cầu HS tự chỉnh sửa bài viết theo các yêu cầu chỉnh sửa trong SGK (tr. 107).	– HS thực hiện nhiệm vụ. – HS tìm ý cho bài viết. – HS lập dàn ý. – HS làm việc theo nhóm; góp ý cho nhau; trình bày dàn ý trước lớp. – HS viết ở nhà. – HS tự chỉnh sửa bài viết của mình.	II. Thực hành viết 1. Trước khi viết a. <i>Lựa chọn đề tài</i> b. <i>Tìm ý</i> c. <i>Lập dàn ý</i> 2. Viết bài 3. Chỉnh sửa bài viết

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng được quy trình viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử vào việc tạo lập VB, tiếp tục chỉnh sửa để công bố bài viết.

2. Nội dung hoạt động

HS tiếp tục chỉnh sửa bài viết đã có để công bố hoặc viết một bài viết mới.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau (thực hiện ở nhà): – Tiếp tục chỉnh sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố. – Chọn một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử khác để viết bài văn thuyết minh.	HS tiếp tục chỉnh sửa, công bố bài viết hoặc viết một bài viết mới.	Bài viết được chỉnh sửa, công bố hoặc một bài viết mới.

VIII. NÓI VÀ NGHE (TIẾT 12)

THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH HAY MỘT DI TÍCH LỊCH SỬ

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời câu hỏi để khởi động bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV tổ chức cho HS chia sẻ: Theo em, làm cách nào để giới thiệu một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử tới mọi người?	HS trả lời câu hỏi.	HS chia sẻ cách giới thiệu danh lam thắng cảnh tới mọi người.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS nhận biết được yêu cầu của việc thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu yêu cầu.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV cho HS trao đổi theo nhóm câu hỏi: Theo em, các tiêu chí để đánh giá bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử là gì? - GV nhận xét, kết luận.	HS trao đổi, trả lời câu hỏi, thảo luận.	I. Một số lưu ý khi thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử - Về nội dung: - Thông tin về địa danh được cung cấp đầy đủ, chi tiết, chính xác. - Thể hiện được đánh giá của người nói về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử. - Về cách trình bày: - Nói to, rõ ràng, truyền cảm. - Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...) và các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS thuyết minh được về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện hoạt động luyện tập nói và nghe theo yêu cầu.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV hướng dẫn và yêu cầu HS thực hiện các nội dung đã nêu trong phần <i>Trước khi nói</i> trong SGK trước khi đến lớp để chuẩn bị cho nội dung nói. - GV yêu cầu HS tập luyện theo nhóm. - GV mời một vài HS trình bày bài nói trước lớp. - GV lưu ý HS trong vai người nghe: lắng nghe phần chia sẻ của bạn và đánh giá phần trình bày, ghi chú những điều muốn trao đổi về bài trình bày.	- HS tập luyện theo nhóm. - Một số HS trình bày bài nói trước lớp; những HS khác lắng nghe, trao đổi với người nói.	II. Thực hành nói Trước khi nói Trình bày bài nói và trao đổi sau khi nói

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ nói và nghe trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Nội dung hoạt động

HS tạo một sản phẩm sáng tạo về việc thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau: Tạo một video clip ngắn (từ 5 – 7 phút) phỏng vấn một số người bạn của em về những trải nghiệm của họ khi tham quan các danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.	HS thực hiện video clip phỏng vấn theo yêu cầu.	Video clip phỏng vấn đạt yêu cầu về nội dung và hình thức.

IX. Củng cố, mở rộng

1. Mục tiêu

HS củng cố, mở rộng những kiến thức, kỹ năng đã học trong bài.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân bài tập 1.	– HS thực hiện bài tập.	Bài tập 1 Sản phẩm là kết quả so sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa các VB được đưa vào bài học theo một số ý sau: đề tài, chủ đề, cách thức trình bày thông tin trong VB, các phương tiện giao tiếp được sử dụng (có thể trình bày dưới dạng bảng so sánh).
– GV cho HS thực hiện theo nhóm bài tập 2 (làm ở nhà).	– HS thực hiện bài tập.	Bài tập 2 Sản phẩm là tủ sách và danh mục những tư liệu viết về các danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử trên đất nước Việt Nam mà HS sưu tầm được.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS thực hiện bài tập 3 theo nhóm.	– HS thực hiện bài tập.	Bài tập 3 Sản phẩm là VB thuyết minh bằng hình ảnh (có kèm theo lời dẫn giải cần thiết) về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử ở địa phương của HS.
– GV cho HS thực hiện theo cá nhân bài tập 4.	– HS thực hiện bài tập.	Bài tập 4 HS đóng vai một hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu về một cảnh quan thiên nhiên hay di tích lịch sử.

X. THỰC HÀNH ĐỌC

KHU TRUNG TÂM HOÀNG THÀNH THĂNG LONG – HÀ NỘI

1. Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức về loại VB thông tin và kĩ năng đọc hiểu VB thông tin để tự đọc hiểu một VB khác.

2. Nội dung hoạt động

HS tự thực hành đọc ở nhà, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong buổi học tiếp theo.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ tự đọc VB ở nhà theo những lưu ý trong SGK. Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ (làm vào vở). – Bước 1. Xác định đối tượng chính được thuyết minh trong VB. – Bước 2. Xác định cách triển khai VB của người viết. – Bước 3. Xem xét khả năng chuyển hoá bài viết thành một bài nói.	Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.	– Bước 1: VB đề cập đến khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội. – Bước 2: VB triển khai theo trình tự không gian. – Bước 3: VB có thể được chuyển thành một bài nói hấp dẫn giới thiệu di tích lịch sử Hoàng thành Thăng Long với du khách hoặc những người quan tâm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Họ và tên:

Lớp:

Đọc thông tin trong phần *Tri thức ngữ văn* (SGK, tr. 90) và thực hiện những nhiệm vụ sau:

1. Chọn từ thích hợp trong khung để điền vào chỗ trống:

phương tiện

cấu trúc

tín ngưỡng

thiên nhiên

ý nghĩa

không gian

công trình

cảnh quan

– Trong văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh, ...(1)... được đề cập thường có sự kết hợp hài hoà giữa vẻ đẹp vốn có của ...(2)... (thắng cảnh) và vẻ đẹp của các ...(3)... nhân tạo, trong đó phổ biến là loại công trình phục vụ cho hoạt động ...(4)... (danh lam).

– Văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh có thể được triển khai theo nhiều cách khác nhau. Tuy vậy, việc tạo lập mọi văn bản thuộc kiểu này đều phải đảm bảo các yêu cầu chính: nêu được vị trí ...(5)... và quá trình hình thành cảnh quan; miêu tả được ...(6)... và vẻ đẹp của cảnh quan; đánh giá được ...(7)... của cảnh quan đối với đời sống con người; phối hợp hiệu quả ...(8)... ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi thể hiện tất cả nội dung trên.

2. Kiểu văn bản giới thiệu về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử có thể được triển khai theo những cách nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc văn bản *Yên Tử, núi thiêng* trong SGK (tr. 91 – 94) và điền thông tin tương ứng vào các ô để tìm hiểu chung về văn bản:



Đề tài

Chủ đề

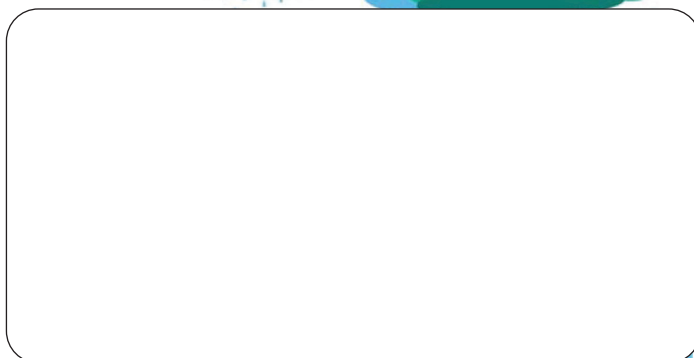
Bố cục

Các phương
tiện giao tiếp
trong văn bản

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc văn bản *Yên Tử, núi thiêng* trong SGK (tr. 91 – 94) và trả lời những câu hỏi sau:

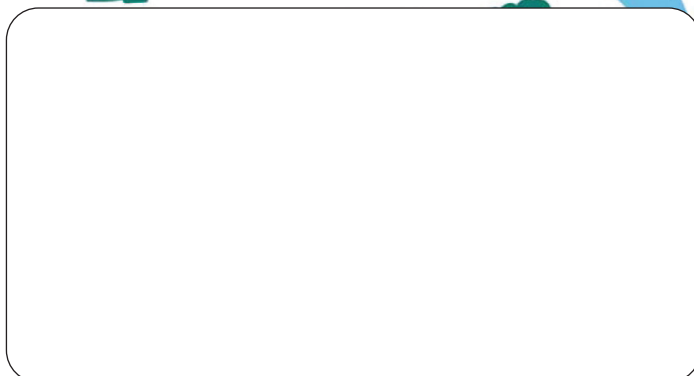
1. Yên Tử được tác giả giới thiệu như thế nào?



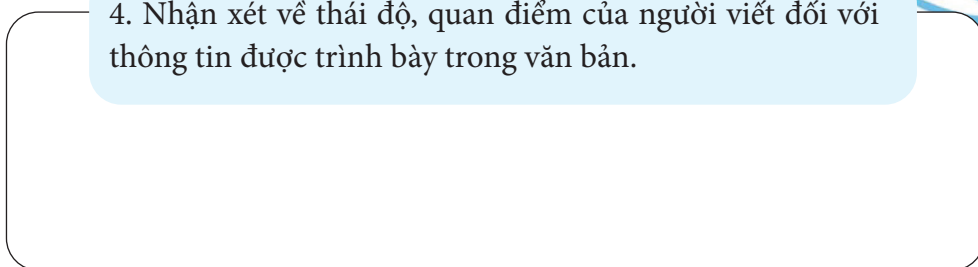
2. Tác giả đã miêu tả hành trình đến Yên Tử như thế nào?



3. Thông tin trong văn bản được trình bày theo trình tự nào?



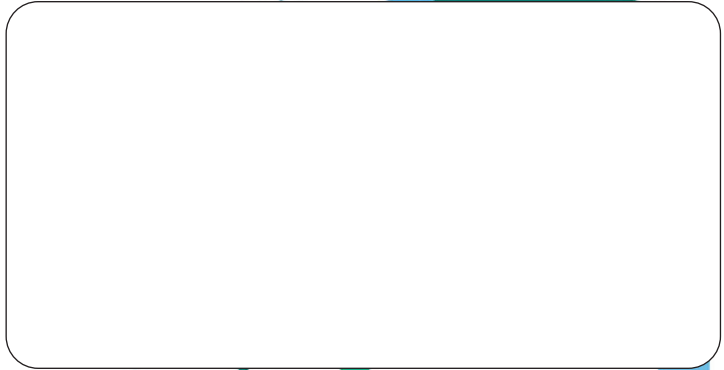
4. Nhận xét về thái độ, quan điểm của người viết đối với thông tin được trình bày trong văn bản.



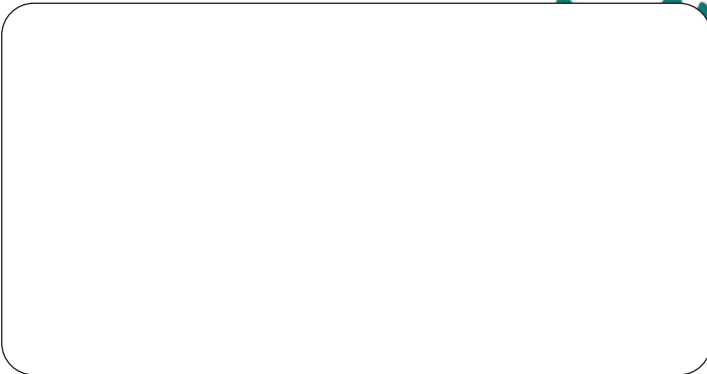
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc văn bản *Yên Tử, núi thiêng* trong SGK (tr. 91 – 94) và trả lời những câu hỏi sau:

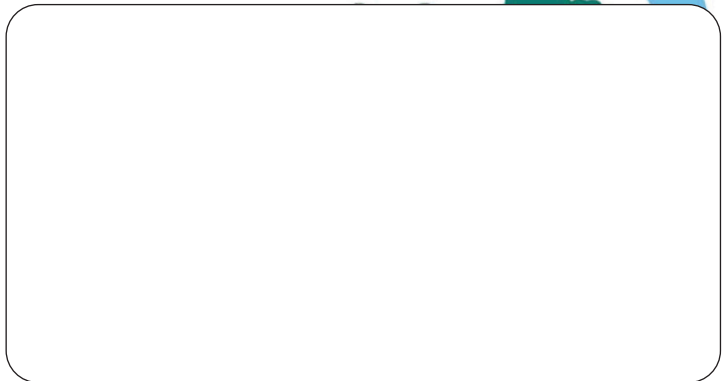
1. Yên Tử được tác giả giới thiệu như thế nào?



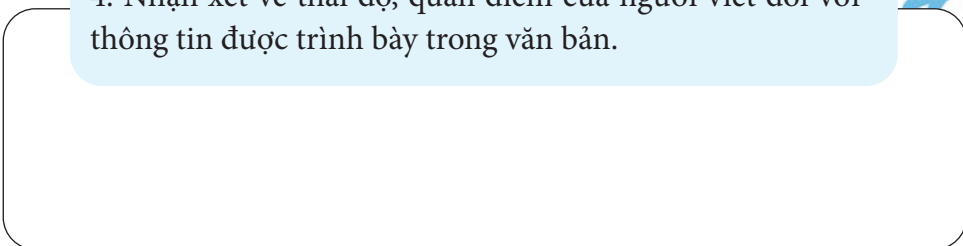
2. Chỉ ra những thông tin thuyết minh cụ thể về Yên Tử cùng các sự kiện, di tích có liên quan.



3. Miêu tả và phân tích tác dụng của yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản



4. Nhận xét về thái độ, quan điểm của người viết đối với thông tin được trình bày trong văn bản.



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Trải nghiệm cùng trang sách

a. Làm việc nhóm: Sau khi đọc văn bản *Yên Tử, núi thiêng* của Thi Sảnh, nhóm em chọn một địa điểm hoặc một đặc điểm mà nhóm thấy ấn tượng nhất thể hiện trong văn bản. Một bạn đóng vai du khách đã trải nghiệm và một bạn đóng vai hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu và thuyết phục các bạn khác trong lớp chọn đến thăm, cảm nhận hoặc thưởng thức điều ấn tượng này ở Yên Tử. Ghi vắn tắt những điều mà em sẽ giới thiệu vào ô dưới đây:



b. Thực hiện giới thiệu trước lớp. Hỏi ý kiến các bạn trong lớp xem có bao nhiêu bạn mong muốn đến khám phá Yên Tử sau khi em thực hiện xong bài giới thiệu.

Hình ảnh sử dụng trong phần *Thực hành tiếng Việt*: Biến đổi cấu trúc câu
(tất cả các hình ảnh trong bài này tác giả tạo bằng AI)



Đáp án: Các chữ được giấu trong bức tranh: T, R, 3 chữ C, 3 chữ U, 2 chữ A.
Cụm từ khóa: **CẤU TRÚC CÂU.**



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

BIẾN ĐỔI CẤU TRÚC CÂU

Nối các hình thức biến đổi cấu trúc câu ở cột bên trái với ví dụ tương ứng ở cột bên phải.

a. Thay đổi trật tự của các từ ngữ trong câu

1. – Tác giả đã thể hiện một cách đầy ấn tượng vẻ đẹp thân thương, diễm lệ của đất nước trong bài thơ.

– Vẻ đẹp thân thương và diễm lệ của đất nước đã được tác giả thể hiện đầy ấn tượng trong bài thơ.

b. Chuyển cụm chủ ngữ – vị ngữ thành cụm danh từ

2. – Xin cảm ơn quý vị đã ủng hộ chúng tôi trong việc triển khai dự án này.

– Xin cảm ơn quý vị đã ủng hộ việc triển khai dự án này của chúng tôi.

c. Chuyển câu chủ động thành câu bị động hoặc ngược lại

3. – Chúng tôi tiến bộ về kỹ năng viết nhờ luyện viết thường xuyên.

– Sự tiến bộ về kỹ năng viết của chúng tôi là kết quả của việc luyện viết thường xuyên.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

Đọc văn bản *Văn hoá hoa – cây cảnh* trong SGK (tr. 96 – 99) và ghi lại những thông tin sau:

Đề tài

Chủ đề



Bố cục



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8

Đọc văn bản *Tình sông núi* trong SGK (tr. 102 – 103) và ghi lại những thông tin sau:

Đề tài

Cảm hứng

Thể thơ

Bố cục

ĐỌC MỞ RỘNG

(1 tiết)

A. MỤC TIÊU

Bài học góp phần phát triển các năng lực và phẩm chất sau cho HS:

I. VỀ NĂNG LỰC

1. Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

– Đọc mở rộng: Đọc VB nghị luận, VB thông tin (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên internet) có độ dài tương đương với các VB đã học. Cụ thể:

+ Vận dụng được kiến thức và kĩ năng được học trong bài 8. *Tiếng nói của lương tri*, bài 9. *Đi và suy ngẫm* để tự đọc VB nghị luận (xã hội), VB thông tin.

+ Chia sẻ được kết quả đọc mở rộng với người khác.

2. Năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

– Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tóm tắt, sơ đồ tư duy, bảng, các từ khoá; ghi chú bài giảng của GV theo các ý chính.

– Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, công thức, kí hiệu, hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản về đời sống.

– Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới.

II. VỀ PHẨM CHẤT

Yêu thích đọc sách, say mê tìm hiểu, khám phá tri thức trong sách báo.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

I. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN

1. Phương pháp: trò chơi, dạy học hợp tác, thuyết trình,...

2. Phương tiện: máy tính, máy chiếu, hình ảnh minh hoạ,...

II. HOẠT ĐỘNG CHUẨN BỊ

Trước tiết học (khoảng 1 tuần), GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm (5 – 6 HS) chuẩn bị bài:

– Tìm đọc một số VB nghị luận xã hội viết về những vấn đề liên quan đến trách nhiệm của con người với cộng đồng, đất nước, nhân loại; một số VB thông tin giới thiệu danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử. GV có thể gợi ý cho HS một số VB và hướng dẫn các em cách tự tìm nguồn VB đọc theo yêu cầu của bài học. Ví dụ:

+ VB nghị luận xã hội: *Chiếu cầu hiền* (Ngô Thì Nhậm), *Về luân lí xã hội ở nước ta* (Phan Châu Trinh), *Bài phát biểu của Severn Suzuki về môi trường*, các VB trong cuốn *Những bài diễn văn làm thay đổi thế giới từ 1945 đến nay* (Ca-lô Ba-tà),...

+ VB thông tin: một số website, cổng thông tin điện tử các tỉnh, thành phố (nội dung giới thiệu danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử),...

– GV yêu cầu nhóm HS thực hiện các nhiệm vụ:

+ Hoàn thành kế hoạch đọc mở rộng của nhóm; mỗi nhóm chọn ít nhất 1 VB nghị luận (xã hội) và 1 VB thông tin để cùng thảo luận.

+ Thực hiện kế hoạch đọc theo các vòng: vòng 1 (HS đọc cá nhân theo phiếu học tập số 1, số 2) vòng 2 (HS đọc VB, thảo luận theo nhóm), vòng 3 (các nhóm thảo luận trên lớp).

– Sản phẩm:

+ Sản phẩm cá nhân: hoàn thành phiếu đọc cá nhân.

+ Sản phẩm nhóm: kế hoạch hoạt động của nhóm, bài trình bày kết quả đọc mở rộng của nhóm.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung học; tạo hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Kể tên các VB nghị luận xã hội và VB thông tin mà em đã học. – GV dẫn dắt vào bài.	– HS chơi trò chơi.	– Một số VB đã học: + VB nghị luận xã hội: <i>Đấu tranh cho một thế giới hoà bình</i> (Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két), <i>Biến đổi khí hậu – mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta</i> (An-tô-ni-ô Gu-tê-rét), <i>Chuẩn bị hành trang</i> (Vũ Khoan),... + VB thông tin: <i>Yên Tử, núi thiêng</i> (Thi Sảnh); <i>Văn hoá hoa – cây cảnh</i> (Trần Quốc Vượng),...

Hoạt động 2. Trao đổi kết quả đọc mở rộng

1. Mục tiêu

– HS vận dụng được kiến thức và kỹ năng được học trong bài 8. *Tiếng nói của lương tri*, bài 9. *Đi và suy ngẫm* để tự đọc VB nghị luận (xã hội), VB thông tin.

– HS chia sẻ được kết quả đọc mở rộng với người khác.

2. Nội dung hoạt động

HS trình bày sản phẩm đọc mở rộng của nhóm.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS trao đổi phiếu học tập và hoàn thiện sản phẩm của nhóm. – GV yêu cầu đại diện các nhóm chia sẻ sản phẩm trước lớp, các nhóm khác lắng nghe để trao đổi, đánh giá. – GV nhận xét, đánh giá kết quả đọc mở rộng của HS: + Nhận xét chung. + Biểu dương nhóm HS thể hiện tốt. + Cho HS bình chọn: nhóm có bài thuyết trình VB nghị luận tốt nhất, nhóm có bài thuyết trình VB thông tin tốt nhất.	– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. – Một số HS trình bày; những HS khác lắng nghe, trao đổi, đánh giá. – HS lắng nghe, bình chọn giải thưởng.	– Phiếu học tập cá nhân được chỉnh sửa. – Sản phẩm đọc mở rộng của nhóm được chỉnh sửa, hoàn thiện. – Bài trình bày kết quả đọc mở rộng của nhóm. – Các sản phẩm được bình chọn, HS rút kinh nghiệm cho hoạt động đọc mở rộng tiếp theo.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhật kí đọc văn bản nghị luận xã hội

Họ và tên học sinh: Lớp:

Tên văn bản đọc: Tác giả:

Nguồn văn bản: Ngày đọc:

* Ấn tượng đầu tiên của tôi về văn bản:

* Luận đề của văn bản:

.....

* Các luận điểm:

.....

.....

.....

* Mối quan hệ giữa các luận điểm:

.....

.....

* Chọn một luận điểm, phân tích cách dùng lí lẽ, bằng chứng trong việc làm nổi bật luận điểm đó:

.....

.....

.....

* Những thông tin khách quan được tác giả nêu ra trong văn bản:

.....

.....

* Quan điểm, thái độ của tác giả khi bàn luận về vấn đề:

.....

* Thông điệp tôi rút ra từ văn bản:

* Điều tôi muốn trao đổi cùng tác giả là:

.....

* Đánh giá của tôi về văn bản: ★★★★★

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhật kí đọc văn bản thông tin

Họ và tên học sinh: Lớp:

Tên văn bản đọc: Tác giả:

Nguồn văn bản: Ngày đọc:

* Danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử được giới thiệu:

* Yếu tố được làm nổi bật trong văn bản (đề mục, sa-pô, các từ hoặc cụm từ được in đậm):

.....
.....

* Bố cục văn bản:

.....
.....
.....

* Trình bày thông tin chính của văn bản sơ đồ tư duy:

* Phương tiện phi ngôn ngữ được dùng trong văn bản và tác dụng (nếu có):

.....
* Cách tổ chức thông tin trong văn bản:
.....

* Thông điệp mà văn bản gửi đến người đọc:

.....
* Câu hỏi tôi đặt ra về thông tin trong văn bản là:
.....

* Đánh giá tính hữu ích của văn bản: ★★★★★

BÀI 10. VĂN HỌC – LỊCH SỬ TÂM HỒN

(Đọc: 4 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết)

A. MỤC TIÊU

Bài học góp phần phát triển các năng lực và phẩm chất sau cho HS:

I. VỀ NĂNG LỰC

1. Năng lực đặc thù

- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.
- Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.
- Viết được một quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.
- Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.

2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự chủ và tự học)

- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, công thức, kí hiệu, hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận các vấn đề.
- Phát hiện yếu tố mới, tích cực trong những ý kiến của người khác; hình thành ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho.
- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

II. VỀ PHẨM CHẤT

Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp, giá trị của nền văn học dân tộc.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

Nội dung dạy học	Phương pháp, phương tiện	Chuẩn bị của HS
Độc hiểu VB. Văn học Việt Nam từ khu vực ra thế giới, từ truyền thống đến hiện đại (1 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	– Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 114 – 115) và các VB đọc. – Thực hiện phiếu học tập của mỗi VB.

Nội dung dạy học	Phương pháp, phương tiện	Chuẩn bị của HS
VB. Văn hoá đọc với nhà văn và độc giả trong thời đại công nghệ số (1 tiết) VB. Bên mộ cụ Nguyễn Du (1 tiết)		
Viết Viết bài quảng cáo về sách dưới hình thức VB đa phương thức (2 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	– Chuẩn bị cuốn sách yêu thích, đọc kĩ thông tin về cuốn sách đó. – Tìm hiểu trước yêu cầu của bài viết quảng cáo về sách dưới hình thức VB đa phương thức; dự kiến sản phẩm sáng tạo.
Nói và nghe Tiến hành một cuộc phỏng vấn về sách, văn hoá đọc, vấn đề gợi ra từ cuốn sách và những trải nghiệm đọc, viết trong dự án Văn học – lịch sử tâm hồn (2 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	– Chuẩn bị sản phẩm sáng tạo của cá nhân và nhóm để trưng bày, triển lãm. – Chuẩn bị nội dung tiến hành một cuộc phỏng vấn trực tiếp.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. GIAI ĐOẠN 1. KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN (TIẾT 1)

Hoạt động 1: Khởi động

1. Mục tiêu

HS nhớ lại được các VB đã học, tạo tâm thế thoải mái khi bắt đầu bài học.

2. Nội dung hoạt động

HS tham gia trò chơi khởi động.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Đoán tên tác phẩm”. + Tác phẩm 1 • Truyện truyền kì • Nhân vật chính là một người phụ nữ đức hạnh. • Cái bóng trên vách	– HS tham gia trò chơi, đoán tên tác phẩm đã học dựa vào dữ kiện đã có.	– HS đoán tên các tác phẩm: 1. <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> (Nguyễn Dữ) 2. <i>Truyện Kiều</i> (Nguyễn Du) 3. <i>Tiếng đàn mưa</i> (Bích Khê) 4. <i>Rô-mê-ô và Giu-li-ét</i> (Uy-li-am Sếch-xpia)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
+ <i>Tác phẩm 2</i> • Một truyện thơ Nôm • Tác giả là đại thi hào dân tộc. • Được công nhận là kiệt tác và dịch ra nhiều thứ tiếng. + <i>Tác phẩm 3</i> • Có những sự vật, hiện tượng phụ họa cùng mưa. • Thể thơ song thất lục bát • “Khách tha hương” rơi lệ. + <i>Tác phẩm 4</i> • Một VB thuộc bài 5. <i>Đối diện với nỗi đau</i>. • Một vở bi kịch kinh điển của nước Anh. • Một câu chuyện tình yêu + <i>Tác phẩm 5</i> • Vẻ đẹp của tiếng Việt • Bài thơ tám chữ • Thể hiện tình yêu của nhà thơ với tiếng Việt – GV tổng kết trò chơi và giới thiệu bài mới.		5. <i>Tiếng Việt</i> (Lưu Quang Vũ)

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

- HS xác định được chủ đề bài học, mục tiêu của dự án đọc sách.
- HS khám phá được các tri thức ngữ văn trong bài học.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập số 1.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hướng dẫn HS tìm hiểu <i>Giới thiệu bài học</i> và chỉ ra chủ đề của bài học, vai trò của việc đọc sách trong quá trình học môn Ngữ văn.	– HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> và nêu ý kiến. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.	1. Tìm hiểu Giới thiệu bài học – Chủ đề của bài học: Văn học tái hiện thế giới tâm hồn con người và đời sống tinh thần của dân tộc.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi về các nhiệm vụ trong phiếu học tập số 1 (HS đã thực hiện ở nhà). – GV chốt lại tri thức ngữ văn cơ bản về: + Sơ giản lịch sử văn học Việt Nam + Vai trò của tri thức lịch sử văn học trong đọc hiểu VB + Bài phỏng vấn	– HS thảo luận nhóm đôi, trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	– Đọc sách trong quá trình học môn Ngữ văn là để hiểu sâu về lịch sử tâm hồn con người, lịch sử dân tộc thể hiện trong văn chương. 2. Khám phá Tri thức ngữ văn <i>a. Tìm hiểu sơ giản về lịch sử văn học Việt Nam và vai trò của tri thức về lịch sử văn học trong đọc hiểu VB</i> – Hai bộ phận của nền văn học: + Văn học dân gian + Văn học viết – Các thời kì của văn học viết Việt Nam: + Thời kì trung đại (từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX). + Thời kì hiện đại (từ đầu thế kỉ XX đến nay) – Vận dụng tri thức về lịch sử văn học trong đọc hiểu VB: + Tri thức về mối quan hệ giữa các bộ phận văn học. + Tri thức về các thời kì phát triển của nền văn học. + Tri thức về nguồn gốc và sự phát triển của các thể loại. + Tri thức về bối cảnh ra đời của tác phẩm. + Tri thức về mối quan hệ giữa nhà văn và đời sống lịch sử, xã hội. + Tri thức về mối quan hệ giữa các tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở từng giai đoạn văn học.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
		<i>b. Bài phỏng vấn</i> – Mục đích của việc phỏng vấn: tạo được đối thoại trực tiếp hoặc gián tiếp với những người tham gia, chứng kiến, liên quan đến sự việc, vấn đề đang được đề cập nhằm cung cấp thông tin mới một cách khách quan. – Nội dung, hình thức bài phỏng vấn: (1) <i>Phỏng vấn trực tiếp (nói)</i>: người phỏng vấn nêu câu hỏi, người được phỏng vấn trả lời câu hỏi; bài phỏng vấn được ghi hình, ghi âm. (2) <i>Phỏng vấn gián tiếp (viết)</i>: người phỏng vấn gửi câu hỏi cho người được phỏng vấn, người trả lời phỏng vấn viết câu trả lời; bài phỏng vấn được đăng tải hoặc in ấn. – Nội dung câu hỏi và câu trả lời có sự liên quan mật thiết đến sự việc, vấn đề cần trao đổi, bàn luận.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Củng cố tri thức ngữ văn đã học.

2. Nội dung hoạt động

HS củng cố kiến thức sơ giản về lịch sử văn học Việt Nam.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – ai đúng” với các câu hỏi trắc nghiệm sau: Câu 1. Tìm từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu văn: <i>Văn học dân gian là các sáng tác của nhân dân.</i>	HS tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi.	Tìm được đáp án cho các câu hỏi: Câu 1: B Câu 2: A Câu 3: C Câu 4: C

Hoạt động của GV		Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
A. tiêu biểu B. truyền miệng C. chọn lọc D. chữ Nôm Câu 2. Văn học viết Việt Nam thời kì trung đại chủ yếu thể hiện nội dung nào? A. Tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, lòng nhân ái và các giá trị nhân văn B. Cái "tôi" cá nhân, tình yêu lứa đôi, mơ ước về một xã hội công bằng, tốt đẹp C. Cuộc sống và chiến đấu của nhân dân ta trong thời kì đấu tranh chống ngoại xâm D. Tinh thần hăng say lao động, ý chí vượt qua khó khăn trong công cuộc xây dựng đất nước Câu 3. Vì sao khi đọc hiểu VB cần vận dụng tri thức về các thời kì phát triển của nền văn học? A. Vì giúp tìm hiểu sâu hơn giá trị nghệ thuật của tác phẩm B. Vì giúp hiểu rõ hơn dấu ấn riêng của tác giả trong quá trình sáng tác C. Vì giúp hình dung rõ hơn bối cảnh ra đời của tác phẩm văn học D. Vì giúp làm sáng tỏ những yếu tố, những vấn đề nội tại của tác phẩm Câu 4. Bài phỏng vấn thuộc loại VB nào? A. VB nghị luận B. VB văn học C. VB thông tin			

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

- HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập.
- HS xây dựng được danh mục sách chọn đọc phù hợp với yêu cầu cần đạt của dự án.

2. Nội dung hoạt động

HS thống kê, phân loại tác phẩm văn học đã học theo thời kì.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thống kê và phân loại các tác phẩm văn học Việt Nam đã học trong Chương trình Ngữ văn 9 theo 2 thời kì.	HS thống kê và phân loại.	Thống kê và phân loại được tác phẩm văn học Việt Nam đã học trong Chương trình Ngữ văn 9: Ví dụ: – Thời kì trung đại: <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> (Nguyễn Dữ), <i>Chinh phụ ngâm</i> (nguyên tác của Đặng Trần Côn, bản dịch của Đoàn Thị Điểm(?)), <i>Truyện Kiều</i> (Nguyễn Du),... – Thời kì hiện đại: <i>Tiếng Việt</i> (Lưu Quang Vũ), <i>Tình sông núi</i> (Trần Mai Ninh), <i>Bí ẩn của làn nước</i> (Bảo Ninh)...

II. GIAI ĐOẠN 2: THỰC HIỆN DỰ ÁN

THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN – ĐỌC ĐỂ TRƯỞNG THÀNH (TIẾT 2, 3, 4)

Tiết 2

ĐỌC NHƯ MỘT SỰ HỒI TƯỞNG

VB 1. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ KHU VỰC RA THẾ GIỚI, TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN ĐẠI (Trần Đình Sử)

Hoạt động 1: Khởi động

1. Mục tiêu

- Mỗi HS mang một cuốn sách đến lớp để tạo được không gian đọc sách mở, thân thiện trong một số vị trí thuận lợi ở lớp học.
- HS đọc hiểu được nội dung VB và trả lời được các câu hỏi về VB đó.

2. Nội dung hoạt động

HS xây dựng không gian đọc sách trong lớp, hoàn thành phiếu học tập.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS chia sẻ: + Em mang cuốn sách nào đến lớp? + Kinh nghiệm tìm nguồn sách để đọc của em là gì? + Mục tiêu và kế hoạch đọc sách của em trong dự án <i>Văn học – lịch sử tâm hồn</i>?	– HS chia sẻ cá nhân.	– HS nêu những kinh nghiệm tìm sách để đọc. – HS trình bày được mục tiêu đọc sách.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của lịch sử văn học Việt Nam qua việc đọc hiểu VB *Văn học Việt Nam từ khu vực ra thế giới, từ truyền thống đến hiện đại* (Trần Đình Sử).

2. Nội dung hoạt động

HS thảo luận nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 2.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc một số đoạn của VB. – GV yêu cầu HS xác định bố cục và thông tin chính của VB.	– HS đọc VB. – Một số HS trình bày ý kiến, những HS khác nhận xét.	1. Đọc VB 2. Tìm hiểu bố cục và nội dung khái quát của VB <i>a. Bố cục</i> (1) Từ đầu đến <i>các triều đại Trung Hoa</i>: Đặc điểm “cổ xưa” và “non trẻ” của văn học Việt Nam. (2) Tiếp theo đến <i>sức sống mạnh mẽ của văn học Việt Nam</i>: Sự hình thành, phát triển của nền văn học viết Việt Nam. (3) Phần còn lại: Vị trí và đặc điểm của nền văn học Việt Nam thế kỉ XX.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc phần đầu của VB (từ đầu đến <i>các triều đại Trung Hoa</i>) và giải thích vì sao tác giả bài viết cho rằng nền văn học Việt Nam “vừa cổ xưa vừa non trẻ”. – GV nhận xét, kết luận.	– HS đọc VB. – HS trình bày ý kiến.	<i>b. Nội dung khái quát</i> Mối quan hệ giữa văn học Việt Nam và văn học thế giới, giữa các thời kì của văn học Việt Nam. 3. Tìm hiểu các nội dung cụ thể của VB <i>a. Tìm hiểu về tính chất “vừa cổ xưa vừa non trẻ” của văn học Việt Nam</i> – “Cổ xưa” vì: văn học Việt Nam gắn với lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt bắt đầu từ thời kì các Vua Hùng, gắn với văn học dân gian truyền miệng vốn có vị trí rất quan trọng... – “Non trẻ” vì: khác với các nền văn học trong khu vực, văn học viết Việt Nam mới xuất hiện từ thế kỉ X sau khi giành lại độc lập từ các triều đại Trung Hoa. <i>b. Tìm hiểu về nền văn học viết Việt Nam</i> * Thời kì trung đại (từ khoảng thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX) bao gồm bốn giai đoạn: – Giai đoạn thế kỉ X – XIV: + Văn học viết chủ yếu vay mượn và cải biến từ ngôn ngữ, văn tự (chữ Hán) đến các thể loại, phong cách, điển cố, thể thức. + Có những thành tựu độc đáo (thời Lý – Trần). + Từ đầu thế kỉ XII – XIII và đến thế kỉ XV văn học viết bằng chữ Nôm đã xuất hiện và phát triển song song với văn học viết bằng chữ Hán.
– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 2. – GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày và nhận xét, kết luận.	– HS thảo luận nhóm, cử đại diện trình bày. – HS nhóm khác bổ sung.	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
		– Giai đoạn thế kỉ XV – XVII: + Văn học viết bằng chữ Hán đã đạt đến đỉnh cao (thời Hậu Lê). + Văn học viết bằng chữ Nôm đã “phát triển rầm rộ”. + Các thể loại chủ yếu văn vay mượn từ văn học Trung Hoa nhưng “đã vượt qua sự mô phỏng tầm thường để đạt đến tinh hoa như nguyên mẫu và đi sâu biểu đạt tâm hồn dân tộc mình”. Sự Việt hoá thể loại như vậy tập trung trước tiên ở nội dung tác phẩm. – Giai đoạn thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX: + Văn học viết bằng chữ Hán và chữ Nôm phát triển song song. Tuy nhiên văn học viết bằng chữ Nôm “phát triển rầm rộ, đạt đến cực thịnh trong thế kỉ XVIII, cơ hồ lấn át thơ văn chữ Hán”. + Văn học viết bằng chữ Nôm đã “sáng tạo ra các thể loại văn học độc lập của người Việt, Việt hoá nhiều thể loại văn học chữ Hán, biến thành tài sản của riêng người Việt [...] giúp cho văn học cổ điển Việt Nam thoát dần các khuôn mẫu Hán, trở về với các truyền thống Đông Nam Á, như các truyện thơ, để trở thành nền văn học độc lập, biểu hiện sâu sắc tâm hồn Việt Nam”. → Sự Việt hoá thể loại đã thể hiện ở cả hình thức và nội dung tác phẩm văn học.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
		– Giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX: Quá trình tiếp xúc với văn hoá Pháp, văn hoá phương Tây đã tạo nên sự thay đổi lớn của văn học Việt Nam: “Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, khi chữ Hán và các kì thi Hán học bị bãi bỏ, chữ quốc ngữ thịnh hành và cùng với nó, một nền văn học hiện đại theo kiểu châu Âu dần dần xuất hiện.” * Thời kì hiện đại (từ đầu thế kỉ XX đến nay) có thể được phân kì thành ba giai đoạn: – Từ đầu thế kỉ XX đến 1945: “Ở Việt Nam hình thành một nền văn học hiện đại thực thụ”, “văn học Việt Nam (từ một nền văn học trung đại cổ xưa với truyền thống khu vực) đã hoá thân thành một nền văn học hiện đại theo mô hình châu Âu, trở thành một bộ phận của văn học thế giới”. – Từ 1945 – 1975: + “Từ ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa, văn học thiên về phục vụ công cuộc chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc”. + “Sau năm 1954, đất nước chia làm hai miền, văn học miền Bắc vẫn đi vào con đường văn học vô sản, xã hội chủ nghĩa; còn ở miền Nam văn học đi theo ảnh hưởng của văn học Âu Mỹ đương đại”. – Từ 1975 đến nay: + “Sau năm 1975, đất nước thống nhất nhưng gặp nhiều khó khăn về kinh tế, khó khăn do chiến tranh biên giới phía tây nam và

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 2 để tìm hiểu về mối quan hệ giữa văn học viết bằng chữ Hán và văn học viết bằng chữ Nôm. Điểm tương đồng và khác biệt của hai bộ phận này trong thời kì trung đại. – GV nhận xét, kết luận.	– HS thảo luận và nêu ý kiến.	chiến tranh biên giới phía bắc gây ra. Văn học bộc lộ những yếu kém của chính sách văn nghệ, dẫn đến cuộc đổi mới có tính “cởi trói” cuối năm 1986.” + Cuối những năm chín mươi của thế kỉ XX sang đầu thế kỉ XXI, sự thâm nhập của in-tơ-nét cùng với sự kiện Việt Nam gia nhập WTO (2007), văn học có những đổi thay mới...” <i>c. Tìm hiểu về mối quan hệ giữa văn học chữ Nôm và văn học chữ Hán thời kì trung đại, điểm tương đồng và khác biệt</i> – Mối quan hệ: Là hai bộ phận văn học quan trọng thời kì trung đại, làm nên diện mạo của nền văn học dân tộc từ thế kỉ X – cuối thế kỉ XIX. Văn học chữ Hán ra đời cùng với sự hình thành của văn học viết Việt Nam. Văn học chữ Nôm ra đời khi văn học viết đã có thành tựu và tạo nên bản sắc của nền văn học dân tộc cả về hình thức và nội dung. – Điểm tương đồng: Cùng có chung một số thể loại, hình thức nghệ thuật “di thực” từ Trung Hoa nhưng chú trọng “đi sâu biểu đạt tâm hồn của dân tộc mình”, nói cách khác, hai bộ phận văn học này cũng thể hiện lịch sử tâm hồn của dân tộc, bản sắc của con người, đất nước Việt Nam. – Điểm khác biệt: + Chữ Hán là loại chữ vay mượn hoàn toàn của Trung Hoa. Cùng với sự vay mượn về văn tự, các yếu tố hình thức khác cũng được

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS nêu những yếu tố lịch sử, xã hội có ảnh hưởng quan trọng tới đặc điểm của văn học Việt Nam thế kỉ XX.	– HS suy nghĩ, trả lời.	mô phỏng, vay mượn gần như nguyên vẹn, mang tính khuôn mẫu như: “văn ngôn, các thể loại, thậm chí cả phong cách, điển cố, thể thức diễn đạt”... + Chữ Nôm là loại chữ được mô phỏng từ chữ Hán nhưng được sử dụng để sáng tác bằng tiếng Việt. Do đó, cùng với sự phát triển của văn học viết bằng chữ Nôm, các yếu tố hình thức nghệ thuật của văn học Việt Nam cũng thay đổi, phát triển: “Nó đã sáng tạo ra các thể loại văn học độc lập của riêng người Việt, Việt hoá nhiều thể loại văn học chữ Hán [...] giúp cho văn học cổ điển Việt Nam thoát dần các khuôn mẫu Hán”. <i>d. Tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến nền văn học Việt Nam thế kỉ XX</i> – Sự ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hoá phương Tây bắt đầu từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX cùng với những biến động lớn trong lịch sử dân tộc: “Sự xâm lược của thực dân Pháp, một mặt gây nên những biến động chính trị, xã hội, mặt khác tạo nên những tiếp xúc của Việt Nam với phương Tây, đẩy lên phong trào canh tân theo các tư tưởng tư sản Âu Mỹ. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, khi chữ Hán và các kì thi Hán học bị bãi bỏ, chữ quốc ngữ thịnh hành và cùng với nó, một nền văn học hiện đại theo kiểu châu Âu dần dần xuất hiện”. – Những biến động lịch sử, xã hội ảnh hưởng tới sự thay đổi của văn học về nghệ thuật và nội dung:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi, hoàn thành nhiệm vụ 3 trong phiếu học tập số 2. – GV nhận xét, kết luận.	– HS thảo luận nhóm đôi, trình bày ý kiến.	+ Sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1945. + Công cuộc chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc, giành độc lập dân tộc giai đoạn 1945 – 1954 và 1954 – 1975. + Công cuộc xây dựng lại đất nước sau 1975 và đổi mới từ 1986 đến nay.. <i>e. Tìm hiểu tính truyền thống và tính hiện đại của nền văn học Việt Nam</i> Hình thức chữ viết: Bắt đầu với văn học viết bằng chữ Hán và đạt thành tựu rực rỡ trong thời kì trung đại, văn học Việt Nam tiếp tục phát triển với bộ phận văn học viết bằng chữ Nôm (dùng tiếng Việt để sáng tác) và chuyển đổi mạnh mẽ sang nền văn học hiện đại từ đầu thế kỉ XX với văn học sáng tác bằng chữ quốc ngữ. – Sự phát triển của các thể loại: + Bắt đầu với các thể loại vay mượn và mô phỏng theo khuôn mẫu của văn học Trung Hoa (bộ phận văn học viết bằng chữ Hán). + Tiếp tục sáng tạo ra các thể loại mang đậm bản sắc Việt Nam (văn học viết bằng chữ Nôm) và chuyển đổi mạnh mẽ sang các thể loại hiện đại (văn học viết bằng chữ quốc ngữ). – Nội dung: Dù sáng tác bằng hình thức chữ viết, ngôn ngữ nào, thể loại nào, văn học Việt Nam vẫn biểu hiện trọn vẹn bản sắc của đất nước, con người Việt Nam; lịch sử văn học là lịch sử tâm hồn dân tộc Việt Nam, “mang âm hưởng chủ đạo của chủ nghĩa yêu nước [...] thể hiện khát vọng tự do, dân chủ và hạnh phúc”.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV tổ chức tổng kết bài học.		4. Tổng kết - Nội dung: Bài viết nêu rõ đặc điểm của Văn học Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển của văn học viết Việt Nam qua các thời kì. - Hình thức: - Nội dung bài viết được trình bày mạch lạc, rõ ràng, chặt chẽ. - Các tri thức về lịch sử văn học, các nhận xét, đánh giá trong bài viết chính xác, khách quan. - Kết hợp tri thức về lịch sử dân tộc với tri thức văn học và các bằng chứng cụ thể (tác phẩm văn học).

Hoạt động 3. Luyện tập

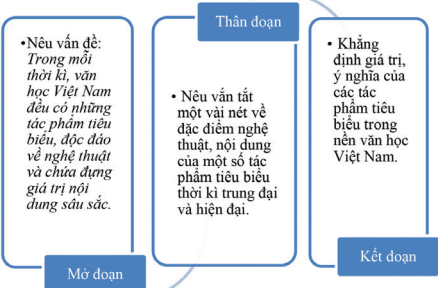
1. Mục tiêu

Củng cố nội dung VB đọc.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện nhiệm vụ viết kết nối với đọc.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập <i>Viết kết nối với đọc</i> trong SGK, tr. 120. - GV có thể gợi ý cho HS bằng slide sau: 	HS viết đoạn văn và trình bày đoạn văn.	Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu: - Đoạn văn có câu chủ đề: <i>Trong mỗi thời kì, văn học Việt Nam đều có những tác phẩm tiêu biểu, độc đáo về nghệ thuật và chứa đựng giá trị nội dung sâu sắc.</i> - Dung lượng: 10 – 15 câu.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập.

2. Nội dung

HS trình bày bằng sơ đồ tư duy về một đặc điểm hay một thể loại,... trong lịch sử hình thành và phát triển của nền văn học viết Việt Nam.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS sưu tầm một bài viết về một khía cạnh nào đó của lịch sử văn học Việt Nam. HS đọc và ghi lại các thông tin chính của VB dưới dạng sơ đồ tư duy.	HS tìm đọc VB theo yêu cầu.	Bài đọc do HS tìm được. Ví dụ: <i>Sự hình thành và phát triển của thể thơ lục bát trữ tình trong văn học Việt Nam</i> (Trần Đình Sử) http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/ly-luan-va-phe-binh-van-hoc/-nam.html Sơ đồ tư duy ghi lại các thông tin chính của VB.

Tiết 3

ĐỌC TRONG MỘT THẾ GIỚI ĐẦY BIẾN ĐỘNG

VB 2. VĂN HOÁ ĐỌC VỚI NHÀ VĂN VÀ ĐỘC GIẢ TRONG THỜI ĐẠI CÔNG NGHỆ SỐ

(Hà Ngân)

Hoạt động 1: Khởi động

1. Mục tiêu

Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS.

2. Nội dung hoạt động

HS xem video clip trò chuyện cùng nhà văn Nguyễn Nhật Ánh.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS xem video clip và tóm tắt nội dung chính của video clip: https://www.youtube.com/watch?v=vIRB_Id2HqM	HS xem và nêu nội dung của video clip.	HS nêu nội dung video clip: Gặp gỡ và trò chuyện cùng nhà văn Nguyễn Nhật Ánh về đề tài tuổi thơ trong các tác phẩm của nhà văn; giới thiệu một số tác phẩm viết cho thiếu nhi của Nguyễn Nhật Ánh: <i>Cú phạt đền</i> , <i>Cây chuối non đi giày xanh</i> ,...

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của bài phỏng vấn, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS đọc phân vai bài phỏng vấn. – GV yêu cầu HS: + Xác định vấn đề chính của bài phỏng vấn; vấn đề chính được trình bày ở phần nào trong VB. + Xác định người phỏng vấn và người được phỏng vấn.	– HS đọc phân vai. – HS suy nghĩ, trả lời.	1. Đọc VB 2. Tìm hiểu VB <i>a. Tìm hiểu vấn đề chính trong cuộc phỏng vấn, người phỏng vấn và người được phỏng vấn</i> – Vấn đề chính: Văn hoá đọc với nhà văn và độc giả trong thời đại công nghệ số. Cụ thể là: ảnh hưởng của công nghệ số và các phương tiện nghe – nhìn đối với văn hoá đọc của độc giả và công việc sáng tác của nhà văn. → Vấn đề chính được trình bày trong phần nhan đề, sa-pô. – Người phỏng vấn: phóng viên tạp chí <i>Văn học và Tuổi trẻ</i> . – Người được phỏng vấn: nhà văn Nguyễn Nhật Ánh.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 3.	– HS thảo luận nhóm, trình bày kết quả thảo luận.	<i>b. Tìm hiểu hệ thống câu hỏi triển khai vấn đề chính và mối quan hệ giữa vấn đề chính với các thông tin được triển khai trong hệ thống câu hỏi phỏng vấn</i> – Có 5 câu hỏi triển khai vấn đề chính: + Câu 1: “... ông có suy nghĩ gì về vấn đề “văn hoá đọc” trong thời đại công nghệ số?” → Phóng viên trực tiếp phỏng vấn Nguyễn Nhật Ánh về quan điểm của nhà văn đối với vấn đề “văn hoá đọc” trong thời đại công nghệ số. + Câu 2: “... sự thay đổi của văn hoá đọc có tác động như thế nào tới quá trình sáng tác của ông với vai trò một nhà văn luôn nuôi dưỡng niềm đam mê đọc sách của các thế hệ độc giả trẻ tuổi?” → Phóng viên hướng tới những tác động của văn hoá đọc đối với quá trình sáng tác của nhà văn trong thời đại công nghệ số. + Câu 3: “... theo ông, sức hút của những bộ phim chuyển thể và tác phẩm văn học có điều gì khác biệt?” → Phóng viên tìm hiểu sự khác biệt giữa sức hút của tác phẩm văn học (sản phẩm để đọc) và phim chuyển thể (sản phẩm nghe nhìn) từ tác phẩm của nhà văn. + Câu 4: “Ông có điều gì muốn chia sẻ với bạn đọc trẻ về vấn đề văn hoá đọc trong thời đại công nghệ số?” → Phóng viên trực tiếp đề nghị nhà văn Nguyễn Nhật Ánh chia sẻ với bạn đọc về văn hoá đọc trong thời đại công nghệ số. + Câu 5: “Nếu có cỗ máy thời gian, có bao giờ nhà văn muốn quay trở lại thời kì tác giả là người viết trong một thời đại mà văn tự và sách in là độc tôn?” → Câu hỏi hướng tới quan điểm của nhà văn về vai trò của sách với văn hoá đọc ở hai thời kì (thời kì sách là độc tôn và thời kì có ảnh hưởng của công nghệ số). – Mối quan hệ giữa vấn đề chính với các thông tin được triển khai trong hệ thống câu hỏi phỏng vấn: + Câu hỏi đầu tiên có tính khái quát, triển khai trực tiếp vấn đề chính được đề cập trong cuộc phỏng vấn.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi: Câu trả lời của người được phỏng vấn có quan hệ như thế nào với vấn đề được nêu trong câu hỏi? – GV yêu cầu HS thảo luận nhóm nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 3.	– HS trả lời. – HS thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận.	+ Nội dung câu hỏi thứ hai có quan hệ nhân quả với câu hỏi thứ nhất: Từ sự thay đổi của văn hoá đọc trong thời đại công nghệ số (kết quả câu trả lời thứ nhất) có thể đề cập đến vấn đề tác động của văn hoá đọc mới ấy tới quá trình sáng tác của nhà văn. + Nội dung câu hỏi thứ ba có mối quan hệ nhân quả với câu hỏi thứ nhất và câu hỏi thứ hai nhưng có sự mở rộng hơn: mối quan hệ giữa tác phẩm văn học (để đọc) và phim chuyển thể (để nghe nhìn), sức hút, sự tương đồng và khác biệt của các tác phẩm này. + Từ những nội dung đã được giải quyết sau khi trả lời câu hỏi thứ hai và thứ ba, câu hỏi thứ tư vẫn tiếp tục triển khai vấn đề chính nhưng ở mức độ khái quát hơn. + Câu hỏi thứ năm có vai trò khẳng định và kết thúc vấn đề một cách rõ ràng, khách quan. <i>c. Tìm hiểu quan hệ giữa câu trả lời của người được phỏng vấn với vấn đề được nêu trong câu hỏi</i> Câu trả lời cần hướng vào vấn đề đã được nêu trong câu hỏi và làm rõ cho vấn đề chính cần được giải quyết thông qua cuộc phỏng vấn. <i>d. Tìm hiểu các yếu tố ngôn ngữ thể hiện sự tôn trọng, lịch sự trong cuộc phỏng vấn</i> – Mở đầu: + Lời mở đầu (<i>Thưa nhà văn Nguyễn Nhật Ánh...</i>). + Dẫn chính xác tác phẩm của nhà văn, thể hiện sự quan tâm và am hiểu sự nghiệp sáng tác của ông. – Trong quá trình phỏng vấn: + Luôn sử dụng từ ngữ, cách nói thể hiện sự tôn trọng, lịch sự: <i>Thưa nhà văn..., Xin phép được hỏi...,...</i>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
		+ Thể hiện sự am hiểu về tác phẩm của nhà văn. – Kết thúc phỏng vấn: Lời cảm ơn, lời chúc sức khỏe nhà văn, tiếp tục thể hiện sự quan tâm tới các tác phẩm của nhà văn.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức về cách chọn vấn đề, xây dựng hệ thống câu hỏi phỏng vấn.

2. Nội dung hoạt động

HS trình bày cách thực hiện một cuộc phỏng vấn bằng sơ đồ tư duy.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, vẽ sơ đồ tư duy về cách thực hiện một cuộc phỏng vấn (làm ở nhà).	HS vẽ sơ đồ tư duy.	Sơ đồ tư duy của HS.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập.

2. Nội dung hoạt động

HS xây dựng bộ câu hỏi phỏng vấn một nhà văn yêu thích.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS xây dựng bộ câu hỏi phỏng vấn một nhà văn mà em yêu thích (làm ở nhà).	HS thực hiện theo yêu cầu.	Bộ câu hỏi phỏng vấn một nhà văn yêu thích của HS.

Tiết 4

ĐỌC ĐỂ TỰ HỌC VÀ THỰC HÀNH

VB 3: BÊN MỘ CỤ NGUYỄN DU

(Vương Trọng)

Hoạt động 1: Khởi động

1. Mục tiêu

Tạo được sự hứng thú cho HS.

2. Nội dung hoạt động

HS trưng bày sản phẩm, chia sẻ trải nghiệm.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS trưng bày phiếu đọc sách đã hoàn thành ở nhà (nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 4). – GV mời một số HS chia sẻ về kết quả đọc sách của mình.	HS trưng bày sản phẩm và chia sẻ cá nhân.	Phiếu đọc sách và nội dung chia sẻ kết quả đọc sách của HS.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu hoạt động

- HS hiểu được tính chất “đặc biệt” của tác giả – độc giả trong VB đọc.
- Vận dụng tìm đọc các VB khác có nội dung, cảm xúc tương đồng.

2. Nội dung hoạt động

HS thảo luận nhóm, hoàn thành phiếu học tập

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc VB. – GV yêu cầu HS thảo luận nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 4.	– HS đọc VB. – HS thảo luận và trình bày kết quả thảo luận.	1. Đọc VB 2. Tìm hiểu tính chất “đặc biệt” của tác giả – độc giả trong VB – Độc giả “đặc biệt” – ở đây là nhà thơ Vương Trọng – với tác phẩm

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS nêu ý kiến về cảm nhận của độc giả “đặc biệt” thể hiện trong bài thơ. – GV tổ chức cho HS tổng kết bài học.	– HS nêu ý kiến. – HS phát biểu tổng kết bài học.	của Nguyễn Du (<i>Truyện Kiều, Văn tế thập loại chúng sinh,...</i>). – Vương Trọng vừa là độc giả (trong mối quan hệ với tác phẩm của Nguyễn Du, đặc biệt là <i>Truyện Kiều, Văn tế thập loại chúng sinh...</i>), vừa là một nhà thơ, vì thế cách cảm nhận về cuộc đời của Nguyễn Du cũng như những thân phận, tâm trạng được gợi lên từ <i>Truyện Kiều, Văn tế thập loại chúng sinh...</i> đã được thể hiện bằng một hình thức “đặc biệt”: một bài thơ lục bát. – Cảm nhận của độc giả “đặc biệt”: + Độc giả “đặc biệt” cảm nhận cảnh nơi mộ Nguyễn Du cũng phảng phất khung cảnh hẻo lánh, tàn úa nơi mộ Đạm Tiên trong <i>Truyện Kiều</i>, hay khung cảnh thê lương trong <i>Văn tế thập loại chúng sinh</i>. + Độc giả “đặc biệt” cảm nhận thân phận, cuộc đời của Nguyễn Du cũng lẻ loi, cô đơn, bạc phận như Đạm Tiên trong <i>Truyện Kiều</i>, cũng nhiều nỗi đau khổ như thập loại chúng sinh trong tác phẩm của ông. + Độc giả “đặc biệt” thể hiện sự tưởng nhớ, tâm trạng xót thương, thành kính, trân trọng bậc vĩ nhân. 3. Tổng kết – Nội dung VB: Thể hiện cảm xúc, tâm trạng của Vương Trọng khi đứng trước mộ Nguyễn Du và những suy nghĩ của nhà thơ về cuộc đời, số phận của Nguyễn Du được gợi lên từ tác phẩm của đại thi hào dân tộc.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
		– Nghệ thuật: + Sử dụng thể thơ lục bát + Kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, tự sự + Giọng thơ trầm lắng, thiết tha + Sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, liệt kê, đảo ngữ,...

Hoạt động 3: Luyện tập

1. Mục tiêu

HS phân tích được tính chất “đặc biệt” của một VB tương tự VB *Bên mộ cụ Nguyễn Du*.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện nhiệm vụ đọc VB tương tự và chỉ ra tính chất “đặc biệt” của VB.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cung cấp cho HS một VB tương tự VB <i>Bên mộ cụ Nguyễn Du</i> (Vương Trọng) và yêu cầu HS chỉ ra tính chất “đặc biệt” của VB đó.	HS thực hiện yêu cầu.	HS tìm hiểu tính chất “đặc biệt” của VB <i>Độc thơ Bác</i> (Hoàng Trung Thông). – Hoàng Trung Thông vừa là độc giả (trong mối quan hệ với tác phẩm, tác giả) vừa là một nhà thơ. – Độc giả “đặc biệt” thể hiện những suy ngẫm, cảm nhận về vẻ đẹp của thơ Bác và tâm hồn Bác.

Hoạt động 4: Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập.

2. Nội dung hoạt động

HS tạo ra cuộc gặp gỡ độc giả “đặc biệt” theo cách của mình.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thử tạo ra cuộc gặp gỡ độc giả “đặc biệt” theo cách của mình (thực hiện ở nhà).	HS thực hiện yêu cầu.	VB do HS tự sáng tác.

THÁCH THỨC THỨ HAI – QUẢNG BÁ GIÁ TRỊ CỦA SÁCH (TIẾT 5, 6)

VIẾT BÀI QUẢNG CÁO VỀ SÁCH DƯỚI HÌNH THỨC VĂN BẢN ĐA PHƯƠNG THỨC

Hoạt động 1: Khởi động

1. Mục tiêu

Tạo được tâm thế thoải mái cho HS bắt đầu tiết học.

2. Nội dung hoạt động

HS xem và nêu cảm nhận về video clip.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV tổ chức cho HS theo dõi video clip giới thiệu cuốn sách và yêu cầu HS nêu nội dung của video clip. https://www.youtube.com/watch?v=ReHkqB3tfsA - GV kết luận và dẫn dắt vào bài mới.	HS theo dõi video clip và chia sẻ cá nhân.	HS nêu được nội dung của video clip giới thiệu cuốn sách <i>Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh</i> (Nguyễn Nhật Ánh).

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

Viết được một bài quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.

2. Nội dung hoạt động

HS thảo luận nhóm, hoàn thành phiếu học tập.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV hướng dẫn HS đọc SGK (tr. 125) và nêu yêu cầu của bài quảng cáo về sách dưới hình thức VB đa phương thức.	HS đọc SGK (tr. 125), trả lời câu hỏi.	I. Tìm hiểu các yêu cầu của bài quảng cáo về sách dưới hình thức VB đa phương thức 1. Yêu cầu đối với bài quảng cáo về sách dưới hình thức văn bản đa phương thức - Nêu được thông tin chính xác, cụ thể và đầy đủ về cuốn sách cần được quảng cáo: tên sách, tác giả, nhà xuất bản, đặc điểm nghệ thuật và nội dung. - Ngôn ngữ mạch lạc, súc tích, gây được ấn tượng; có sự tương thích giữa ngôn ngữ và yếu tố phi ngôn ngữ (hình ảnh và âm thanh). - Thu hút được sự chú ý, tạo được niềm tin đối với người đọc về cuốn sách cần được quảng cáo. 2. Phân tích bài viết tham khảo - Mục đích của bài viết: quảng cáo cuốn sách <i>Chuyện lạ Phi châu</i> của tác giả Hảo Phạm Fiori. - Cách đặt nhan đề: Nhan đề nêu tên cuốn sách và đặc điểm nổi bật trong nội dung sách (<i>cuốn sách tươi mới về lục địa cổ kính</i>). - Nội dung bài quảng cáo cung cấp cho người đọc các thông tin: - Về bối cảnh, tác giả và đặc điểm nghệ thuật, nội dung của cuốn sách. - Về việc xuất bản, phát hành cuốn sách. - Cách trình bày bài quảng cáo: Có sự kết hợp ngôn ngữ và hình ảnh minh họa ở đầu và cuối bài viết.
GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và thảo luận nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 5.	HS đọc bài viết, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 5.	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS trao đổi, nhận xét: Bài viết tham khảo có đáp ứng được yêu cầu đối với bài quảng cáo về sách dưới hình thức VB đa phương thức không?	– HS trả lời.	– Bài viết tham khảo đáp ứng được yêu cầu đối với bài quảng cáo về sách dưới hình thức VB đa phương thức.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS viết được bài quảng cáo về sách dưới hình thức VB đa phương thức, chỉnh sửa được bài viết.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện phiếu học tập, trả lời câu hỏi để viết bài theo các bước.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hướng dẫn HS chọn đề tài. – GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 5. – GV yêu cầu HS trao đổi phiếu học tập theo cặp và góp ý cho nhau. GV mời một số HS trình bày. – GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý như trong SGK hoặc lập dàn ý bằng sơ đồ tư duy.	– HS chọn một cuốn sách để viết bài quảng cáo dưới hình thức VB đa phương thức. – HS thực hiện nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 5. – HS trao đổi theo cặp, trình bày phiếu tìm ý; góp ý, chỉnh sửa cho nhau. – HS lập dàn ý cho bài viết.	II. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết <i>a. Lựa chọn đề tài</i> Lựa chọn được cuốn sách yêu thích đã đọc để viết bài quảng cáo. <i>b. Tìm ý</i> Tìm được ý cho bài viết quảng cáo cuốn sách đã chọn. <i>c. Lập dàn ý</i>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS trao đổi dàn ý theo nhóm và mời một số HS trình bày dàn ý. – GV yêu cầu HS viết bài theo dàn ý. Chú ý phối hợp giữa ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ trong bài quảng cáo. – GV yêu cầu HS tự chỉnh sửa bài viết theo các yêu cầu chỉnh sửa trong SGK (tr. 128). – GV cho HS làm việc theo nhóm (3 – 4 HS/ nhóm) để nhận xét bài viết cho nhau.	– HS làm việc theo nhóm; góp ý cho nhau; trình bày dàn ý trước lớp. – HS dựa vào dàn ý để viết bài ở nhà. – HS đọc lại bài viết của mình. – HS đánh giá bài viết cho nhau.	2. Viết bài 3. Chỉnh sửa bài viết

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS chỉnh sửa và trình bày lại bài viết theo cách tự chọn để trưng bày sản phẩm trong “Ngày hội với sách”.

2. Nội dung hoạt động

HS tiếp tục chỉnh sửa, trình bày bài viết.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS tiếp tục chỉnh sửa bài viết, lựa chọn cách trình bày (trên giấy khổ A3, dựng video clip, ứng dụng canva,...).	HS tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm.	Bài viết đã chỉnh sửa và thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau.

III. GIAI ĐOẠN 3: BÁO CÁO KẾT QUẢ DỰ ÁN (TIẾT 7, 8)

NÓI VÀ NGHE

VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI VỚI SÁCH PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ ĐỌC

Hoạt động 1: Khởi động

1. Mục tiêu

Khơi gợi hứng thú cho HS.

2. Nội dung hoạt động

HS xem và thuyết trình theo nhóm sản phẩm sáng tạo.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS trưng bày sản phẩm sáng tạo của cá nhân theo nhóm. – GV yêu cầu HS chia sẻ trải nghiệm đọc, viết trong dự án Văn học – lịch sử tâm hồn.	– HS sắp xếp sản phẩm theo nhóm. – HS chia sẻ cá nhân.	– Trưng bày được các sản phẩm sáng tạo như tranh vẽ minh họa, nhật kí đọc sách, các cuốn sách đã đọc, bài viết, video clip quảng bá sách,... – Chia sẻ về sản phẩm.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS tiến hành cuộc phỏng vấn ngắn: xác định được mục đích, nội dung, cách thức tiến hành cuộc phỏng vấn.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện phiếu học tập, trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS trao đổi theo nhóm nhiệm vụ 1, 2 trong phiếu học tập số 6.	– HS thảo luận nhóm và trình bày ý kiến.	I. Một số lưu ý khi tiến hành một cuộc phỏng vấn – Cách tiến hành một cuộc phỏng vấn: + Xác định vấn đề, đối tượng phỏng vấn.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
		+ Xây dựng bộ câu hỏi phỏng vấn. + Tiến hành phỏng vấn. – Cách xây dựng bộ câu hỏi phỏng vấn: + Câu hỏi mở đầu: Dẫn dắt và nêu vấn đề phỏng vấn → Nêu câu hỏi có tính chất khái quát. + Các câu hỏi trong phần triển khai: Triển khai luận điểm thành các câu hỏi phỏng vấn; các câu hỏi có tính chất nối tiếp, duy trì và phát triển vấn đề phỏng vấn. + Câu hỏi kết thúc: Sử dụng câu hỏi kết thúc cuộc phỏng vấn mang tính khẳng định vấn đề.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

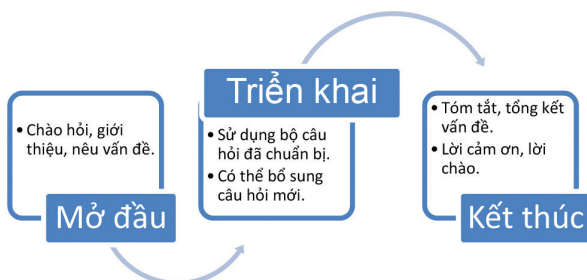
HS thực hiện được cuộc phỏng vấn trực tiếp.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện phiếu học tập, trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS xem lại phiếu chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn (nhiệm vụ 3 trong phiếu học tập số 6, đã chuẩn bị ở nhà). – GV yêu cầu HS tập luyện theo nhóm, chuẩn bị tiến hành cuộc phỏng vấn trước lớp. – GV chiếu slide lưu ý HS tiến trình cuộc phỏng vấn:	– HS xem lại phiếu chuẩn bị cuộc phỏng vấn. – HS tập luyện theo nhóm.	II. Thực hành phỏng vấn trực tiếp 1. Trước khi phỏng vấn



Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu các nhóm tiến hành cuộc phỏng vấn trực tiếp. – GV lưu ý HS trong vai người nghe: lắng nghe và đánh giá phần trình bày vào bảng kiểm (nhiệm vụ 4, phiếu học tập số 6), ghi chú những điều muốn trao đổi. – GV yêu cầu các nhóm trao đổi, nhận xét cho nhau về cuộc phỏng vấn dựa vào bảng kiểm.	– HS thực hiện phỏng vấn trực tiếp trước lớp; HS khác lắng nghe, trao đổi với người nói. – Các nhóm nhận xét, rút kinh nghiệm.	2. Tiến hành phỏng vấn trực tiếp 3. Trao đổi, rút kinh nghiệm về cuộc phỏng vấn

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ nói và nghe khác (một cuộc phỏng vấn khác).

2. Nội dung hoạt động

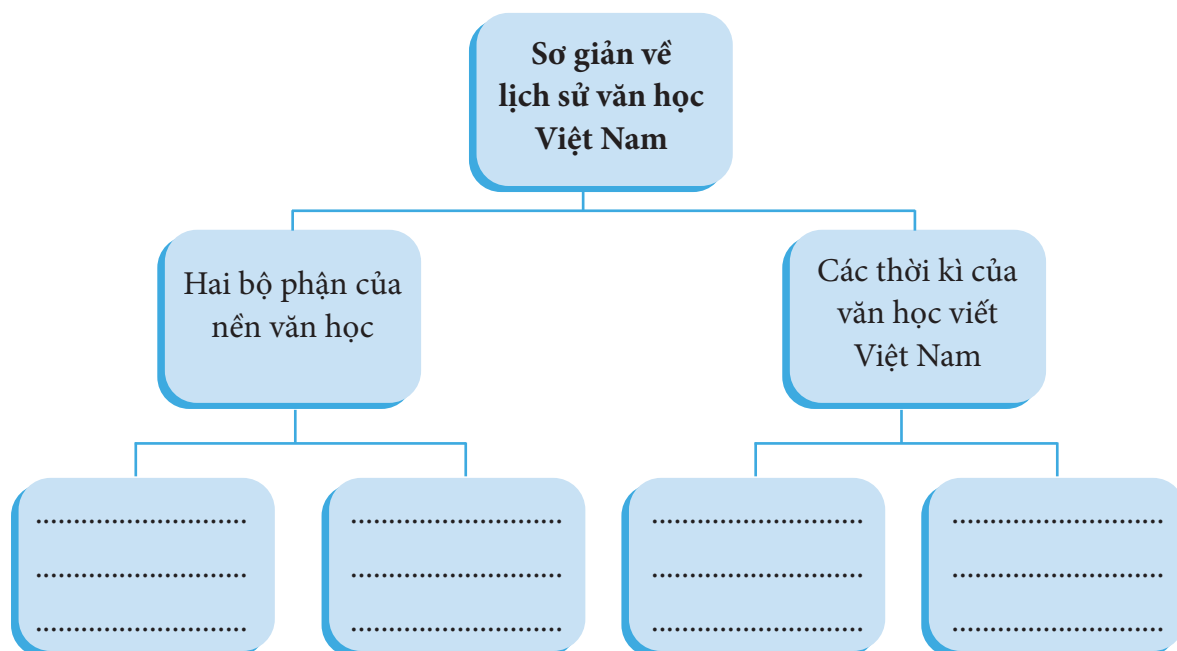
HS xác định được vấn đề, đối tượng phỏng vấn và xây dựng được bộ câu hỏi phỏng vấn.

3. Tổ chức thực hiện

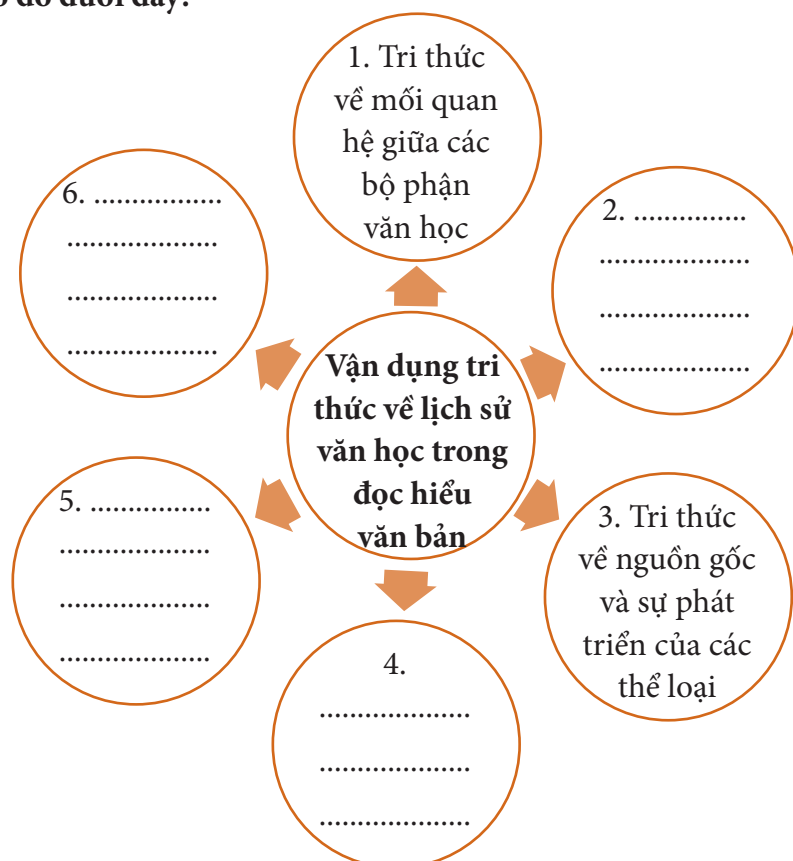
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV hướng dẫn HS chọn một đề tài và đối tượng khác để xây dựng bộ câu hỏi và tiến hành một cuộc phỏng vấn (thực hiện ở nhà).	HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.	Vấn đề, đối tượng và câu hỏi cho cuộc phỏng vấn khác.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Đọc tri thức ngữ văn và hoàn thành sơ đồ tìm hiểu sơ giản về lịch sử văn học Việt Nam:



2. Tìm hiểu việc vận dụng tri thức về lịch sử văn học trong đọc hiểu văn bản và hoàn thiện sơ đồ dưới đây:



3. Tìm hiểu về bài phỏng vấn:

Mục đích
của việc
phỏng vấn



.....

.....

.....

.....

.....

Nội dung, hình thức của bài phỏng vấn

Phỏng vấn
trực tiếp
(nói)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phỏng vấn
gián tiếp
(viết)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nội dung câu hỏi và câu trả lời trong bài phỏng vấn có liên quan
mật thiết đến

.....

.....

.....

Câu hỏi

Câu trả lời

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. Tìm hiểu về các thời kì hình thành và phát triển của nền văn học viết Việt Nam:

Thời kì hình thành của nền văn học viết Việt Nam:		
.....		
.....		
.....		
Các thời kì phát triển		
Thời kì	Giai đoạn	Đặc điểm chữ viết và thể loại
.....		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		

2. Tìm hiểu mối quan hệ của văn học viết bằng chữ Hán và văn học viết bằng chữ Nôm. Điểm tương đồng và khác biệt của hai bộ phận văn học này trong thời kì trung đại:

Mối quan hệ

-
-
-
-

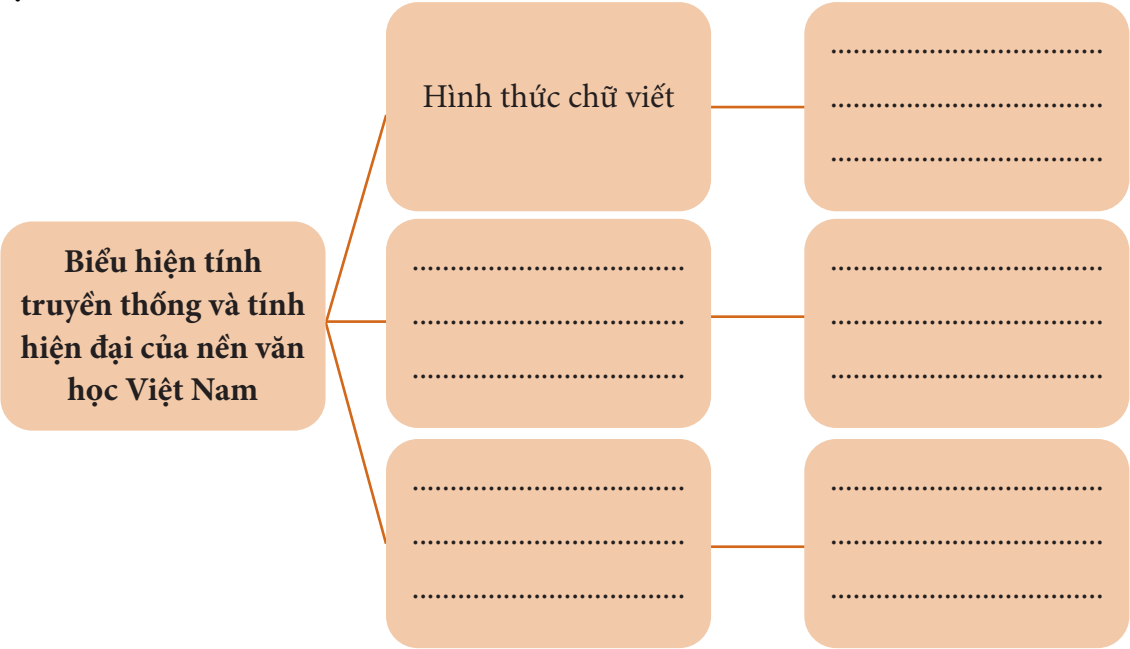
Điểm tương đồng

-
-
-
-

Điểm khác biệt

-
-
-
-

3. Tìm hiểu những biểu hiện của tính truyền thống và tính hiện đại của nền văn học Việt Nam. Hoàn thành sơ đồ sau:



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

1. Tìm hiểu cách triển khai vấn đề chính của cuộc phỏng vấn qua hệ thống câu hỏi:

Vấn đề chính
.....
.....
.....
.....

Câu hỏi 1
.....
.....
.....
.....

Câu hỏi 2
.....
.....
.....
.....

Câu hỏi 3
.....
.....
.....
.....

Câu hỏi 4
.....
.....
.....
.....

Câu hỏi 5
.....
.....
.....
.....

Nhận xét mối quan hệ giữa vấn đề chính và các thông tin được triển khai trong hệ thống câu hỏi phỏng vấn:

.....

.....

.....

2. Tìm hiểu các yếu tố ngôn ngữ thể hiện sự tôn trọng, lịch sự trong cuộc phỏng vấn:

-
-
-

Trong quá trình triển khai

-
-
-

-
-
-

Mở đầu

Kết thúc phỏng vấn

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

1. Chọn đọc một số tác phẩm yêu thích và ghi thông tin vào phiếu đọc sách dưới đây:

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
Tên sách:	
Tên tác giả:	
Nhà xuất bản: Năm xuất bản:	
Mối quan hệ giữa tác phẩm và bối cảnh lịch sử, xã hội.	
Nguồn gốc thể loại, chữ viết, đề tài và hình tượng trong tác phẩm.	
Đặc điểm nổi bật về nghệ thuật, nội dung tác phẩm.	
	
Dự đoán ảnh hưởng, tác động của môi trường tới những yếu tố trong tác phẩm: mối quan hệ giữa tác phẩm và thời kì, giai đoạn văn học với các tác phẩm khác,...	
Những bài học, thông điệp rút ra từ tác phẩm.	

2. Đọc văn bản *Bên mộ cụ Nguyễn Du* của Vương Trọng (SGK, tr. 124 – 125) và hoàn thành bảng dưới đây:

Mối quan hệ
giữa độc giả và
tác phẩm

- Độc giả:
- Tác phẩm:

Điểm
tương đồng

- Độc giả “đặc biệt” là:
- Hình thức “đặc biệt” thể hiện nội dung đọc của độc giả:
.....
.....
- Những cảm nhận của độc giả “đặc biệt” được ghi lại trong bài thơ:
.....
.....

Tìm văn bản khác
có nội dung cảm
xúc tương đồng với
bài thơ *Bên mộ cụ
Nguyễn Du*

-
-

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

1. Đọc bài viết tham khảo *Chuyện lạ Phi châu – cuốn sách tươi mới về lục địa cổ kính* và nêu ý kiến nhận xét của em về các nội dung sau:

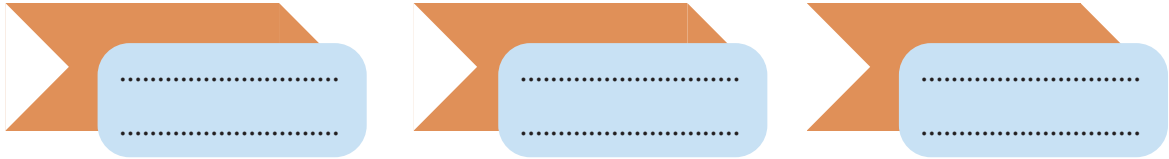
Nội dung	Ý kiến nhận xét
1. Mục đích của bài viết	
2. Cách đặt nhan đề	
3. Những thông tin quảng cáo trong nội dung của bài viết	
4. Cách trình bày của bài quảng cáo	

2. Tìm ý cho bài quảng cáo về một cuốn sách:

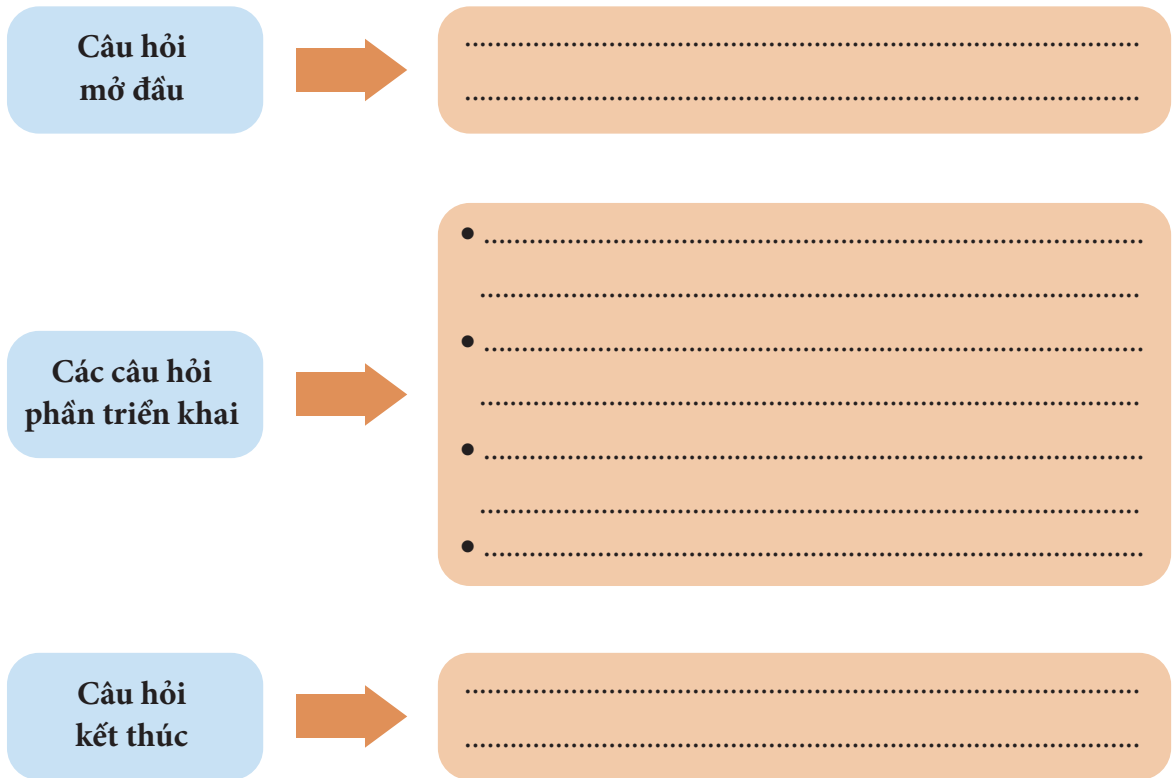
Phiếu tìm ý	
Tên cuốn sách là gì? Cuốn sách có những điểm gì nổi bật nhất?	
Tác giả cuốn sách là ai? Có điều gì đáng chú ý về tác giả?	
Cuốn sách ra đời trong hoàn cảnh nào?	
Những điều gì tạo nên nét độc đáo, sức hấp dẫn về nội dung và nghệ thuật của cuốn sách?	
Cuốn sách được xuất bản khi nào? Có thể tìm mua cuốn sách ở đâu?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

1. Các bước tiến hành một cuộc phỏng vấn:



2. Cách xây dựng hệ thống câu hỏi phỏng vấn:



3. Chuẩn bị phỏng vấn:

Vấn đề, đối tượng phỏng vấn	• • • •
Mở đầu cuộc phỏng vấn	• • • •
Các câu hỏi triển khai phỏng vấn	• • • • • • • •
Kết thúc cuộc phỏng vấn	• • • •

4. Bảng kiểm đánh giá cuộc phỏng vấn:

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ CUỘC PHỎNG VẤN				
Tiêu chí		Yêu cầu	Đạt	Không đạt
Nội dung	Mở đầu	Chào hỏi		
		Giới thiệu		
		Nêu vấn đề phỏng vấn		
	Triển khai	Các câu hỏi phỏng vấn làm rõ nội dung vấn đề		
		Số lượng câu hỏi phù hợp		
		Các câu hỏi mạch lạc, liên kết, tiếp nối theo trình tự hợp lí		
		Nội dung câu hỏi rõ ràng, tường minh		
		Xác định được tính chính xác, đủ/ chưa đủ của thông tin trong câu trả lời của người được phỏng vấn		
		Xử lí tình huống một cách khéo léo (bổ sung thông tin/ bổ sung câu hỏi mới,...)		
		Dẫn dắt từ câu hỏi này đến câu hỏi khác một cách linh hoạt, hợp lí		
		Tập trung làm sáng tỏ vấn đề phỏng vấn một cách khách quan		
	Kết thúc	Tóm tắt, tổng kết vấn đề phỏng vấn		
Lời chào, lời cảm ơn người được phỏng vấn				
Cách trình bày		Nói to, rõ ràng, truyền cảm		
		Thể hiện thái độ thân thiện, lịch sự trong suốt cuộc phỏng vấn		
		Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...) phù hợp		

ÔN TẬP HỌC KÌ II

(2 tiết)

A. MỤC TIÊU

- Hệ thống hoá được kiến thức về các loại, thể loại VB đọc, kiến thức tiếng Việt và kiến thức về các kiểu bài viết, bài nói đã được học, thực hành ở *Ngữ văn 9*, tập hai.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học, rèn luyện trong cả năm học để giải quyết các bài tập tổng hợp.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

Nội dung dạy học	Phương pháp, phương tiện	Chuẩn bị của HS
Ôn tập kiến thức (1 tiết)	– Phương pháp: dạy học hợp tác, thuyết trình. – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	HS chuẩn bị 7 bài tập ở mục A. <i>Ôn tập kiến thức</i> trong SGK (tr. 131 – 132) theo nhóm.
Luyện tập tổng hợp (1 tiết)	– Phương pháp: dạy học hợp tác, thuyết trình. – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	HS làm các phiếu học tập trong mục B. <i>Luyện tập tổng hợp</i> .

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. ÔN TẬP KIẾN THỨC

1. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức về các loại, thể loại VB đọc, kiến thức tiếng Việt và kiến thức về các kiểu bài viết, bài nói đã được học, thực hành.

2. Nội dung hoạt động

HS trình bày theo nhóm các bài tập đã chuẩn bị.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu các nhóm HS xem lại phần chuẩn bị bài tập ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó treo sản phẩm đã chuẩn bị lên bảng/ tường của lớp và trình bày sản phẩm.	– HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, trình bày, thảo luận, trao đổi.	– Kết quả thực hiện các bài tập ôn tập của HS.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS và tổng kết những kiến thức, kĩ năng trọng tâm trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe ở lớp 9.	HS lắng nghe, ghi chú.	Những kiến thức, kĩ năng trọng tâm trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe ở lớp 9.

II. LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

1. Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học, rèn luyện để giải quyết các bài tập tổng hợp.

2. Nội dung hoạt động

HS trình bày kết quả thực hiện phiếu học tập.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV yêu cầu HS xem lại, hoàn thiện phiếu học tập, chuẩn bị trình bày trước lớp. - GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp để nhận xét, góp ý bài làm cho nhau; GV kiểm tra, đánh giá một số bài của HS.	- HS xem lại, hoàn thiện kết quả thực hiện phiếu học tập, trình bày, trao đổi. - HS nhận xét, góp ý bài làm của nhau.	- Kết quả thực hiện phiếu học tập của HS. - Kết quả bài làm của HS được đánh giá, chỉnh sửa.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ NHIỆM

Thiết kế sách: NGUYỄN THANH THUỶ

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Sửa bản in: NGUYỄN THỊ NHIỆM

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

*Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ,
chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản
của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.*

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN NGỮ VĂN LỚP 9, TẬP HAI

Mã số:

In cuốn (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

In tại Công ty cổ phần in

Số ĐKXB:/CXBIPH/...../GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm

Mã số ISBN: 978-604-